



VƯỢT BƯỚC!

thuốc đánh răng

Perlón

ngày càng lên cao!



Trong giới nha-y

Perlón

được liệt vào hàng tinh vi nhất để giữ gìn miệng và răng. Trong giới công kỹ nghệ

Perlón

đã gây tin nhiệm và luôn luôn đứng đầu số sản xuất.

PHỔ THÔNG

Ngày ra đời: ngày 1 và 15

Chủ biên: NGUYỄN - VỸ

170

19 4 1966



NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

*của mọi người và
trong mọi gia - đình*



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÂU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lao, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ SỐ 170 ★ 154-1966

1.— Đặt Máu (thơ)	Nguyễn-Vỹ	6 — 8
2.— Do-Thái: đi tìm hạnh-phúc	Đức-Tiến	9 — 12
3.— Kim Thạch Kỳ Duyên	Thái-Bạch	13 — 23
4.— Cô Diệu (truyện)	Duyên-kiếm-Ảnh	24 — 30
5.— Cổ-dò (thơ)	Trần-minh-Phú	31
6.— Bức thư Paris	Nguyễn-vân-Cồn	32 — 38
7.— Giã từ (thơ)	Nguyễn-Vương	39
8.— Mấy vụ đảo chính ở Nam-Dương	Trịnh-văn-Tiến	40 — 47
9.— Thần thoại Hy-Lạp	Đàm-quang-Thiện	48 — 53
10.— Giấc mộng họ	Thanh-Việt-Tanh	54 — 57
11.— Nhận diện (thơ)	Phan-Trần	58
12.— Lưu-Trọng-Lưu	Trần-tuấn-Kiệt	59 — 62
13.— Người của Hà-nội (truyện)	Nhất-Tuấn	63 — 69
14.— Còn nhớ không (thơ)	Phương-Đài	70

15.— Đi tìm sự thật về Bác sĩ Jekyll	Tế-Xuyên	71 — 82
16.— Phần mộ lễ-tiên Lê-Vương	Ái-Lan	83 — 86
17.— Đời Vua Minh-Mạng	Phương-Hà	87 — 90
18.— Thơ sống (thơ)	Tuyết-Đào	91
19.— Người chiến quốc: Triệu Quát	Thiếu-Son	92 — 99
20.— Phồ-Thông vòng quanh thế-giới	Tin-Khanh	100 — 104
21.— Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	105 — 110
22.— Lửa tình	Trần-tuấn-Kiệt	111 — 114
23.— Thư bạn đọc	P.T.	115
24.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	116 — 130



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 - ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - ★ Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG» và đừng viết tắt.
 - ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa

LONG HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

đất máu

★ NGUYỄN VỸ

BOM đạn nổ âm âm.
Trong chùa tịch tịch, tiếng chuông, tiếng...
Đêm nay Vía Đức Quán-Thế-Âm.
Trăng mười-chín trong-lành như nước cam-lộ.
Hỏa-châu quét một vùng cây cỏ,
Tươi ánh-sáng máu trên cánh đồng lúa đỏ.
Máy-bay tru như chó sủa ma.
Một tiếng nổ,
Một tiếng thét,
Một tiếng chết.
Thầy Tỳ-kheo tụng Kinh Diệu-Pháp-Liên-Hoa
Phổ-môn phẩm.
Chuông ngân vang mười phương xa thẳm.
Trăng sao thanh-tịnh-bình,
Đồng-quê im-lim như lắng nghe Kinh.

Bom dội
rầm-rầm,
Đạn nổ
âm-âm.
Mái chùa rung-rinh muốn sụp đổ.
Tiếng mõ cùm-cùm : *Nam-mô*
Hắc ra đát na đa ra dạ gia,
Nam-mô a-ri-gia
Bà- lô yết đế...
Âm, âm,
Cắc-cắc-bùm.
Cắc-cắc-bùm.
Rầm, rầm,
Tạch-tạch-tạch-tạch-tạch... Âm.
Âm.
Đêm nay lễ giáng-sinh vị Bồ-tát
Đại từ-bi, năng cứu khổ,
Và đêm nay bom đạn nổ
Giết chết hàng trăm sinh linh.
Dù muôn triệu tin-đồ tụng Kinh
« Ngũ-Bách-Danh » của Quán-thế-âm Bồ-tát,
Thần-lực nào cứu-thoát
Vong-hồn nào siêu-sinh ?
Tôi có ra thăm trận-mạc
Tay lần chuỗi hạt huyền
Tôi có xem những thầy nằm rải rác.
Xác ai chết mà hồn ai có thiêng ?
Ai lên Cự-lạc ?
Ai xuống Cửu-tuyền ?

Ta giết địch, địch giết ta.
 Ai được siêu-thăng tịnh-dộ ?
 Ai thành quĩ-dạ-xoa ?
 Tôi muốn hỏi những người đã chết :
 — « Giết nhau tại vì đâu ? »
 Tôi muốn hỏi những người chưa chết :
 — « Giết nhau còn bao lâu ? »
 Tàu-bay quần trên chiến-tuyến
 Tru như chó sủa ma,
 Đoàn người đông như kiến.
 Thấp-thoáng như bóng ma.
 Thấy ai nằm trọn trắng mắt
 Nhìn tôi, cười khà-khà :
 — « Ta chết, kiếp này hết khổ đau.
 Nhưng chưa hết hận-thù non-nước Việt
 Đất ta còn chia cắt,
 Dân ta còn ly biệt,
 Còn thù, còn giết.
 Muốn kiếp sau ! »
 — Hỡi mái tóc,
 Hỡi màu da,
 Ai là thù ?
 Ai là ta ?
 Đã bao nhiêu tàn-khố
 Trong hai chục năm qua,
 Đã bao nhiêu tang-tóc,
 Còn mang kiếp hận a ?
 Xác chết trọn mắt, nghe răng, cười khà-khà.

 Tôi im-lặng gục đầu ôm Đất máu.

★ **NGUYỄN-VỸ**
 (*Pháp danh Tâm-Trí*)

DO-THÁI

ĐI TÌM HẠNH PHÚC

★ **ĐỨC - TIẾN**

Muốn được sống sung sướng

CÁCH đây vài tháng, dân Do-Thái đã đi bỏ phiếu bầu ông Levi Eshkol lên làm thủ tướng. Ông này đã thắng thế nhà lão thành Ben-Gurion, người đã có công sáng lập và xây dựng nước Do Thái ngày nay.

Như vậy là sau những năm dài vật lộn để sống còn, người dân

Do Thái ngày nay đã tỏ ý muốn hưởng thụ cuộc đời.

Một ký giả ở Tel Aviv (thủ đô) đã nói : « Chúng tôi đã quá mệt mỏi để sống như một trang sách của cuốn Exodus, chúng tôi muốn sống một chút ít. »

Sống một chút ít ở Do Thái có rất nhiều ý nghĩa. Đối với một thanh niên thuộc gia đình trung lưu ở Hai-Fa, điều này có nghĩa là được dạo chơi ở Hí viện Armon vào một chiều thứ bảy đông đảo để đi tìm một HATICHAH (đào). Trong thành phố đông như Tel Aviv, sống một chút ít có nghĩa là đi xem chớp bóng hoặc đi xem hát, rồi sau đó ngồi trong một quán cà phê nhắm nháp ly cà-phê lạnh, và trong những trại cộng đồng, điều đó có nghĩa là xây một bể bơi công cộng hay mở một hiệu uốn tóc.

Có một vài người Do-thái đã lên tiếng than van về phong trào tìm cách làm cho cuộc sống vật chất dễ chịu hơn, lấy cớ rằng sống sung sướng sẽ hủy diệt lý tưởng và tinh thần khai hoang mà xưa kia đã là đặc tính của quốc gia Do thái.

Những người này than thở :
 — Chúng tôi đang trở thành một quốc gia như những quốc gia

khác. Còn đâu là những bài học luân lý mà chúng tôi đã dạy cho thế giới.

Những kẻ thực tế đã trả lời :

— Chủ nghĩa Do Thái nay đã thuộc về quá khứ. Lý tưởng cũng không còn là cái mới nữa. Thời thế nay đã khác.

Mức sống ngày càng lên cao

Đúng như vậy, nền kinh tế của Do Thái nay đã thay đổi. Từ cuộc sống ăn bữa sáng lo bữa tối của đa số dân chúng cách đây 17 năm khi mới lập quốc, dân Do Thái ngày nay đã có một cuộc sống khá dư dả. Lợi tức tính theo đầu người mỗi năm gia tăng thêm 1.000 Mỹ kim — nghĩa là chỉ kém có xứ Hòa Lan. Tổng sản lượng quốc gia tăng mỗi năm 9 1/2 phần trăm trong khoảng 17 năm qua, và sản xuất về kỹ nghệ năm 1948 là 170 triệu Mỹ kim, năm 1964 lên tới 1.900 triệu Mỹ-kim.

Số tư nhân có xe hơi đang từ 9.578 năm 1951, ngày nay là 60.581. Các nhật báo dày những mục rao vặt bán nhà từ 30.000 cho đến 50.000 Mỹ-kim, và rất có

những người mua.

Các quán ăn, rạp chợp bóng, rạp hát đều chật ních những người, các cửa hiệu bán đủ các thứ hàng, từ đồ đạc của Đan-mạch cho tới đũa bông của Ba-Lan.

Giữa các quốc gia thù địch

Tuy nhiên, trong khi mọi người đua nhau để thực hiện cuộc sống sung sướng thì xứ Do Thái bây giờ còn có những vấn đề nóng bỏng như là mối đe dọa tấn công của các nước láng giềng Ả Rập và sự thất bại của quốc gia Do Thái trong việc đồng hóa thiểu số dân người Ả Rập (cứ 10 công dân Do Thái lại có một người gốc Ả Rập).

Những vấn đề quan tâm của thế hệ hiện nay

Kể từ năm 1918, đã có 1 triệu 2 người Do Thái trở về xứ; họ từ 94 quốc gia tới, nói 70 thứ tiếng khác nhau.

Sự hòa hương dồn dập này đã

đưa tới cái gọi là « nước Do Thái thứ hai » — 60 phần trăm trong tổng số 2 triệu rưỡi dân gốc người Đông Phương hoặc Sephardic. Đó là những người Do Thái từ Bắc Phi, Á châu, Trung Đông tới, với những căn bản văn hóa và xã hội hoàn toàn khác biệt đối với người từ Ashekenazim hoặc người gốc Âu châu đã tạo lập nên quốc gia Do Thái. Hố cách biệt giữa hai nhóm người này, theo thủ tướng Eshkol « đã là mối quan tâm nhất của thế hệ chúng tôi ».

Một vấn đề khác không kém phần quan trọng là sự cách biệt giữa những người không theo đạo chính thống hoặc không có đạo nào với những người sùng đạo. Do Thái giáo là quốc giáo, và ảnh hưởng của các lãnh tụ tôn giáo vượt hẳn ra ngoài phạm vi thánh đường. Tại thủ đô Tel Aviv, và tại Jérusalem ngày lễ Sabbath không có các xe chuyên chở công cộng chạy, và các phi cơ ở phi cảng Lod cũng ngưng hoạt động. Hôn lễ dân sự không hề có và ngay đến kẻ vô thần cũng phải làm lễ cưới tại thánh đường. Ly dị, nuôi con nuôi, và các vấn đề hộ tịch khác đều thuộc thẩm quyền của

các Tu sĩ và chỉ có cách giải thích theo Do Thái giáo chính thống mới được chính thức công nhận.

Những cố gắng để thành lập một cuộc cải cách tôn giáo theo kiểu Do Thái giáo ở Hoa-kỳ đã bị các nhà tu kích liệt chống đối.

Lý do tại sao các tu sĩ chính thống có uy quyền như vậy là vì các đảng phái chịu ảnh hưởng tôn giáo, đã chiếm được từ 12 cho tới 15 phần trăm số phiếu, và những đảng này rất cần thiết để thành lập một chính phủ liên hiệp.

Thời gian không chờ...

Nhưng trong những năm gần đây, đa số người Do-Thái không theo đạo chính thống, hoặc không theo đạo nào đã lớn tiếng chỉ trích lối xử dụng uy quyền của các tu sĩ.

Một bà nội trợ nói :

— Giới tu sĩ đã làm tê liệt cả thế hệ chúng tôi. Họ chỉ đào sâu thêm hố ngăn cách giữa họ và các người không theo đạo chính thống. Tại sao các vị đó lại bó buộc tôi phải chấp nhận ngưỡng của họ.

DO THÁI ĐI TÌM

Một vài người Do Thái không thấy có lối thoát cho vấn đề này. Một phụ tá của thủ tướng Eshkol nói :

-- Quả là một vấn đề nan giải. Nếu có thể được phải nên tránh đề cập tới, và hy vọng thời gian sẽ giải quyết.

« Chờ thời gian » hình như đó là câu trả lời của nhiều người Do Thái trong cơ quan định cư, đối với mọi vấn đề xã hội ở Do Thái. Nhưng trong một xứ sở mà trong vài chục năm sự tiến triển đã vượt hàng thế kỷ, thời gian không chờ.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DO THÁI

	1948	1965
Dân số	790.000	2.525.6000
Xuất cảng (Mỹ kim)	28.500.000	352.000.000 mỹ kim
Diện tích trồng trọt	308.000 mẫu	1.040.000 mẫu
Tàu	4 cái	83 cái



★ **Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phước, vi bất thiện giả thiên báo chi dĩ họa.**

(Ý nói người làm lành thì trời lấy phước mà trả lại, kẻ không làm lành thì trời lấy họa mà trả lại...)

Đức-Phu-Tử

**MỘT TÁC PHẨM LỚN
CỦA VĂN NGHỆ VIỆT
NAM ĐƯỢC DỊCH
RA PHÁP VĂN**

**MỘT VỞ TUỒNG
PHẢN ẢNH XÃ HỘI
MIỀN NAM Ở THẾ KỶ
XIX...**



● THÁI-BẠCH

**KIM
THẠCH
KỶ
DUYÊN**

(tiếp theo P.T.169)

**Giá trị văn chương
của Kim Thạch Kỳ-Duyên**

Về phần này, tác-giả dùng đủ tất cả lối hát bộ như :

I.— Nói lời, lối hát này chiếm đến 8 phần 10 trong tuồng, tác-giả dùng lời văn biền ngẫu dài vẫn không chừng, có pha lẫn cả Hán và cả Việt, và luôn luôn có hai vế câu đối nhau, như đoạn nàng Giải-thị tuần tiết :

Giải-thị viết :

*Chàng ngậm cười chín Suối,
Thiếp uống thảm ngàn nọ.
Nước oan thù thấm thoát từ
đây,*

*Sóng lỵ biệt lao sao thuở nọ,
Đầu Tiên-Tặc đổ mà đặng đó
Mặt tiền-phu nào thấy đầu
nào.*

Tiền-phu ơi !

*Bất nhị canh hồ phận má
đào (13)*

Vô tư chiếu in vầng trắng
bạc (14)

Như thiếp chữ :

Nhờ nuốc khôn che đậy mắt,
Hồ hang dễ lấp ngọc lòng.

Nguyện tận tiết vu ba trung
(14)

Thứ tông phu ư tuyền hạ (16)

2 — Lối hát Nam thường dùng theo thể lục bát hay song thất lục bát, thí dụ như đoạn Ngạn-Yêm trên đường đi nhậm chức :

Ngạn-Yêm viết :
Bồ quận ngàn trùng nhẹ nhẹ,
Vững lòng thuyền nào nề
phong ba.

Ngựa vàng đức ý hoàng gia,
Trung thành hai chữ tuy hòa
muôn dân.

Trải qua mấy giải yên vân,
Non thời vẻ gấm, nước ngàn
màu sương.

3 — Như hát khách, lối hát này gồm đủ các thể :

— Hát khách thương (văn thơ thất ngôn)

— Điệu phú lục (văn phú)

— Xương hay bạch (văn

thơ thất ngôn)

— Ngâm (văn thi thất ngôn, và ngũ ngôn)

— Tàu mã (hát mau, vừa chạy vừa hát)

— Hát bang (hát cả một đoàn)

— Hát bài (hát khen nhau)

Thí dụ :

Giải-Thị, Thuần-Cương

viết :

Ta hồ, Tiên giá cảnh hà chí,
Cát đoạn can trường hận
biệt ly.

Vân âm Đĩnh hồ long khứ
viễn,

Nguyệt minh hoa biểu hạc
quy tri (17)

Với các lối hát trên tác-giả xen kẽ những thể thơ, hát với nhau rất công phu. Mục-dịch là sửa đổi giọng thơ, đổi không khí trong tuồng, tùy theo tiết điệu, tùy theo hoàn cảnh và tùy theo tâm trạng của con người.

Nhưng có điều tác-giả dùng chữ Hán rất nhiều, nên giới bình-dân khó lòng

mà hiểu được những ý-nghĩa sâu xa mà tác-giả muốn nói lên trong đó, tỷ dụ như trong một đoạn này :

Kim-Ngọc viết :

Đại tiết linh nhân khả
tướng,

Dạ đài tuy tử do sanh

Xin phụ thân an tại biênthành

Cùng hiền đệ tuần-du trọng

địa (18)

Chúng tướng :

Tề nghi chỉnh bị

Thuyền chích nghiêm minh.

Truyền quân nhân giang

khẩu tán thành,

Đặng cho ta hộ bá-mâu hải

tân tri lễ (19)

Bởi dùng chữ Hán, và dùng có lối lang phép tắc cùng đối đáp chỉnh tề, nên sau khi vở tuồng này ra đời có người đã chịu khó học thuộc lòng để khi làm phú hay đối sách phải khó nhọc khi đi tìm những câu biện ngẫu.

Cái lối dùng chữ Hán như vậy, và lại rất nhiều điển

tích nữa, đối với bây giờ tuy không còn hợp, nhưng đối với thời đại của tác-giả, một thời đại lối văn bác cổ và từ chương còn được chiếm một địa-vị gần như độc tôn trong văn học thì đó chính lại là một cái hay của nó, và đó cũng là một sự thành công của tác-giả, cho nên đã có người đề tựa khen là :

Kỳ duyên ba thứ, lớp phó trương sử Mã đời truyền (20)
Cầm tú ngàn câu, chữ bao hiểm kinh Lân roi đề (21)

Những đoạn thi văn bằng chữ Hán trong tuồng tuy có nhiều điển tích, đối với thời đại bây giờ, lối sáng tác ấy không còn tồn tại nữa vì nó là những món ăn đã xưa, đã lạc hậu đi xa hẳn một trời một vực với sự tiến bộ của nền văn học và văn nghệ hiện nay, cả về phương-diện hình thức lẫn nội dung, nhưng đối với đương thời, một thời

đại cách đây gần cả một thế kỷ, thì lối ấy vẫn còn được nhiều người ưa chuộng, và coi như là một thông lệ và quan niệm sáng tác, của các nhà Nho. Cái lối dùng nhiều điển tích, đối với bây giờ là một khuyết điểm, nhưng đối với thời đại ấy lại là một sự được gọi là một tác phẩm có nhiều giá trị. Đồng-bào ta tuy ngày nay xem đến vở tuồng này không khác nào như chim qua vào rừng, nhưng đối với thời đó lại gần như quen thuộc. Cho nên lấy con mắt của các nhà phê bình ngày nay mà bảo rằng tác giả đã cầu kỳ hoặc lập dị thì đó là một cách phê bình thầy bói, nghĩa là đã đi xa thực-tế, đi lạc ra ngoài hoàn cảnh xã-hội và tính chất thời đại của tác-giả. Xét một tác-phẩm, nếu ta không nhìn vào hoàn cảnh, và thời đại của tác giả thì không thể nào tìm hiểu được cái chân

giá trị của nó, vì tác phẩm chính là con đẻ của thời đại, xuất phát từ thời đại chứ không phải là một cố định cho mọi thời gian và thế kỷ.

Viết vở tuồng Kim-Thạch Kỳ-Duyên này, tuy nhiên ông Thủ-Khoa Bùi-Hữu-Nghĩa dùng rất nhiều chữ Hán, nhưng bên cạnh khuyết điểm này, tác giả lại có một ưu điểm khiến cho bây giờ xem đến cũng còn nhiều người kính phục là ở những đoạn dùng văn Nôm, ông lại áp dụng bằng cách đưa vào được rất nhiều những phong-dao, tục-ngữ, và xếp đặt lại có đối trọi rất tài tình. Tỷ dụ như nàng Bạch-Thị ghen, nói với chồng là tri huyện Lợi Đờ :

*Từng thấy nhiều người tham
đó bỏ đấng*

Ông đừng nói bực lấy, hãy
đề vạy chẻ tre nghe lóng.
Và nàng Điều-Thị, vợ bé của Lợi-Đờ khi định giết vợ cả :
Bảy thiệp năm thế thì nói vạy

*Một chình hai gáo ngấm
thêm gầy.*

*Rất đối là bát trong sóng còn
động thay ;*

*Tôi muốn cò về tay cho dễ
phất,*

Ngoài điểm này, trong Kim Thạch Kỳ Duyên, ông Thủ Khoa Bùi còn có ưu điểm là khéo phô diễn ra từng khẩu khí của mỗi một nhân vật, từ bực trung trực, đáng hiên lương, nhà lễ giáo, hàng anh tài đến kẻ gian nịnh, khách làng chơi, người tham tàn, đứ đả hung dữ, mỗi người một tâm-lý riêng biệt thốt ra ngay từ cửa miệng họ.

Như tên tri huyện Lợi-Đờ thì :

*— Đường khoa - mục
không ngo việc phụng thù là
quá kỹ chó ;*

Người ta thấy quan
thượng ty ngài thương tôi
cho nên :

*Thấy tình quái thì cho
rằng quý, chó không khôn
ngoan, đã dễ kiếm được*

*quan.
Rất đối là, đặng chức
việc trong làng, thời cũng
phải nhân tình với tổng
chờ.*

Tên lại-mục thì :
*Chức phận làm lại mục,
làng xã bầm thầy Đờ,
Như ta thấy gái to lại đồ
chứng dề.*

*Còn sợ quan lớn nhất hơn
quá thổ.*

*Tánh hiềm ghét đầu hư đó,
Máu tham giúp ít ăn nhiều,
Việc a đũa quan trưởng thầy
đều yêu.*

*Tiếng khắc bạc tổng làng
đều nép sợ.*

Tên khách trú đi đến lâu
xanh thì :

*Y kia, y sao tình quý, góa
chẳng yêu ma,*

*Con Châu, lừ đã mắc tìm-la,
bồ hồ à*

*Góa không thêm chè ả, trả
bạc cho góa, góa khự.*

Nói chung, về phương-
diện văn chương, đối với
đương thời Kim-Thạch Kỳ-

Duyên là một áng văn thơ xuất sắc tập trung được tất cả các môn nghệ thuật, mà chính đó cũng là phản ảnh khá cụ thể cái tài văn-chương và cái năng lực về học của tác giả gồm đủ cả y, nho, lý, số và những sự lẫn lộn từng trải ở đời, khi thi đỗ, lúc làm quan, khi ngồi trong ngục tù, lúc ra nơi trận mạc, vân vân...

Nội dung tư-tưởng của Kim-Thạch Kỳ-Duyên

Đọc Kim-Thạch Kỳ-Duyên chúng ta thấy rằng tác-giả đã chịu ảnh-hưởng sâu xa về tư tưởng Khổng học.

Bởi thế, suốt trong tất cả các nhân-vật, đều có len lõi tinh-thần trung hiếu tiết nghĩa, tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác.

Kể ăn ở dù thi dù được hiển vinh đến đâu, nhưng rồi

cũng phải lâm vào cảnh khổ. Trái lại người hiền lành thì dù bị gian truân cách mấy, cuối cùng vẫn hưởng phong lưu phú quý. Việc cho con Ngân Yên, Lâm Ngọc và nàng Ái-Châu cùng tri-huyện Lối. Đó là những chứng minh.

Nó có một nhược điểm là dễ khiến cho người đọc đoạn trước được kết quả của câu chuyện, nhưng có một cái thế là đưa vào đó, tác-giả đã đề cao được luân-ly, giáo dục, và đề đả kích những gì là tệ đoan xã-hội.

Xem đến đoạn nàng Ái Châu vì bội hôn, trả hôn sau phải khổ sở, đi ở làm đầy tớ và rơi vào nhà Kim-Ngọc để bù lại sự bạc bẽo khi xưa, rồi cuối cùng, nàng phải thất cổ chết ở trước một ngôi chùa. Có người cho tác-giả đã ảnh-hưởng Phật-Giáo. Nhưng nếu đề cập đến thuyết thiện ác đão đầu chúng hữu bảo thì chính ý niệm này cũng

có trong Nho-giáo. Chỉ lấy một việc đó mà đánh giá tư tưởng của tác giả thì chưa được rõ ràng cho lắm. Hướng chỉ trong Kim-Thạch Kỳ-Duyên, tác-giả đã đưa vào một nhà tu hành là hòa thượng Hu Vô, và đã vẽ ông này thành một con người lười biếng chồn việc công đi ở chùa :

*Dạ nương cửa Phật đời
màu tang.*

*Lần chuỗi bỏ đề đề kiểm ăn
Nhắm mắt lim dim lòng
tưởng nhớ.*

*Mơ kinh thì thức tụng lang
nhang.*

Như ta.

Nghề nghiệp ít ai bằng,

Tu hành nhiều kẻ mắc,

Bát tui rày nương cửa Phật,

Dám đề mùi đạo như say,

Thong thả màu thiền đề đời.

Cho nên nói về phần này, chúng ta có thể nói rằng cái tư tưởng của tác giả là tư tưởng của Khổng-học, nhưng không được đến cho

chí tình của nó, tuy có xấu xa, nhưng cái ảnh hưởng ấy, vẫn còn nằm trong phạm vi của cái học Nho, Lão, Thích tam giáo đồng nguyên và của các Nho giáo thời Đường, Tống, Nguyên, Minh vậy.

Động cơ sáng tác của Kim Thạch Kỳ Duyên

Có người nói rằng vở tuồng Kim-Thạch Kỳ-Duyên của ông Thủ-Khoa Bùi-Hữu-Nghĩa ra đời là do câu chuyện này :

Sau khi bà chánh thất Nguyễn-Thị-Tồn qua đời, ông Thủ-Khoa có đi nói cô gái thứ của ông xã-trưởng Lưu-Văn-Du ở An-Giang.

Đám hỏi xong, ông Thủ-Khoa có việc công, phải đi xa vắng một thời gian. Tới ngày thành hôn, bà chị cả ông ở nhà là bà hai Thua phải đi rước dâu thế.

Không hiểu ông Du nghĩ thế nào, mà khi hứa hôn thì hứa con gái thứ, đến lúc đưa dâu lại trao vào bằng cô lớn là Lưu-Thị-Y. Còn người thứ nhì để gả cho ông Đề Đốc Đình.

Khi ông Thủ-Khoa về, nhìn vô không phải là người mình hỏi trước. Ông bực lắm, những lễ vật đã phải chỉ biến mất nhiều quá, nên đành phải buộc lòng chịu vậy.

Rồi đó, ông viết ra Kim-Thạch Kỳ-Duyên mà Kim-Ngọc là ông thân của ông, còn Ái-Châu là cô gái thứ của ông Du.

Và nàng Giai-Thị, một người đàn bà rất đảm đang khi tiết, sống trong lòng gđịch mà luôn luôn lúc nào cũng nghĩ đến hai nhiệm vụ cần thiết là nuôi nấng con để tránh khỏi nạn tuyết tự, báo thù cho chồng để cho người nằm dưới suối vàng

được an lòng yên giấc, cũng có thể là hình ảnh của bà chánh thất ông đã chịu trăm cay nghìn đắng, tranh đấu cho chóng khỏi oan ức như trên kia chúng tôi đã thuật.

Nếu quả như vậy thì cái việc bị trao hôn trên kia theo chỗ nhận xét của chúng tôi, cũng chỉ là một cái động cơ phụ thuộc, mà chính của nó phải nói là tình trạng xã-hội lúc đó, một tình trạng xảy ra không biết bao nhiêu là những cái tệ-doan, nền tảng luân thường và đạo lý cổ truyền của dân tộc đã phải yếu đi vì thế lực tiền tài, nên quan cai trị chỉ tham những như tri huyện Lợi-Đỗ, kẻ tu hành thì khoác áo cệ sa giả như hòa thượng Hư-Vô, tu tước bằng hữu đến nghĩa vợ chồng, đã sợ đều do nơi quyền thế và tiền bạc quyết định. Thậm chí đến nơi hiền cương có giấc giả. Tiêu-

Hóa-Long có là chỉ vào đám giấc Miên thường hay quấy nhiễu ở biên giới. Mà trong triều lại có kẻ bày tôi nịnh, vì thù riêng mong hại người trung-lương, và manh tâm giúp giấc. Do đó, ông Bù mới viết ra vở tuồng này để ngụ ý khuyên răn người đời, cũng đã kích những hạng quan lại mục nát và những kẻ nhà giàu tham của, cậy có khinh nghèo, và chỉ cho chúng biết kết quả là kẻ bị giết, người thì bị hình, đũa thì tán gia bại sản và thất nghiệp sa cơ.

Bởi động cơ sáng tác là tình trạng xã hội, hay nói một cách khác Kim-Thạch Kỳ-Duyên là một sản phẩm của thời đại về bộ môn sân khấu mà nói đúng nó chứa đựng tính chất khen chê để răn dạy người đời, nên có câu khen của người đề tựa như trong phần văn

chương của vở tuồng này, chúng tôi đã nói đến.

Kết luận về Kim-Thạch Kỳ-Duyên

Nói tóm lại, Kim-Thạch Kỳ-Duyên là một vở tuồng hát bội tuy nói là diễn tả một mối tình duyên kỳ lạ giữa hai họ Kim, Thạch, câu chuyện xảy ra đời nhà Tống bên Tàu, nhưng hoàn toàn là một sáng tác phẩm của ông Thủ-Khoa Bù-Hữu-Nghĩa mà mục đích của tác giả là đề cao những luân-lý và đạo học làm người theo quan niệm và lập trường Nho-giáo.

Vở tuồng tuy có nhiều khuyết điểm về hình thức cũng như về nội dung, nhất là rất kém về phương diện những tư tưởng và hành động đấu tranh để đối với những sự kiện và hoàn cảnh xảy ra. Nhưng nó là sản phẩm

ảnh được khá nhiều về hình ảnh sinh hoạt xã hội, giới thiệu lên được tất cả các hình thức văn nghệ dân tộc ở thế kỷ 19 và cái đặc biệt của nó là đã hướng dẫn người xem đi vào cả những vấn-đề chuyên - môn như việc làm thuốc và xem tuồng v.v...

Vở tuồng này tuy ngày nay không còn thích hợp về hình thức của nó, nhưng với cái cốt truyện ly-kỳ càng thêm gây cảm và lạ lẫm ấy, nếu được sửa đổi và thay vào bằng một hình thức diễn xuất mới, chúng tôi thiết tưởng vẫn có giá trị rất nhiều về phương diện giáo dục tranh đấu và xây dựng.

Và với hình thức đã có của nó tuy không còn thích hợp với thế-kỷ này, nhưng nó vẫn còn một giá trị đánh dấu một thời đại. Xem đó, chúng ta ngày nay có thể biết được



một phần lớn về sinh hoạt của xã hội, đủ các giai cấp và các giới người ở thời đại lúc đó. Và qua đó, chúng ta còn có cái lợi là nghiên cứu ra được rất nhiều những hình thức của văn nghệ thời trước.

Ngoài những điểm trên này, chúng ta còn nhận thấy tác giả Kim-Thạch Kỳ-Duyên là người đã có công lớn về ngành sân khấu ở thế kỷ 19, một ngành rất quan trọng của công tác văn nghệ mà thời đại ấy, vì quan niệm phong kiến, các cụ nhà ta xưa đã đánh giá rất thấp. Hơn nữa, việc soạn vở tuồng này, ông Thủ-Khoa

Bùi lại hoàn toàn đứng trên căn bản của tinh thần phục vụ. Tác giả viết để phục vụ đồng bào, cho ai muốn tập diễn hoặc in ra, tùy ý. Thời đại ấy, ở nước ta, các nhà thi văn có lẽ chưa có bản quyền và hoa hồng của tác phẩm, cho nên một quyển sách hoặc một vở hát ra đời, mục đích của tác giả hoàn toàn không phải nhằm vào tài chính và thương-mại.

(9) Ai ta hộ hiền phụ nghĩa là thương ơi người vợ hiền.

(10) Tóc du là mau chóng hết bệnh.

(11) Tuấn có lẽ quyền nghi tháo tang là theo lẽ xưa chôn cất dàng hoàng.

(12) Thủy chung tình trạng là tình trạng trước sau.

(13) Bất nhị canh là không lấy hai chồng, do chữ sách « Liệt nữ bất canh nhị phu.

(14) Vô tư chiếu là không soi riêng một ai hay một chỗ nào.

(15) Nguyên tận tiết nghĩa trong làn

sóng ý nói đâm đầu xuống sóng chết để cho toàn liệt nghĩa.

(16) Thứ từng phu ư truyền hạ là để theo chồng ở nơi suối vàng.

(17) Bốn câu này có nghĩa là than ôi người đi lên diều ở chốn này để cảnh biệt ly như dao cắt từng khúc ruột! Mây mờ hiện lên ở Đỉnh Hò là rồng đã đi xa, trăng sáng Hoa biểu là chim bạc vì chạm. Ý nói người đã mất rồi không còn tìm thấy dấu nữa.

(18) Bốn câu này có nghĩa là có tiết lớn khiến ai cũng phải khen ở dưới dạ dài tuy thác cũng như sống, xin phụ thân hãy ở lại biến thành để con cùng với hiền đệ đi tuần nơi đất hiềm.

(19) Bốn câu này có nghĩa là sửa soạn thuyền bè và nghi lễ cho nghiêm minh, rồi truyền cho quân nhân thẳng tiến ra cửa sông, để ta giúp việc tế lễ cho bà bác.

(20) Sở mã là sử ký của Tr. Mã-Thiên, một nhà làm sử nổi tiếng bên Tàu về đời Hán-Vũ-Đế.

(21) Kinh lân là kinh Xuân-Thu của Khổng-Tử.

(22) Hai gò má cao ắt hai chồng, sóng mũi gầy tám địa không đứng đắn, lưng đi không thẳng, nghèo hèn lột bọc, mắt ngó lè xè, không khỏi mang tiếng xấu.

(23) Nếu chẳng làm đi thì là vợ ăn mày. Cô gái này chỉ vì nước da lột và sắc dọa nên không thể sống qua hăm bảy tuổi.

Chúng tôi ba đứa theo chân mẹ mỗi bước vào nhà, thật ra là một cái chòi thấp lè tè, xiêu vẹo, mà chúng tôi phải khom người mới vào được bên trong. Ánh sáng tối lò mò, mãi một lúc sau chúng tôi mới nhìn rõ mọi vật. Bên chiếc bàn gỗ cũ kỹ kê bên một góc nhà, hai khuôn mặt lặng lẽ nhìn chúng tôi.

Một thằng bạn cất tiếng khẽ hỏi : Có hai em sao bà ? — Ừ, kẹt quá, tụi nó đi hết. Mà em mới đó nghe. Quay nhìn ba chúng tôi mẹ hỏi : Ai «đi» trước đây ? — Được rồi, phần tôi thì khỏi! Hai thằng bạn quay nhìn tôi hơi thắc mắc nhưng chúng nó đâu có thì giờ nghĩ ngợi, mẹ chủ đã lấy mắt ra lệnh cho hai cô em khoác màn vào bên trong rồi.

Tôi bước lại chiếc chõng tre kê trọn một bên nhà còn lại của gian trước này mà ngả lưng tạm. Một trong hai

CÔ DIỆU

TRUYỆN NGẮN

* DUYÊN

KIỂM

ANH (KBC 4664)

khuôn mặt của các em đã làm tôi suy nghĩ lung tung. Mẹ chủ bước đến gọi chuyện. Tôi nằm yên và không có can đảm nhìn thẳng vào gương mặt đáng đá của con người điển-hình cho giới ăn chơi độ được. Mẹ kể lể bên tai, tôi nằm nghe như một tin-đồ ngoan đạo nằm nghe giáo-lý.—Câu biết, học sinh đó không chớ. Em nó mới vào nghề nên còn nhát lắm... Bỗng nhiên tôi vụt hỏi mẹ : Em mặc áo trắng tên gì đó bà ?— À,



con Diêu hả ? Con nhỏ người Bắc dễ thương lắm cậu ơi. Tôi giật mình : Lại người Bắc ? — Ừ, sao ? — Không ! Xem chừng đã chán, mẹ bỏ lẳng đi.

— Diêu, cũng người Bắc !

Thật ra tôi đã rất ngạc nhiên từ lúc mới vào đây khi bắt gặp cô gái chưa từng quen biết nhưng có gương mặt quá quen thuộc này. Tôi thấy Diêu giống chị Nguyễn như hai giọt nước. Chị Nguyễn cũng người Bắc, chị là đoàn - trưởng trong cùng một Gia đình Phật tử mà tôi từng sinh hoạt năm trước đây. Tinh tinh chị Nguyễn

hiền lắm, ai cũng mến chị phục-vụ cho đoàn-thể thì lúc nào chị cũng hăng say. Tự nhiên trong đầu óc tôi nảy ra một sự so sánh giữa chị Nguyễn và Diêu, hai người con gái trạc tuổi nhau giống nhau như khuôn đúc, nhưng một người thì sống thanh cao còn một người lại ngụp lặn trong cuộc sống tiện nhất xã-hội. Tôi lại thắc mắc mãi ở chỗ giống nhau giữa hai người. Ở đời này, giữa những người không liên hệ thân-tộc lại có thể giống nhau được như thế sao ? Thế là tôi có ý định tìm biết cuộc đời của Diêu

và tôi quyết sẽ thực-hiện ý-định đó.

Qua những tiếng động từ sau tấm phên lá, tôi biết mình sắp được thoát khỏi nơi đây rồi. Hai thằng bạn tôi lục tục khoác màn chui ra... Về được chưa? Còn mấy?— không

Sau đó, cứ mỗi tuần lễ là tôi trở lại tìm Diệu, đều đều như đi thăm một nhân-tình. Có nhiều khi tôi đến chỉ để nói chuyện bâng quơ một lát rồi về. Nhưng lần nào trước khi về tôi cũng không quên dúm riếng vào tay Diệu một số tiền. Tôi biết rõ rằng tôi làm thế là vì cái tính ngông nổi tiếng — trong bạn bè — của tôi với một ý định không đâu, chứ không phải hành động mua chuộc gái giang hồ như những kẻ thừa tiền, vì cái thằng tôi nhiều khi nghèo sặc máu, không có lấy một đồng lặn lưng thì làm gì dám đèo bè đến trò chơi đó được. Nhưng

dần dần Diệu cảm mến tôi hẳn ra. Có lần tôi hỏi Diệu về thân thế của nàng thì Diệu khẽ lắc đầu, mặt nàng đổi buồn ngay. Từ đó thì tôi không còn dám hỏi Diệu về chuyện ấy nữa.

Cảm tình giữa chúng tôi càng ngày càng đậm đà hơn. Nhiều khi, theo lời yêu cầu của Diệu, tôi cho tiền mượn để đưa Diệu đi chơi và sau đó lần nào, Diệu cũng đòi về nhà trọ để ngủ đêm với tôi. Những đêm như vậy, Diệu rúc đầu vào ngực tôi ngủ say sưa như chưa từng được ngủ, nét sung sướng hiện rõ trên khuôn mặt. Tôi nghĩ, ngoại trừ một số người đã mất hẳn nhân tính thích cuộc sống thác-loạn, chờ người con gái nào bước chân vào đời cũng muốn có một gia-đình, muốn được sống giữa tình yêu thương của chồng con, nhưng những bất hạnh của số kiếp đã xô

đẩy và dìm họ vào tăm tối. Diệu hẳn là một trong những người bạc phận đó. Sau những đêm về nhà trọ với tôi như vậy, tôi cho tiền Diệu thật khá, nhưng Diệu quyết-liệt từ chối, nước mắt Diệu ứa ra, Diệu tỏ ý phiền tôi không hiểu được nàng.

Tôi chưa kịp khám-phá được những uẩn-khúc của đời Diệu thời bốn tháng sau đó, tôi được lệnh nhập học trường Bộ-Binh Thủ-Đức. Tôi và Diệu ít có dịp gặp nhau, chỉ thỉnh-thoảng mới có một chủ nhật Diệu lên thăm tôi, nhưng thư từ thì Diệu gửi thường lắm. Những lá thư của Diệu mang đến cho tôi rất nhiều an-ủi, hẳn được thư Diệu là tôi vui. Có lẽ trên cõi đời này, chỉ có Diệu là người duy nhất còn biết đến sự hiện-hữu của tôi thôi, vì trong suốt thời-gian thụ-huấn, tôi đâu có nhận được thư của một người nào,

ngoài thư của Diệu, gửi thăm tôi. Những lúc tôi mầu mè lá thư mới nhận được của Diệu, mấy anh em đồng khóa thềm thường hỏi tôi: đào mầy đó hả? Tôi cười. Có anh tò mò hơn: Đẹp lắm hả? Chắc cô bé học trò nàc đó chứ gì? Tôi bật cười lớn, các anh em ngơ ngác. Sao không có ai ngờ đến cô bạn gái của tôi là một con đĩ cả? Một nữ sinh khoác rách với một ngoại-kieu đi trên hè phố Lê-Lợi, một con đĩ nhưng tâm hồn còn khá. Cứ so sánh đi!

Thư qua thư lại cho đến ngày tôi mãn khóa. Tôi gửi lá thiệp mời đọc nhất về cho Diệu trước một tuần lễ, nhưng đêm lễ mãn khóa tôi tìm không thấy Diệu. Tôi tin chắc Diệu phải bận một chuyện gì quan trọng lắm nên mới vắng mặt trong đêm lễ long trọng nhất này. Tôi lại trở về căn

nhà trọ để tiêu pha mấy ngày phép mãn khóa. Tôi có đến xóm cũ để tìm Diệu nhưng lại trở về thất vọng.

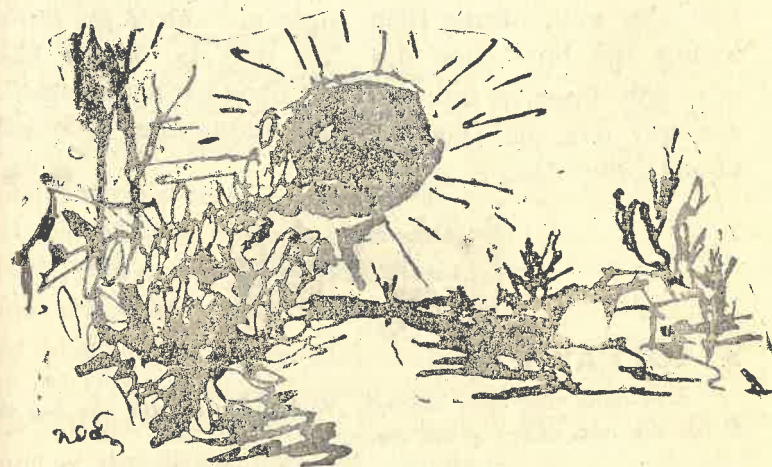
Một chiều khi đường phố đã lên đèn, tôi sửa soạn ra đường đi từ giả vài người thân thích để ngày mai về trình diện đơn-vị, thì một chiếc taxi ngừng ngay ngoài cổng. Tôi thấy Diệu hỏi há xuống xe và chạy vội vào. Bất ngờ quá làm tôi chưa có phản ứng nào thì Diệu đã vào ôm chầm lấy tôi. Giờ phút đó, tôi không biết làm gì hơn đành đứng lặng yên, nghe những giọt nước mắt ẩm len vào ngực áo. Mãi một lúc sau tôi mới gỡ tay Diệu ra và đề nghị : chúng mình đi phố ! Diệu ngoan ngoãn theo tôi như một đứa trẻ. Đường Võ-Tánh Phú-Nhuận đèn sáng yếu nhưng đêm nay có trăng. Chúng tôi được chầm chậm dưới bóng

những cây cao. Tôi quay nhìn Diệu chăm chăm. Đêm nay tôi thấy Diệu đẹp lạ lùng Diệu ngược hỏi tôi : Sao anh không nói gì hết ? Anh sắp nói đấy chứ... ngày mai anh lên đường trình diện đơn - vị. Diệu nhìn tôi đôi mắt long lanh.

Diệu ân hận đã không đến được lễ mãn khóa của anh. Đêm nay cũng là đêm cuối cùng Diệu đến với anh. Anh ! Diệu không biết lấy gì đền đáp được ơn anh với tình thương cao quý mà anh đã ban cho Diệu. Chính tình thương của anh là động lực chính giúp cho Diệu tin tưởng và phấn khởi trong cố gắng trở lại cuộc sống lành mạnh. Anh ! anh có biết tại sao Diệu không đến được lễ mãn khóa của anh không? Chưa kịp nghe tôi trả lời, Diệu nói luôn : Diệu đã gặp được người chị thất lạc từ 12 năm rồi đó anh, và hôm lễ mãn khóa của anh, Diệu

phải theo chị về thăm người Di ở Long-Khánh. Có lẽ hồn mẹ, Diệu linh thiêng đã khiến cho chúng em gặp lại nhau. Bữa đó em lên đi thăm mộ mẹ, còn chị thì đi cắm trại. Diệu say sưa nói, thật trái với tính ít nói của nàng trước kia. Với giọng rầu rầu, Diệu vẽ lại cái cảnh di-cư năm 1954. Gần 1 triệu đồng bào miền Bắc trong đó có gia đình của Diệu phải vứt bỏ cả sản nghiệp để vào Nam tìm tự-

do. Người chị sinh đôi với Diệu được mẹ gởi theo gia đình người Di đi trước, mẹ và Diệu nán lại để gom góp một ít sản-vật. Vào đến miền Nam, mẹ con Diệu lạc lõng, tìm hỏi mãi chẳng tìm được người Di, chị em Diệu lạc nhau từ đó đó. Nhờ sự cứu trợ của chính-phủ, mẹ Diệu có được chỗ làm tạm sống qua ngày và Diệu cũng được cấp sách đến trường học tập. Nhưng cách đây hai năm,



mẹ Diệu mất đi sau một cơn bạo bệnh. Thân gái bơ-ở, Diệu bỏ học nhờ người giới-thiệu đi làm để sống rồi bị gạt gẫm. Thiếu nghị lực, Diệu buông xuôi cuộc đời, phó mặc cho định-mệnh. Ngày nay gặp lại chị, Diệu về với chị với Di, để tạo-đựng lại cuộc đời. Diệu sẽ có chồng, có con, nghĩa là sẽ có một gia-đình. Nhưng anh tha lỗi cho Diệu, nếu điều đó có làm cho anh buồn, thà vậy tốt hơn. Anh ! Diệu chỉ xin dâng cả linh-hồn cho anh, nhưng Diệu không thể hòa cuộc đời với anh được, vì tình anh cao quý quá, mà Diệu thì không xứng đáng là người



★ LỜI HAY Ý ĐẸP

Đức hạnh cũng như sắc đẹp. Nó bắt đầu từ lúc nào hay mất đi vào dịp nào, chẳng ai biết được.

(Arsène Houssaye)

đón nhận. Anh ! Anh hiền cho Diệu chứ ? Tôi vụt hỏi : Người chị sinh đôi với Diệu tên gì ? — À, Diệu quên mất, chị tên là Nguyễn. — Chị Nguyễn ! — Ừ, thì sao ? — Chị Nguyễn hiện làm gì ? — Chị còn đang theo học ở Văn-Khoa và làm đoàn trưởng trong Gia - đình Phật-tử.

Như người vừa tìm ra được một nguyên lý, tôi thở phào lẩm-bẩm : Phải như vậy mới được chứ ! — Gì vậy anh ? — Không ! À, mà ngày mai anh đã lên đường. Tôi thấy lạ, khoan khoái cất tiếng hát nghêu ngao và đèn đường như nhảy múa.

CÓ ĐÔ

★ TRẦN - MINH - PHÚ



Ai đó bờ sông ngồi xóa tóc
Trông chị quê mẹ ngủi biển thiên
Bao nhiêu nước chảy qua cồn gió
Còn mãi mòn, nước khóc từng phen

Một đi nghìn năm không trở lại
Những hồn linh xưa phương nào bay
Thán em vá víu đời con gái
Một lỡ hai mòn, anh có hay ?

Rá rời mộng vỡ trên tay em
Tiếng hát bờ sông buồn bã đêm
Anh lớn lên làm trai mất nước
Em làm thương nữ khóc non Chàm

Vàng cỏ-thành ơi lòng rung rúc
Nửa đêm chìm lạnh thao thức trời
Một người con gái về đâu đó
Đèn ngá ba chìm hồn mấy nơi

Từ những mùa thu quê mẹ buồn
Tiếng thăm mưa gọi nước trường giang
Năm năm gió thổi vàng khe núi
Biên nhớ nguồn, sông nhớ sông dâng

Ngước mắt tìm xa thương cố đô
Hồn về miếu cổ chiều mưa mờ
Giờ con cũng mất linh như mẹ
Trên lũy thành xưa rú bóng cờ...

VÀO trung tuần tháng Janvier, tối thứ hai 10 janvier, đúng 9 giờ khi mở máy radio để nghe tin tức, tôi bỗng nghe « : Thời tiết đã thay đổi qua mau chóng, mức lạnh đã xuống quá thấp tại miền Bắc Âu châu, ở xứ Na-uy (Norvège) hàn - thử - biểu xuống dưới 43° (-43°).

Mình hơi hoảng, vì nếu mức lạnh ấy tràn xuống Paris, thì có lẽ cũng khó chịu đấy ! Thế rồi 11 giờ, sau khi tắt máy sưởi (radiateur) — vì để máy sưởi chạy trong đêm khi ngủ không được tốt lắm — mình co-ro dưới mền laine ngủ thẳng một giấc. Nhưng sáng thức dậy, kéo tấm màn ở cửa sổ để nhìn ra ngoài vườn, trước mắt mình cảnh vật đã thay đổi một cách hoàn-toàn : Trắng ! tất cả đều trắng xoá, từ trên xuống dưới, từ nóc nhà đến bồn cỏ, từ cành cây đến lẽ



BỨC THƯ PARIS

LỚP HỌC TRÊN TUYẾT

★ NGUYỄN
VĂN - CỒN (Paris)

BỨC THƯ PARIS

đường, tất cả đều trắng xoá.

Mình trông đâu như đã lạc sang thế giới khác, nhưng chắc chắn không phải là Đào-Nguyên theo chuyện Thần-thoại Đông Phương, mà cũng không phải là « Paradise » (Thiên đường) của thi-sĩ Milton, vì nhà thi-sĩ Anh - quốc trong tập thơ « Paradise Lost » (Thiên đàng đã mất) thì Thiên Đường có cây cỏ vàng xanh, hoa trái xum-xòa ánh nắng tung bừng, chim ca hoan lạc.

Thế thì cảnh lạ của buổi sáng này đầy tuyết, đó có lẽ là Thiên Đường Miền Bắc, mà chàng Ossian có lần đã đến !

Thôi, ta hãy trở lại trần thế trắng lạnh ngày hôm nay để bước vào thực tại. Trước khi đi làm, tôi nhìn xuống đường. Mấy đứa trẻ con đang vò tuyết ném nhau trước

khí đi học. Tôi thấy chúng nó lội trong tuyết đến gần đầu gối. « Có lẽ đâu tuyết cao đến thế ? » tôi tự nói. Nhưng khi tôi nhìn một vài người lớn đang đi dưới đường, thì tôi thấy tuyết lên quá mắt cá và lấp hần giày của họ. Thế là ra trong đêm qua, tuyết rơi xuống Paris và ngoại ô nhiều đến nỗi cao 40 phân. Đó là việc hiếm có. Cũng có năm tuyết rơi nhiều, nhưng chỉ độ vài ba giờ sau là tan, nhưng lần này thời-tiết lạnh quá và « cây thủy ngân » của hàn-thử-biểu nằm lì ở mức 10 độ dưới zéro, nên màn tuyết dày kia đã thành ra những tảng nước đá không lồ (verglas),

Bạn cứ tưởng tượng với đôi giày da phải đi trên đường phố nước đá, thì đủ thấy khó giữ được thăng bằng. Vừa nhìn xuống đường, tôi đã thấy một hai

người vì muốn đi mau đã trượt té nằm soài trên tuyết.

Biết tình thế khó khăn, tôi vội lục trong tủ, lôi ra đôi «bottes», tức là thứ ủng bằng da, cao cổ, trong có lót lông cừu và dưới đế có những đường khía, đi trên tuyết khỏi trượt.

Bị lạnh và tuyết công-kích thành linh trong đêm qua, nên thành phố Paris như bị tê-liệt. Xe hơi, xe ô-tô-bút không thể nào chạy như thường được nữa, mặc dầu sở lực lộ đã rải hàng ngàn tấn muối trên các đường để làm cho tuyết tan thành nước. Nhưng trời vẫn quá lạnh, nên muối cũng không phá nổi tuyết, vì thế xe hơi, xe ô-tô-bút đi «chậm rề», chậm hơn người ta đi bộ, nên bị bỏ lại nhà hay bên lề đường. Chỉ còn một cách đi thông-thường dễ dãi, đó là chui xuống métro, (xe lửa dưới hầm.) Nhưng khổ một

nỗi là ngày thường đã có một triệu người ở Paris và ngoài. ô dùng métro để đi lại và đi làm, hôm nay lại thêm cả trăm ngàn người khác cũng chui xuống hầm, thì sự chen-chức nên đến cực độ. Từ cửa métro mà vào được đến «bến», họ làm đuôi dài «quá xá», nên cũng phải mất mười mấy phút, nhứt là ở các «ga» như Saint-Lazare, Châtelet, République, gare du Noz vân vân ...

Theo Sở kế, hoạch, thì sức lạnh này rất hiếm, từ hai mươi năm nay mới xảy ra một lần như thế!

Nhưng cũng như mọi người và theo kinh-nghiệm, tôi cứ tưởng là sức lạnh này chỉ dữ-dội vài hôm mà thôi. Có ngờ đâu cứ ngày này tiếp ngày khác, Thần Lạnh vẫn làm Chúa-tê. Mỗi đêm, khi về nhà vặn máy radio để mong tìm chút hi-

vọng ấm-áp, thì sở Thiên-vân vân đều đều cho biết là ngày mai vẫn lạnh như thế, và có lẽ còn lạnh hơn!

Biết làm thế nào được! Loài người luôn luôn bé nhỏ, yếu ớt trước vũ trụ! Thời! thời thế thế thì phải thế! Thế là cùng với cả trăm triệu con người, nhứt là con người công nhân Âu phương, tôi đã run-rẩy trên tuyết và dưới trời đục eo-ro, thở hơi khói và trên mặt nụ cười như đã tắt. Thế rồi, một tuần qua, và vào một tuần khác, vẫn mịt-mù, tê lạnh. Và sức lạnh chỉ giảm bớt sau khi đã cho thiên hạ biết tay trong 14 ngày đông-dã! Thật cũng may! Minh cũng đã hơi lo, vì nếu sức lạnh này kéo dài, thì không biết mình phải ăn mặc cách nào mới đủ ấm!

Trong mức lạnh này, thế

mà cũng có hạng người rất mãn nguyện. Đó là mấy tiệm bán giày, vì người ta đổ xô vào để mua những đôi «bottes» đi tuyết. Những quán cà-phê cũng rất đắt hàng, vì ngoài trời quá lạnh, người ta vội đi tìm sức ấm với tách cà phê nóng. Hạng thứ ba, đó là con nít vì tuyết là «camarades de jeux», (bạn chơi) của chúng: nào «đánh giặc tuyết» (bataille de neige), nào đi patins trên mặt nước đá, nào xây những «người nộm tuyết» (bonhomme de neige). Ngoài đó ra, tuyết còn có đặc tính khác.

Nói về lạnh, ta nên nhớ tuy là khổ đấy, như mỗi lần lạnh đến, tuyết rơi, là bầu không khí như được rửa sạch những bụi đất, bụi than, hơi dầu săng và vài khối vi-trùng, nhứt là ở các thành thị có nhiều xưởng máy. Trong mùa lạnh, ngoài đường, ngoài vườn, cũng như trong bếp, trong phòng ngủ, không thấy bóng một

con ruồi, hay một con muỗi nào nữa.

Vì có sức lạnh, và sự trong trẻo của tuyết mà các vùng cao sơn trong mùa đông thường là nơi được người ta lên nghỉ, vì ở đó, không khí trong sạch, ánh nắng mặt trời thấm dịu, nhẹ nhàng, nên người ta hoạt động không thấy mệt, ăn được, ngủ được, nên rất mau lại sức, đối với những người thường đau ốm, nhưt là về bệnh phổi.

Kinh nghiệm theo y-học đã được thấu thập trong nhiều năm, nên các nhà sư phạm đã nghĩ đến việc cho học trò, nhưt là học trò con nhà nghèo cũng được hưởng những lợi ích của vùng tuyết, nên đã nghĩ đến cách thiết lập các lớp học trên vùng tuyết (Classe de neige.)

Cách tổ chức các lớp học này chia ra hai phần :

— phần tổ chức về vật chất (gồm có số tiền chi-tiêu,

cách chở học sinh, nhà ăn ở, lớp học, đồ dụng cụ để đi trên tuyết (ski).

— phần tổ chức sư phạm và thể thao.

Dưới sự điều khiển của « Bộ Quốc-gia giáo dục » và « Bộ thanh - niên và thể-tháo », các quận đều lo sắp đặt và liên lạc với các thanh-tra học-chánh. Trước hết, người chủ quận, hay chủ xã (maire) trù tính số nam nữ học sinh (từ 9 đến 15 tuổi) trong xã ấy được đưa lên miền núi là bao nhiêu.

Ông xã tính tiền chi-phí trung bình mỗi học sinh ăn ở, học tập ở trên núi là bao nhiêu, rồi lấy trong quỹ một số tiền, thường là hai phần ba (2/3), và cha mẹ học sinh chịu một phần, tùy theo số lợi tức mỗi gia-đình.

Tùy theo số học sinh, một số giáo viên cũng theo lên núi để dạy theo đúng



Một cảnh tuyết ở Paris, ngay ở vườn Tuileries

chương trình của nhà trường như khi còn ở đồng bằng. Cùng với các giáo viên, có những thể-tháo viên dạy trẻ em đi ski, hay tập dợt vận động.

Chỉ riêng thành phố Paris và ngoại ô, năm nay số học trò lên vùng tuyết là 40.000, mỗi lớp học (classe) có từ 25 đến 30 học trò.

Một khi đã lên vùng tuyết rồi, thì học sinh có chỗ ăn học, tập dợt thể thao. Buổi sáng học tại lớp, theo chương trình, như toán pháp, văn học, khoa học v.v... Đến 12 giờ, ăn cơm trưa, rồi ngủ một giấc nhỏ (sieste). Đến hai giờ rưỡi, tùy theo thời-tiết, tất cả đều ra sân tuyết (champ de neige).

Chúng nó mang ski vào chân rồi theo thể-tháo-viên tập đi, nếu trời rơi nhiều tuyết, chúng tập dợt ở sân chơi có mái nhà (cour couverte). Năm giờ chiều, tắm rửa thay quần áo, ăn gouter (điểm tâm buổi chiều), nghe đĩa hát hay xem phim. Bảy giờ rưỡi, hay tám giờ tối, ăn cơm rồi đi ngủ.

« Lớp học trên tuyết » dài là ba tuần lễ. Các bác-sĩ tính ra trẻ con lên học ở vùng tuyết thâu nhiều lợi ích về sức khoẻ : da mặt chúng nó mịn, hồng hào, mắt trong veo, ăn ngon ngủ kỹ, học dễ dàng hơn. Đến khi trở lại gia-đình dưới đồng bằng, sự lợi ích vẫn còn kéo dài công nghiệm.

Vì vậy các xã, hay các thành phố mỗi năm đều trừ

★ TƯ TƯỞNG HAY

Alphonse Allais bảo rằng : « Đáng lẽ người ta phải xây cất đô thị nơi miền thôn dã vì nơi đó không ồn ào và không khí trong sạch hơn.

tính ngân quỹ để đưa các trẻ em lên các lớp học trên tuyết, trẻ em gia-đình nghèo nhiều khi được miễn chi-phí. Như thế thì cách tổ-chức đã dân-chủ hoá rất nhiều.

Viết đến đây tôi không khỏi tránh lòng nhớ đến các trẻ em Việt-nam. Hơn nữa, cách đây ba hôm, trên màn ảnh tôi đã nhìn thấy một số trẻ em Việt Nam bị cháy đen mặt mày, chân tay, hay đang khóc bên xác mẹ bị đạn bay, bom lửa.

Than ôi ! một cảnh là trẻ em nó đùa, khỏe mạnh, học hành với đủ phương tiện ! còn một cảnh là trẻ em đau khổ, cùng chung một giống máu với tôi !

« Chung quanh những nước non người, Đau lòng Cố-quân nên vài bốn câu. »



giã từ * * *



★ NGUYỄN - VƯƠNG

Giã từ phố thị mù sương
Trăm năm đá dựng tuổi mòn xác xơ
Chiều ơi người đến lòng ta
Trăng thu trên đỉnh sao xa tỉnh này

Nghìn thâu đứng ngóng non tây
Mái đêm cô quạnh vành mi đọng sầu
Rừng khô lửa hạ thay màu
Cảnh xuân gió thổi hoang vu về đời

THIÊN THU

Triều dâng gió lộng khe buồn
Từ xuân ruỗi bước hoa ngàn mắt sâu
Lửa lên thành hạ sương mù
Tiếp thu chiều xuống đêm ru hồn người

Cảnh khô trái rụng bên đời
Dấu quanh co đó bước nai tếch thềm

Những con số dài...

HÀNG nghìn hòn đảo giải ra từ Tân-gia-Ba đến Phi-luật-Tân, 2 triệu 3 cây số vuông, 100 triệu người, hai chục thứ quốc âm, hai trăm thứ thổ âm, tín-đồ Hồi-giáo chiếm 90% dân số.

Thuộc-địa của Hòa-Lan suốt 350 năm. Thoát ách đô-hộ cũ năm 1942 (Nhật-bản đánh lui Hòa-Lan), suýt bị Hòa-lan trở lại đô hộ lần nữa năm 1945 (quân đội Thiên-hoàng đầu hàng Đồng-minh vô điều kiện). Tuy đã công bố độc lập (bản tuyên ngôn ký tên Soekarno) từ ngày 17-8-1945, nhưng còn dùng danh mãi cho đến ngày 31-12-1949 mới được nữ hoàng Juliana nhìn-nhận cho độc lập hẳn.

Thủ-đô đương nhiên cũng phải ở vào vị trí phồn thịnh, trên đảo Java, với 7% diện tích toàn lãnh thổ, có đất núi lửa cực kỳ màu-mỡ, và dân số chiếm 2/3 toàn

Quang cảnh buổi khai - mạc Hội nghị P.K.I lần thứ nhất, 25-3-1954. Sự việc xảy ra công khai giữa thủ đô Djakarta, trong phòng hội đồng đối diện với dinh Tổng-thống

CĂN NGUYÊN
CỦA MỸ VỤ

ĐÀO CHÁNH Ở NAM DƯƠNG

★ TRỊNH-VĂN-TIẾN



CĂN NGUYÊN CỦA

quốc (mật độ trung bình 500 người trong 1 cây số vuông) (1) ngày trước người Hòa Lan gọi là Batavia, bây giờ đô thành Djakarta.

« Ấn Đảo » (Inde des Iles) hay « Đảo Ấn » (Insulinde) chiếm nửa ý nghĩa quốc-hiệu : Indonésia.

G Tầm ăn đầu

Nhìn vào cuộc tuyển cử 1955 ở Nam-Dương, tựu trung, người ta đã nhận thấy trong quốc-gia đó chỉ có bốn thế-lực chính trị quan-trọng hơn cả là các đảng Xã-hội của Sjahrit, đảng « Quốc gia » của Soekarno, đảng Hồi-giáo Ly khai của Nahdatul Ulama, và đảng Cộng Sản. Trong số, đảng CS mạnh nhất, với hậu-thuần chiếm ba phần tư tỷ số đầu phiếu tại miền Trung và Đông Java. (1)

Còn một đảng nữa, đảng Hồi-giáo Thống nhất (Masjumi) tuy đã dựa sức vào các tín-đồ ở hai vùng Sumatra và Macassar, nhưng vẫn « yếu quá », đã bị giải tán từ năm 1960, đồng thời với đảng Xã-hội.

Đảng Cộng Sản Nam Dương, mới ra công khai vào năm 1948, đã phát triển từ số lượng 150.000 vot lên hơn 2 triệu rưỡi người gồm ba thành phần thanh thiếu niên, phu thợ và dân quê, cái lực lượng có thể xáo động được hàng chục triệu người khác đề thảo túng chính quyền. Chẳng hạn, tháng 4 năm 1962, Tổng-thống Soekarno đã được « Partai komunis Indonesia » mời khai mạc một phiên họp bất thường của họ, ở ghế dự thỉnh danh dự, với tư cách... cá nhân !

Thành thử, đảng CS Nam-dương chỉ còn ngại có quân đội, đúng hơn, ngại đám quân nhân không ngả theo họ. Nhưng lâu dần họ cũng lấn lướt được thế lực đó bằng cách vừa nêu chiêu bài « đoàn kết đề chống Đế quốc » vừa sen vào hai công việc tuyên mộ và võ trang quân đội.

Nói khác đi, ban đầu, chế độ Nam Dương, hay chế độ Soekarno quốc-gia, quả thật chưa có gì thiên Cộng. Chính các ông Tobing Bộ-trưởng Thông-Tin, Sunario,

(1) Theo tài-liệu của Herbert Luthy (Preuves 6-65)

Cột trưởng Ngoại-giao, hai nhân vật, hai chức vụ thường được xem là phản ảnh cho một chính thể, đều đã xác nhận như vậy.

Như hồi tháng 6 năm 1954, ký giả B. Tesselin (Pháp), trong hai cuộc phỏng vấn (2) đều đặt câu hỏi « Êtes-vous Communistes ? » thì cả hai ông Sunario và Tobing đều đã trả lời: « Nous ne sommes pas Communistes ». Riêng ông Sunario còn nhấn mạnh bằng cách nhắc lại câu đó tới ba lần.

Nhưng có điều, nhìn sang góc cạnh khác, thì trong quốc hội Nam-dương có các dân-biểu C.S, trên lãnh-thổ Nam-dương có đảng C.S được hoạt động công khai. Thành thử vấn đề đã đặt ra từ trước đó, ngay đó rồi.

Khởi thủy, đảng C.S Nam-dương thành hình từ năm 1922. Giữa hai cuộc Thế chiến, họ đã gây uy-tín, đã tạo cơ-hội có mặt qua các phong trào chống đối Hòa-Lan, đòi độc lập. Họ càng hoạt động mạnh hơn trong thời Nhật thuộc. Nhưng cho đến bây giờ họ vẫn còn ô-hợp, chưa mấy vô-trang, vô tở chức, chẳng có chút hy vọng nào.

Cho đến tháng chín 1948, qua vụ nổi dậy giành độc lập, gọi là

cuộc « Cách-mạng Madiun », đảng C.S. Nam Dương đã tung người vào đề áp đảo Chính-phủ Cộng Hòa Soekarno, và họ đã thiệt mất, trong trận tranh giành ảnh hưởng đó, 5000 cán-bộ, trong số có cả những cán bộ nòng cốt thuộc cấp lãnh-đạo như Musso, Sjarifuddin, Suripno v.v... chưa kể về mặt hao tài tổn của cũng hết sức trầm trọng hầu như khánh kiệt.

Sự thất bại cụ thể này, cộng với những sự thất bại rải-rác, xa khuất về trước, đã khuynh đảo P.K.I (Partai Komunis Indonesia) lâm vào tình trạng chia rẽ ghê gớm. Nhất là hai chi-phái Komintern (Sumatra) và Kominform (Bornéo) càng thêm bất tuân Trung-ương Đảng (Java) cả hành động lẫn tư-tưởng.

Nhưng P.K.I đã kịp chặn chính sau đó, khi Dipa Nusantara Aidit (sau Tan Malaka và Alimin) lên giữ chức Tổng-thư-ký, tức một tân lãnh-tụ. Bấy giờ số lượng cán bộ chuyên-chính chỉ còn độ 1.500 hoặc 2000 người. Chính Aidit,

(2) — Những tương-quan giữa Nam-dương với Hòa Lan, và sự bồi thường của Nhật.

— Về luật báo chí.

được kể là một nhà hùng-biến, một kế-hoạch gia lăm liệt, tắng tận nữa, đã phục hồi P.K.I bằng mưu lược của mình một phần, phần nữa, nhờ ở chính sách « ôn hòa » của chính phủ Ali Sastroamidjojo. (Trước ông này, chính phủ Hồi-giáo của bác sĩ Sukiman đã bắt giữ, bỏ tù hàng vạn những phần tử C.S).

Từ đó, Aidit đã chủ-trương lấy các nghiệp-đoàn lao công làm phương tiện tiên quyết để bành trướng thế lực đảng. Ở khu vực này, P.K.I đã tương đối thành công, bốn năm sau, năm 1952, họ đã qui tụ được 1 triệu 200 nghìn đảng viên, mà phần đông là phu đồn-diễn cao su (900.000 người). Hơn thế nữa, họ còn được Tổng Liên-đoàn Lao-công Thế-giới, có người của C.S. quốc tế ở trong, hỗ trợ, chẳng hạn, trường-hợp Njono của P.K.I. đã được tuyên làm đại diện cho Nghiệp-đoàn Vận tải Nam-dương.

Một sự-kiện cần được ghi nhận: Hồi tháng 9 năm 1953, một trong những cấp lãnh-đạo cốt cán của Tổ chức này, người Pháp tên là Fressinet, đã làm một cuộc viếng thăm chính thức tại

Indonésia, được Tổng thống Soekarno tiếp-kiến, có cả vụ đình đống của phu rừng cao su để trang điểm!



Tuy vậy, P.K.I mới chỉ thành công ở đô thị, nói rõ hơn là trong đám phu thợ ở bến tàu và riêng ở bến tàu thối. Còn các xưởng máy? không, vì Nam-dương hầu như không có xưởng máy. Bằng chứng, mới độ nào đây thôi, ngày 17-8-1964, kỷ-niệm Nam-dương Độc lập (17-8-1945), chính Tổng-thống Soekarno đã nói với dân-chúng rằng: «... Có lần một Thủ-tướng ngoại quốc đã bảo tôi: làm sao quý quốc có thể tồn tại, nếu còn thiếu đại kỹ nghệ? Xin lỗi cho tôi được nói thế này: Cái ông Thủ tướng ấy mới ngờ biết chừng nào! Ông ta đã nghĩ rằng sự sống của một quốc-gia tùy thuộc ở tầm độ kỹ thuật, kỹ nghệ! Thưa ông không! Nó tùy thuộc ở ý-chí quốc-gia, cũng như sự sống của một cuộc Cách-mạng

tùy thuộc ở ý chí cách-mạng. Chẳng cần kỹ thuật, kỹ nghệ, nhà máy, phi cơ hay đường nhựa gì hết » (3)

Như đã nói, Nam-Dương là nước nông-nghiệp (tỷ số 90%). Bằng kinh-nghiệm từ ban đầu (1922—1948) của P.K.I. Aidit không muốn nỗ lực ở nông thôn nữa, cái trường hợp đặc-biệt Nam Dương. Bởi lẽ, so sánh với các nước chậm tiến khác, V.N chẳng hạn, C.S. thường đặt được nền móng ở nhà quê trước. Hơn nữa, nông thôn Nam Dương lại đúng là môi-trường lý tưởng của C.S. địa chủ nhiều, tư-điền nhiều, dĩ nhiên càng nhiều bần cố nông dễ xách động.

Ngay ở Java, là trung tâm hoạt động của P.K.I, xã hội cũng chia đôi rõ rệt, nửa địa chủ, nửa dân cày, có cả tình trạng « chết đói trên đồng thóc »; thế mà C.S. vẫn không lợi dụng được mấy ai. Một lý lẽ khả dĩ biện giải được trường hợp đó là, ở Nam Dương, Hồi giáo đã làm khó C.S. Như đã nói, tỷ-số tín đồ Hồi giáo trong nước cũng chiếm 90%, vừa bằng tỷ số dân quê... Thậm chí, mỗi lần Tổng-thống Soekarno đi

kinh lý — nhất là các vùng Sumatra và Nam Bornéo — bao giờ ông cũng phải nhớ bắt đầu bài diễn văn bằng câu khấn « Mahomet ». Đã thế, phần đông các vị chức sắc của Hồi-giáo lại là điền chủ.

Nhưng bù lại, P.K.I đã tạo được ảnh-hưởng trong quân-đội Nam Dương, khởi sự từ cái ghế Bộ-trưởng Quốc Phòng của Iwa Kusuma Sumantri.

Trước hết, Sumantri là một phần tử thiên tả. Thứ nữa, dĩ vãng còn cho thấy Sumantri là một

(3) Nguyên văn (trong « L'Indonésie aux prises avec les démons » của Herbert Luthy) : «... Le premier ministre d'un pays étranger m'a dit un jour : Comment votre pays peut-il subsister si vous n'avez pas de grande industrie? Pardonnez-moi, de dire ceci : Combien stupide était ce premier ministre ! Il pensait que la vie d'une nation dépend du niveau technique d'un pays et de son industrie ! Non monsieur ! La vie d'une nation dépend de sa conscience nationale, et la vie d'une Révolution dépend de sa conscience révolutionnaire. Non de technologie ! Non d'industrie ! Non d'usines ou d'avions ou de routes asphaltées ! »

kẻ thân Cộng, như đã từng làm giáo sư sử địa ở Moscou, hồi 1925—1926. Nhưng sự nguy hiểm không phải ở chỗ đó, ngược lại, ở chỗ Sumantri đã giới nguy trang che mình cái bề ngoài chẳng Cộng sản chút nào cả !

Chẳng hạn Sumantri đã không hấp tấp lợi dụng chức vụ, quyền hành của mình để cài ngay người của đảng vào quân đội. Có chăng, trong khi chờ đợi, Sumantri, hay P.K.I cũng thế, chỉ thành lập một lực lượng bán quân sự, với cái tên hết sức danh chính ngôn thuận là Perbepsi (Persatuan Bekas Perjuang : Hội Cựu Chiến sĩ Phụ-lyc) gồm toàn những người hồi trước đã chiến đấu chống Hòa-Lan.

Thoạt tiên, Perbepsi mới có 2 Trung đội, chẳng đáng bao nhiêu, cho nên người ta vẫn yên trí rằng họ có ăn nhằm vào đâu đối với quân đội chủ lực, mới đầu đã đông tới trên 200.000 binh sĩ. Người ta đã quên phắt chiến thuật « vết dầu loang », sở trường của CS. Người ta không ngờ, về sau, tháng 3 năm 1964, khi Tổng thống Soekarno kêu gọi một cuộc vùng lên để « đè bẹp » Mã-Lai

Á, thì họ, những « du kích quân kế tục của một thời anh hùng » (... guérilleros hérités de l'époque héroïque) đó, trong khuôn khổ cái Perbepsi độ nào, đã đếm được, con số chính thức (chiffres officiels), cái danh sách... 25 triệu người ! (1)

Kèm theo đó, CS còn dốc toàn lực về mặt chính trị, qua những chiến dịch tranh cử, là ngã đường thuận tiện để họ len lỏi vào quân đội, hay bất cứ hàng ngũ nào khác. Chưa kể đến những thủ đoạn mua chuộc bằng tiền, bằng tình.

Hơn thế nữa, PKI còn có Trung Cộng tiếp tay. Nam Dương chính thức độc lập cuối 1949 đầu 1950, thì liền sau đó, ở Djakarta đã có tòa đại sứ TC rồi, (3 năm sau vẫn chưa có tòa đại sứ Nga Xô). Ngay những ngày đầu, tòa đại sứ này đã dụng công tạo ra một hậu thuẫn Hoa kiều để tăng cường ưu thế cho PKI : Hơn 200 giáo viên Hoa lục đã sang Nam Dương dạy học trong các trường Tàu. Kết quả trước mắt, qua những cuộc biểu tình của CS ở Nam Dương, học trò Hoa-kiều đã đi đông hơn hết !



*Viên Tổng thư-ký P.K.I, Adit được xem là một nhà hùng biện
lâm liệt nhất Indonésie. Muốn hiểu quyền thế Adit, chỉ cần để
ý bức chân dung của ông ta trọc cạnh hình Malenkov.*

2 trung đội Perbepsi, và 200 giáo viên người Hoa lục, chỉ cần có thể thôi, đã đủ định nghĩa cho cuộc đảo chính 30-9-1965 ở Indonésie, của Trung tá Untung.

Vấn đề chỉ còn là thời gian

Nhưng trường hợp đặc biệt Indonésie «chẳng cần kỹ thuật, kỹ nghệ, nhà máy, phi cơ hay đường nhựa gì hết» và tỷ số dân quê vừa bằng tỷ số tín đồ Hồi giáo (90 phần trăm) cũng đã định nghĩa sự thất bại mới nhất của PKI.

Bởi lẽ có hai điểm tựa lý tưởng là hai thành phần công, nông, thì họ đã mất trọn một nửa lực lượng phụ trợ của nhà máy (vì chỉ có phụ trợ bến tàu và đồn điền cao su thôi) và thiếu vắng lực lượng dân cày. Lực lượng dân cày yếu kém, thì kể như P.K.I. chưa hề có một chút hy vọng thành công nào. ở chỗ mâu-thuẫn, sách lược của một nước nông nghiệp (TC) đã vô nghiệm ngay trong một nước... thuần túy nông nghiệp!

Trong khi đó, Perbepsi — qua tinh thần, hình thức của nó

CĂN NGUYÊN CỦA

— dù sao cũng chỉ là một tờ chức bán quân sự.

Tuy vậy, P.K.I. cũng tỏ ra có phần xung sức trong hiện tình ở Indonésie, vụ 30-9-1965 đã kéo dài suốt nửa năm, chưa ngã ngũ. Quân-đội dẹp yên cuộc đảo chính, dân chúng đập phá tòa Đại sứ T.C, nhưng một tân nội các thân Cộng vẫn cứ thành hình.

Bây giờ lại đến lượt phe quốc gia hành-dộng, sinh viên Djakarta biểu tình phản đối tân nội các Soekarno, quân đội của Trung-tướng Suharto giam lỏng ngoại-tướng Subandrio cùng 14 Bộ-

trưởng khác, và vây hãm dinh Merdeka. Như vậy, giới quan sát viên quốc-tế đã cho rằng chế-độ Soekarno đã hầu tàn. Có lẽ thế.

Câu trả lời dứt khoát thì tùy thuộc vào điều kiện thời-gian, C.S. còn ứng dụng được kế liên-hoàn nữa không, nghĩa là quân-đội của Trung tướng Subarto còn « giam lỏng » 15 người kia nữa không hay sẽ giam chặt? Một vụ đảo-chính mà đã dây dưa cho tới nửa năm rồi, thì xem chừng sự việc đã sắp sa vào một cái bẫy gọi là « trường kỳ ». ● ★



* SỐNG TRÊN BIỂN, CHẾT DƯỚI ĐÁY BIỂN

Thủy quân Đô Đốc Mỹ, Hiram Cassidy có di chúc xin cho thi thể ông được bắn xuống bề sau bằng ống phóng ngư lôi của một chiếc tiềm thủy đình.

Hiện ông đang nằm dưới 30 thước nước, ngoài khơi miền Key-West ở Florida.

ENEÉ VÀ DIDON

THẦN
THOẠI
HY-LẠP
LA-MÃ

★ ĐÀM-QUANG-THIỆN

TRONG khi bọn Tro-yens đốt lửa thì Enée trèo lên một ngọn núi cao mà nhìn ra khơi. Những tàu của chàng bị bão đánh bật đi may ra còn lênh đênh trên mặt biển chằng? Nhưng không, mặt bể không có một bóng cột buồm nào. Chàng thất vọng trở xuống thì gặp một đàn hươu đang đi qua một thung lũng. Chàng lấy cung tên giết mấy con đem về dùng làm bữa

ăn chiều. Sáng hôm sau, Enée cùng một người nhà trung thành là Achate đi thăm thú cù lao. Đến giữa một rừng rậm, hai người gặp một thiếu phụ trẻ tuổi đang đi săn. Enée bèn hỏi thăm thiếu phụ xem đây là nơi nào thì lập nữ trả lời: « Hỡi chàng khách lạ, đây là đất của các Libyens, một dân tộc rất khó tính và hiếu chiến. Một bọn Tyriens lánh nạn đã lập nên gần đây một thành. Hoàng hậu của họ

THẦN THOẠI HY LẠP

là Didon. Bà vốn là vợ Sychée em của Pygmalion, vua xứ Tyr. Ông này bí mật sai giết chết Sychée để chiếm lấy những kho tàng của cải của em. Trong một thời gian khá lâu, tội ác của hắn không bị tiết lộ. Nhưng một đêm kia, hồn của Sychée về báo mộng cho Didon biết hết sự thật. Đến bấy giờ bà mới rõ Bà liền nhất định rời bỏ xứ Phénicie ghé tởm ấy. Một bọn người chán ghét sự tàn bạo của tên sát nhân cũng tình nguyện theo bà. Dân Lybyens cho phép bà dựng ở đây một tỉnh thành. Còn các người, nếu cần gì hãy tìm đến lâu đài của bà hoàng hậu đó. Chắc chắn sẽ được bà giúp đỡ vì bà rất tốt và rộng rãi ». Nói xong thiếu phụ quay đi. Dáng điệu và mùi hương phảng phất quanh nàng khiến Enée nhận được thiếu phụ chính là mẹ chàng nữ thần Vénus. Chàng định chạy theo nhưng bà đã đi xa. Trước khi bay về Paphos, bà hóa phép cho một đám mây che kín hai thầy trò Enée khiến mắt người trần trông không thấy được. Chẳng mấy lúc họ lên đến một ngọn đồi. Trên đó họ thấy rõ một công trường

mênh mông đang hoạt động. Thật vậy, những Tyriens đang hăm hở làm việc. Bọn này đang đào móng để xây một rạp hát, bọn kia đang xây thành, lát đường, v.v... Hai người đi vào thành thấy giữa một rừng thiêng có một ngôi đền nguy nga thờ Junon. Trên tường các bức vẽ tả lại mọi giai đoạn của cuộc chiến tranh ở Troie. Đây là Achille kéo xác Hector, kia là Priam dơ tay xin xác con về. Chính Enée cũng có mặt trong những bức vẽ đó. Trong lúc chàng đang mê mải nhìn các bức tranh thì bà Didon, hoàng hậu xứ Carthage, tiến về phía đền. Bà ngồi trên một ngai cao trước cửa đền xử án và đọc các luật lệ. Enée chợt nhận ra trong đám đông một bọn lính thủy của mình. Lúc đến lượt họ, Ilione người cao tuổi nhất trong bọn, tiến lên mà nói với Didon: « Kính thưa hoàng hậu, xin bà hãy nghe lời kêu của một bọn người Troyens khổ khổ. Chúng tôi đang đi theo Enée sang Ý thì một trận bão lớn đánh rạt chúng tôi vào đây. Xin bà hãy ra ân cho chúng tôi được kéo tàu lên bờ xứ này và được chặt

cây để chữa các tàu đó. Chữa xong chúng tôi sẽ ra biển tìm chủ chúng tôi là Enée. » Bà Didon nghe lời thỉnh cầu đó ưng thuận ngay. Bà còn hứa sẽ cho lính đi tìm các bờ biển xem Enée có lên đấy không. Enée nghe những lời nhân đức của bà đáng tiếc không hiện ra được để ra mắt bà thì mẹ chàng làm tan đám mây bao phủ hai người đi. Chàng bèn đến gần Didon mà nói : « Thừa hoàng hậu, tôi chính là Enée, người mà hoàng hậu định cho đi tìm đây. » Didon nói : « Chàng đến đây thật là quý hóa vô cùng. Các người hãy vào cả đây. Chính tôi đã trải qua nhiều hoạn nạn nên tôi rất muốn cứu giúp những người cũng bị cảnh đó. » Nói xong bà mời bọn Enée về lâu đài, sai dọn tiệc yến đề thiết. Bà lại cho người đem bò lợn ra cho những người Troyens còn ở ngoài bờ biển. Một thi sĩ hành ngâm tên là Iopas vừa đàn vừa hát giúp vui cho bữa tiệc. Trong khi ăn, Didon ngắm nhìn Enée chàng trai đẹp nhất của thành Troie. Sự duyên dáng, tuổi thanh niên, rực rỡ và đôi mắt tươi sáng của chàng làm rạo rạo lòng Didon. Bà hỏi han chàng mọi chuyện

sau cùng bà yêu cầu chàng kể từ đầu nỗi thống khổ của thành Troie. Mọi người đều im lặng nghe Enée kể sự đốt cháy thành Troie, lúc chàng bỏ Ilion mà đi, lúc chàng ở Thrace, lúc đi qua Délos, và mọi sự gian lao đã đưa chàng từ Délos sang Crète, từ Crète sang Sicile và từ Sicile sang đó.

Bà Didon càng ngày càng thấy tình yêu Enée bỗng bật hơn. Bà tự nghĩ : « Từ phía chung quanh ta toàn là những dân tộc diên đảo ghê gớm. Enée sẽ là người chỉ đạo và bênh vực cho ta và nhờ chàng, thành thị của ta sẽ mở mang và vững chắc hơn. » Hi vọng đó khiến Didon mỗi ngày lại kiếm cớ để hoãn cuộc khởi hành của Enée. Một hôm bà mời chàng dự một cuộc săn bắn. Giữa đường bão táp nổi lên khiến các nhà thiện xạ phải tìm nơi trú ẩn. Một cái hang đã là nơi động phòng cho bà hoàng hậu và vị anh hùng.

Từ đó Didon say mê với tình yêu, bỏ cả công việc xây thành. Tiếng đồn đến tai Iarbas, vua của những Gétules và là người đã hỏi Didon và đã bị từ chối.

Tức giận Iarbas van nài Jupiter báo thù cho mình. Vị Thượng đế nhận lời cầu khẩn và bảo Mercure : « Người hãy đến Carthage bảo Enée là chàng đã quên sự mạng* của mình mà nấn ná mãi ở đó. Bảo hắn phải khởi hành ngay về sang Ý mà sáng lập một dân tộc về vàng sẽ làm bá chủ hoàn cầu sau này. »

Mercure vâng lời bay thẳng xuống Carthage. Ông gặp Enée lúc chàng đang ra lệnh sửa sang thành đó. Chàng mặc một cái áo chói lọi mà chính hoàng hậu đã tự tay dệt bằng sợi vàng và đỏ. Vị thần bảo chàng : « Hỡi Enée nô lệ của một người đàn bà, đầu óc của người thế nào mà người chăm lo sửa sang thành Carthage và lãng quên thành trì mà Định Mệnh đã hứa hẹn cho con trai người. Chính Zeus sai ta xuống bảo người phải lên tàu sang Ý và sáng lập bên đó cái gia tài rực rỡ mà người sẽ để lại cho con. »

Enée nghe nói sợ toát mồ hôi. Chàng nóng lòng muốn đi ngay nhưng làm thế nào cho Didon ưng thuận được ? Lòng thành kính đối với Trời và thần

bắt buộc chàng phải đi, nhưng còn mối tình giữa chàng và bà hoàng hậu làm cho chàng phân vân ái ngại vô cùng. Thật là ngổn ngang trăm mối tơ vò. Sau cùng, chàng nhất định gọi các bạn đến mà bảo : « Hỡi các bạn, các người hãy sửa soạn ngay các tàu bè đi. Mọi người phải chực sẵn ở bờ biển để lên tàu và cần nhất phải giữ kín mọi việc sửa soạn ». Họ vui lòng vâng lời chàng.

Nhưng Didon vốn lúc nào cũng đã hay nghi ngại rồi, bây giờ là người đầu tiên linh cảm thấy sự thật. Lúc nàng biết chắc là Enée đang sửa soạn để đi, nàng bảo chàng : « Enée, chàng định trốn đi khỏi nơi này thật sao ? Không gì giữ nổi chàng nữa chẳng ; tình yêu của chúng ta, những lời thề bồi hôm trước và cái chết ác nghiệt của Didon này ? Vì chàng mà tôi đã coi thường sự thù ghét của các vua láng giềng và của các dân tộc ; vì chàng tôi đã bị những người Tyriens phản đối, và vì chàng tôi đã hy sinh danh tiếng của tôi. Vậy tôi xin chàng hãy ở lại, đừng bỏ mặc tôi cho những

người cầu hôn tôi. Chao ôi! giá ít ra chàng cũng để lại cho tôi một thằng Enée con đề kỷ niệm tình yêu của đời ta thì tôi cũng sẽ đỡ cô độc!»



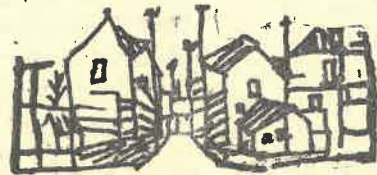
Nhưng Enée vâng theo lời Jupiter cố nén nỗi lòng và trả lời: « Nàng đừng tưởng tôi quên được ân huệ nàng đã ban cho tôi. Tôi sẽ nhớ đến nàng như đến chính bản thân tôi vậy. Nếu tôi phải xa nàng đó là theo lệnh của Apollon. Và lại, đêm nào cha tôi là Anchise cũng hiện về báo mộng cho tôi biết là tôi phải đi ngay sang Ý. Chính ngay ngày hôm nay, Mercure vừa xuống đem lệnh đó của Jupiter cho tôi. Vậy nàng hãy cố nén nỗi lòng đừng làm tăng sự đau buồn của chúng ta nữa. Nàng hãy hiểu cho tôi là không phải tự ý tôi muốn đi làm chi.» Nhưng nàng

Didon vẫn nhìn chàng một cách giận dữ và nói: « Không, chàng không phải là con một vị nữ thần. Chàng là con những núi đá Caucase và hồ cái đã cho chàng bú. Nếu không gì lay chuyển nỗi được chàng thì chàng hãy đi đi, ta không giữ chàng làm gì nữa. Nhưng chàng nên biết rằng bóng ta sẽ mãi mãi theo chàng để oán trách chàng.» Nói xong, nàng ngắt đi. Lúc tỉnh dậy, nhìn ra xa thấy người Troyens đang sửa soạn tàu bè, nàng lại than khóc. Nàng nhờ chị là Anna đi tìm Enée và yêu cầu chàng hãy hoãn cuộc khởi hành lại ít lâu để cho nàng bớt đau khổ. Anna nghe lời nhưng chị làm trai đã quyết, Enée nhất định không ở lại. Khi biết không còn hi vọng gì giữ chàng nữa, Didon chán nản và chỉ nghĩ đến sự lánh khỏi cõi đời. Lúc nàng tưởng như nghe tiếng Sychée, lúc tiếng cú kêu làm cho nàng có cảm tưởng như Thần Chết lừa quất đầu đây... Muốn đánh lừa chị, nàng bảo: « Chị Anna, chị hãy mừng cho em đi. Một bà phù thủy rất giỏi có thể làm cho

lòng người ta thoát mọi nỗi đau buồn vừa mách cho em cách giải sầu. Vậy chị hãy cho xếp trong sân lâu đài một đồng củi trên đó chị sẽ để những khí giới, ảnh, quần áo của chàng và cả cái giường của chúng em nữa. Bà ta bảo nếu đốt được các kỷ niệm ấy đi, em sẽ thoát khỏi mọi nhớ thương».

Anna làm y như lời em và khi mọi thứ đã sẵn sàng, Didon đứng trên lầu đài cao chót vót nhìn thấy các tàu của Enée đang ra khơi, nàng liền lấy tay đập vào ngực và dứt từng mảng tóc ra. Nàng nguyện rửa Enée hết lời, rồi tượng lại như bày ra

trước mắt, nàng thấy Annibal hiện lên báo thù cho nội giống của nàng và làm cho quân Troie run sợ. Nguyên rửa chân, nàng trèo lên đồng củi lấy gươm của Enée nhằm đúng quả tim mà đâm vào. Lúc chị nàng nghe tiếng mọi người kêu chạy lại thì than ôi, bà hoàng hậu Didon xinh đẹp chỉ còn là một cái xác chết. Trong khi đó, Enée ra bề khơi. Chàng quay lại phía lâu đài, trông thấy khói lửa ở sân bốc lên tuy không rõ nguyên do, chàng cũng linh cảm thấy những điều thật đen tối.

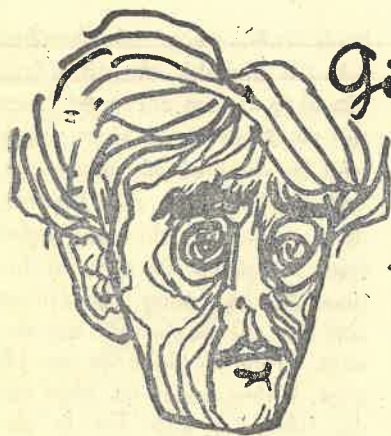


TỰ ĐIỀN VỀ CHỬI

Một nhà ngôn ngữ học trú danh sắp xuất bản một cuốn tự điển về những câu chửi rửa trên thế giới.

Kề ra đây chưa hẳn là một sáng kiến mới lạ. Năm 1952, đã có một cuốn bằng tiếng Anh, tác giả là bác sĩ Clyde Crobauch, giáo sư tại viện Đại học Tennessee (Hoa-kỳ).

Bộ tự điển gồm độ một ngàn câu « chửi rửa » về hạng thô tục hỗn xức nhất.



Giấc mộng họ
vào
chặng mắt
ngủ
của tôi

■ **ĐOÀN - VĂN**

THANH
VIỆT
THANH

DẸN được đều tắt hẳn và họ đã ngủ cả từ lâu. Giấc mộng của họ đang ở kia, quay quần nhau trong bóng tối của đêm dài và nắp ần kín đáo trong bầu không khí ẩm cúng của gian phòng.

Người ta cần phải được nghe thấy thật rõ ràng trong lúc này,

lúc chính xác của im vắng và tối tăm mà trời đêm đã áp đảo được rất nhiều phản quang, chỉ còn sót lại có chút ít tia sáng lơ mờ qua khung cửa sổ; lúc mà gần như có tổ chức, hợp nên bởi điệu nhạc của tiếng thở, bởi mùi vị nồng nàn của thi thể co quắp và nhạt phai, để cảm biết cái sức

GIẤC MỘNG HỌ VÀ

manh của giấc mộng mà họ đang mơ.

Giấc mộng của họ hình như cứ từng lúc lại quay quần chung quanh tôi: luôn luôn vẫn những hình ảnh hỗn độn nhưng êm dịu đó lướt qua một vị trí cố định này, để rồi lại bắt đầu diễn biến một cách bền bỉ và hăm lại một cách liên tục.

Từ khi tôi có — tôi tự cho như vậy — cái quyền hạn, cái thiên tư cảm nghĩ những gì mà kẻ khác đã cảm nghĩ, nhìn thấy những gì mà kẻ khác đã nhìn thấy, nghe được tiếng nói nắp ần sâu kín tận cùng trong lương tri họ — không phải bởi sức mạnh của tình thân ái mà tôi nghe được thể dù rằng tôi là vương nhựa mềm ghi nhận được âm thanh họ, và dù rằng tôi là tấm da mỏng còn trinh trắng chưa in hằn hình ảnh họ — thì tôi không còn có thể phân biệt được một hình ảnh nào đặc biệt cho dù là chưa phai nhạt của tình yêu, hay một hành động nào mới lạ, một sự âu yếm ngây thơ nào đến kỳ quái hoặc thú vị gì gì đi chăng nữa.

Sự kiện đó có thể luôn luôn được liên hệ vào những chuyên môn, những địa hình phức tạp và

kinh dị cũng nên. Một vài kẻ đã giống nhau quá rõ ràng. Chỉ cùng trong một hành động mà họ cứ luôn bền bỉ lặp lại. Giả sử như có một ngày nào đó, người ta đặt tình yêu vào một sợi dây xích quay vòng liên tục, chắc hẳn người ta sẽ rất khó khăn để mà phân phát cho mỗi con người một chỗ bám, một vai trò...

Chắc chắn là tôi sẽ không thể tìm được giấc ngủ yên lành trong đêm nay vì tôi đã cảm thấy nhức đầu. Nhức đầu, một căn bệnh mà tôi biết rõ là nó sẽ làm cho toàn thân tôi giao động mạnh, có thể tan rã ra.. Cái cảm giác về sự mất mát trọn vẹn này chắc các bạn không thấu đáo vì nó không phải là các bạn, của hình hài bạn. Nó đã nung cháy hết cả những thèm muốn cuồng vọng của tôi, rồi lại làm cho nguội lạnh đi, nguội lạnh vì những mối lo âu rất lạ lùng và trống trải như mảnh hồn hoang cô độc ưu tư này...

Tôi uể oải đứng dậy đi về phía khung cửa sổ, trông ra ngoài. Trời không một ánh sao. Phương tây, từng cụm mây đen nôi đùn lên làm thành hình những con mèo hoang, buồn thảm nào.

Bây giờ trời không mưa, nhưng rồi sẽ lại mưa. Dưới kia, trong vương sơn nhỏ, một cơn gió lạnh nặng nề chợt thoảng qua làm xếp rạt những chiếc bóng mờ ảo của cỏ cây.

Tôi đứng yên, không hề cử động, vì tôi biết rằng dù tôi có làm gì đi nữa thì cũng bằng vô ích: Sự ấm cúng của gian phòng vẫn cứ lê dài ở đây, ở trong một phần nửa giấc mộng họ...

Nhìn ngang gương mặt của một thằng bạn đang ngủ gục bên vương cửa sổ, tôi chợt khám phá ra được ở hẳn một chút nhiệt tình đam mê khoái lạc, và một chút giầy vò não nột. Rồi thốt nhiên, đối với tôi bây giờ, hẳn bỗng trở thành một vật khác. Đó là cái ngàm hàm, cái sự việc xung đột mà tôi chưa bao giờ cảm thấy từ bấy lâu nay, nó giống như sự thay đổi bất chợt trong cõi vô hình, xảy ra gần bên một chiếc gương.

Sự phát tiết ấy lê thê, âm vang như tiếng ngáy của hẳn. Tôi không thể tưởng tượng được hồn mộng hẳn bây giờ ra sao, dù tôi chỉ tưởng tượng trên một bình

điện lý trí. Sự kiện đó không bắt nguồn từ bên trái, bên phải hay trên cao hoặc dưới thấp. Nó như cô đọng vào tôi trong tưởng tượng để khiến cho tôi đã chợt hiểu thêm rằng, đó không phải là một sự lăm lăm thác loạn của tư tưởng hay suy đồi của lý trí...



Sự im lặng chợt trở nên xào xạc một cách liên tục và rất khó phân biệt trong giấc mộng họ. Sự im lặng có tính cách sai khiến này đang ở trong phòng, cùng một lúc lại vang lên nhiều tiếng nhỏ...

Trước nhất, nó như là một điệu nhạc, hay hơn thế, là những liên minh lạ lùng của sự kết hợp âm vang mở ra, thắt lại, làm cho cái này va chạm vào cái kia tựa hồ ngọn thủy triều kỳ lạ mà làn sóng vẫn luôn muốn vỗ nhẹ vào tôi như nhịp roi của người mẹ hiền...

Tôi chợt nghe lòng yêu mến giấc mộng họ và nhớ thương

chiếc roi của mẹ tôi dùng để dọa yêu tôi ngày xưa...

Đêm tháng ba miền Nam oi bức. Ánh trăng chênh chếch rọi vào gương mặt của thằng bạn nằm bên cửa sổ, lê thành một vệt dài óng ả, lung linh. Tôi lại có cảm giác rằng hẳn đang thả hồn trong một giấc mộng đẹp, thật đẹp. Và tôi bỗng thấy thêm khát được có một giấc mộng như hẳn. Nhưng tôi nào có ngủ được đâu để mà mộng: Đôi mắt tôi vẫn luôn mở rộng! Hai tay lờn ra sau óc, tôi ngửa mặt nhìn lên cao. Chiếc đồng hồ không gỡ ra, vẫn

còn đeo ở tay, luôn tiết đều một điệu nhạc nhàm chán, buồn tẻ: « tích tắc, tích tắc » khiến cho tôi càng tủi thẹn thêm, thêm khát thêm, qua giấc mộng họ...

Rồi thốt nhiên, tôi bỗng thấy cần phải rời xa gian phòng họ, trốn thoát giấc mộng họ. Tôi ngồi dậy, mặc vội quần áo, bước nhanh ra ngoài sương khuya, lăm lũi đi như một người điên...

Ôi thế xác họ, giấc mộng họ...
Và tôi, chứng mất ngủ của tôi!..



* ĐÀN BÀ CHỈ HUY THUYỀN ĐÁNH CÁ VOI

Ngày 13-11-1963 vừa qua, Nga-sô phong chức cho một người đoàn bà chỉ huy đàn tàu đi săn « cá ông voi », hôm đoàn tàu rời bến Vladivostok. Bà này tên Olga Sverkine, người đầu tiên của Nga và có lẽ của thế giới, nhận chức vụ khó khăn này.

nhận diện



★ PHAN - TRẦN
(Bình-Tuy)

Những con người hôm nay
Con trai và con gái
Của nước Việt-nam này
Cúi đầu buồn ái ngại
Của con người hôm nay
Đàn bà rụng nước mắt
Đàn ông súng liềm tay
Cuộc đời như lán mặt
Những con người hôm nay
Lính già chưa giải ngũ
Chết sống nhờ rui may
Đau thương chừ chưa đủ
Những con người hôm nay
Sống cuộc đời thác loạn
Có tôi và có anh
Ôm tình yêu mòn mỏi
Qua một mùa xuân xanh.

Linh hồn
sâu mộng của

LƯU TRỌNG LƯ

★ TRẦN-TUẤN-KIỆT

TÂM HỒN CỦA LƯU TRỌNG LƯ LÀ TÂM HỒN
CỦA VÒM TINH TÚ, NGƯỜI CỦA LƯ LÀ
NGƯỜI THƠ TỪ TRONG XƯƠNG, TRONG MÁU

SINH năm 1912 ở Cao-lao-hạ, huyện Bồ-trạch (Quảng-Bình). Học trường Quốc-học Huế đến năm thứ ba, ra Hànội học tư rồi bỏ đi làm báo, làm sách cho đến nay. Chủ trương Ngân sơn tùng thư, Huế (1934-1937)

Đã viết giúp : Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm, Tiến-hóa, Hà-nội báo, Tân thiếu niên, Tao đàn...
Đã xuất bản : Tiếng thu (1939)

Kề cái tính mộng mị lơ dềnh của Lưu-trọng-Lư, Hoài Chân Hoài Thanh viết như sau :

« Lư đang nằm trên giường xem quyển Tiếng Thu bỗng ngồi dậy cười to :

— A ha ! thế mà mấy bữa ni cứ tưởng...

— ?

— Hai câu :

*Giật mình ta thấy bờ hơi lạnh
Mộng đẹp bên chân đã biến rồi.*

Mấy bữa ni tôi ngâm luôn mà cứ tưởng là của Thế Lữ... « Thì ra hai câu ấy của Lư. »

Đêm nay ta đốt hương trầm của lòng ta, để tưởng vọng về...

Gió lùa trăng tràn lênh láng trên bãi xa, mà lạ thay ta ở trong gốc nhà tù túng này vẫn thấy ánh trăng chan hòa thấm lạnh cả lòng thơ... Tìm về đâu, giữa thế nhân gỗ đá này, ta tìm về đâu? Nay, có lẽ sẽ có người lên tiếng rằng sao ta khinh thường làm bộ tịch thế. Không đâu! Nào, ai hiểu gì đâu — *đất trời chia cách, cỏ sâu thế gian* — lòng ta đó... xin thưa cùng người.

Đêm không mang lại niềm yêu thương đầm ấm, đêm làm tình làm tội ta quá nhiều.. ngày cũng thế thôi.. ta có bao giờ được yên ổn đâu? Ta nhớ lại, ban chiều lo dâu, ban đêm lo gạo, ban sáng lo làm ra tiền, trưa lo ngủ đúng giờ, ngày lo canh gác, quở phạt, lo vợ đẻ, lo con đau, lo thân hình sẽ chết dần vì con ma bệnh hoạn... Rồi lại lo công việc thành bại, danh dự lên xuống người khen kẻ chê... trăm điều lo nghĩ, lo đi trật đường rầy của một con đường hạnh phúc, lo đảo lo điên. À sao mà lo lắm thế.. nghĩ lại thì còn nghĩa lý gì đời sống.. tạm gọi là cái hồng ân của tạo hóa ban tặng cho ta làm người đây. Hơi hương trầm của lòng

ta ! bốc lên đi, kết thành óng mây mùi thơm tho. đưa ta vào vùng thế giới của cái thuở... Khai nguyên, của cái mộng ban đầu, của một vùng kỳ-ảo mộng mị tràn trề tuyết trắng, tuyết không lạnh mà trái lại rất ấm, chìm ngập trên đỉnh tuyết mù có lẽ linh hồn ta ấm-địu hơn là mãi quần-quanh to nghĩ này.

Ôi, cái cõi niết bàn của lòng ta.. cõi đó ở đâu. Có phải ở trong thạch động thời Xuân-thu chiến-quốc, nơi các nhà ẩn sĩ lo chôn dấu cái tàn cốt của mình, hay là nơi cửa thiên có những vị sư già ngồi trơ vơ với chuông kệ lạnh hoang. Ta biết tìm về đâu, con đường... còn đường đi thực thì... đã bị chia cách làm sao đây? Mà đến đâu, hơi tuổi đời bỏ mọi ân huệ thiêng liêng lại đằng sau lưng, gánh đầy hai vai sầu khổ.. một đời chỉ thấy trước mặt một vùng chiêm bao sương khói, và bỏ mặc.. mọi lẽ đời sâu cạn ở dưới chân đi. Hay là ta nên vào cái thế giới của một vì chúa tể.. niêng một cõi mộng vô cùng êm ái. Ở đó, gió hương sẽ ru ta đến tận đỉnh hư không để níu được vầng trăng thiên cô, và cùng

vầng trăng nhìn xuống gió bãi lạnh lùng... của ta xưa. Cái bầu sương tuyết menh mang của riêng chỉ một người thôi. Có thể gọi là một vì tiên cũng được. *Lưu-trọng-Lư* đó... ta không biết hình dung từ gì để gọi Người cho phải, Người làm thơ nhưng không phải như thơ của thi nhân... mà không phải lời của đạo sĩ, của triết nhân.. dường như của một vì Sáng Thế... mà bản chất của thơ Người vốn xuất nguồn cảm giác tự cái vắng lặng của hư không, tự cái trong sáng của trăng nước, tự cái ý tình của thiên thu bất diệt.. tự cái say đắm, cái ước vọng, cái tha thiết tận đáy đời sâu thẳm... cái hình-cái cảnh của chiêm bao kỳ mộng.., cái lời của những khách hào-hoa tự nghìn xưa.. và nhất là cái cô đơn của một đỉnh núi mịt mù tuyết giá đời. Có lẽ trong thơ người có đôi cánh của con hạc, con phượng hoàng bay nhẹ nhàng.. có lẽ cá nguồn thi cảm của người do một nguyên Khê nào để xuống tự trời cao... thời gian được ngăn lên với cung đàn thiên nhiên trong thơ người.. nó trút hết được cái tối tăm.. bệnh hoạn của đời sống. Nó im lặng mà rộng vô biên.. nó

thanh cao mà không làm dáng sang cả. Nó là gió thoảng lời tình của người yêu đầu tiên ngân ở chính giữa quả tim hồng này.. là một món quà phụng hiến của tạo vật tặng cho những khách đồng điệu vậy.



— Vâng! hãy đọc thơ Lưu Trọng Lư trong lúc trăng vừa lên, mây vừa tự đọc cho hết đêm, hết ngày, hết tháng, năm.. đọc trong mộng, để nuôi mộng, đọc trong mơ để thành tựu ước mơ.. và để thấy rằng.. cái ảo-mộng vẫn luôn đẹp và thanh nhân hơn hết.. và mọi sự say đắm vẫn là cái sống đầy đủ hơn sự mực thước thường ngày.. mọi niềm hoan lạc của hy vọng vẫn chan chứa.. hơn là thực tại bi thảm đó.

Bây giờ ta vận thấp ngọn đèn, đứng ra sân.. sẽ thấy bóng linh hồn của Lưu Trọng Lư trong trăng gió ấy.. một gió trăng rộng rãi thanh sạch hơn tất cả cái điều gì.. cao cả nhất ở đời.

tiếng thu

Em không nghe mùa thu
 Dưới trăng mờ thồn thức ?
 Em không nghe rạo rục
 Hình ảnh kẻ chinh-phu
 Trong lòng người cô phụ ?
 Em không nghe rùng rờ,
 Lá thu kêu xào-xạc
 Con nai vàng ngơ-ngác
 Đạp trên lá vàng ?

Thi ca Việt-uan cũng như trường hợp các nhà thơ Tây-phương, Văn học Tây-phương chịu ảnh hưởng văn chương La Hy, Văn học Việt-nam chịu nhiều ảnh hưởng Tàu, Tây, Mỹ v.v... nhưng cũng như văn học ngoại quốc, màu sắc dân-tộc vẫn là những nét chính yếu. Dù cho những ý tưởng có giống, có in, có mang một sắc thái, một hình ảnh gì của văn học nước ngoài nhưng bản sắc đặc biệt vẫn là cái bản sắc rút từ mảnh đất Việt-nam mà ra.



*** TƯ TƯỞNG HAY**

Đời sống ví như cái gương soi : ta hãy mỉm cười với nó thì nó sẽ mỉm cười lại với ta.

(Edwige Feuillère)

Có người bảo thơ Lưu-trọng-Lư, bài Tiếng thu, có đôi hình ảnh và tiếng thơ của một thi sĩ Nhật, đó cũng không có gì quan hệ lắm.

Sự quan-hệ là thơ có cảm hứng, có gây được trong lòng người đọc niềm rung động nào chăng ?

Những nhà thơ thời tiền-chiến không ai Thơ cho bằng họ Lưu, mỗi bài chứa đựng một cảm hứng lãng-mạn phụ như kẻ làm thơ tầm thường. Chất lãng-mạn đến độ cùng tận, đến mức siêu-hình, ngôn ngữ hiện sáng như trăng sao. Và tâm-hồn Lưu-trọng-Lư là tâm-hồn của vòm tinh tú, Người của Lưu-trọng-Lư là người thơ, trong xương máu có thơ nhạc lung-linh vậy.



NGƯỜI CỦA HANOI

*** TRUYỆN NGẮN NHẤT-TUẦN**

Lúc băng ngang đường Phan thanh Giản. Hòa mãi lo tránh xe cộ không để ý đến người con gái đứng dưới gốc cây, ngay bên kia đường. Tới trước

mặt nàng, Hòa mới giật mình dừng lại. Hòa nhìn sững một lát rồi ngập ngừng nói khe khẽ :

— Thanh hả ? Có phải là Thanh... Gambetta.

Người thiếu nữ cũng đang chăm chú nhìn Hòa. Khi nghe chàng hỏi, Thanh — chính là Thanh — gật đầu chào :

— Anh Hòa. Lâu quá mới gặp. Bây giờ anh ở đâu? Các chị Vân, Thủy ở đâu?

Hòa nghĩ thầm: «Vẫn cái giọng liu la liú ló như chim. Và mỗi lần hỏi là hỏi một thời một hội.» Có một điều mà chàng nhận thấy ngay là Thanh vẫn đẹp như ngày xưa. Khuôn mặt, trái xoan, sống mũi dọc dừa và đôi mắt long lanh tinh tú, trông Thanh còn hơn trước. Càng ngắm càng thấy dễ yêu.



Thấy mình nhìn quá lâu, Hòa tự ngưng. Chàng hỏi một câu cho có chuyện, trong khi Thanh cũng đang ngạc nhiên vì thấy Hòa cứ yên lặng ngắm mình:

— Thanh đứng đây làm thế nào?

— Em đi lĩnh lương. Còn anh đi đâu mà đến đây. Sao anh không trả lời những câu em hỏi về chị Thủy, chị Vân?

Trong khi Thanh nói thì Hòa chợt nhận ra chiếc nhẫn vàng tây óng ánh trên ngón tay của nàng. Hòa khẽ dấu một tiếng thở dài: «Thì ra nàng đã có chồng.»

— Tôi cũng đi lĩnh lương đây. Lại nhỉ, Thanh lĩnh lương gì mà sớm thế?

Vừa nói Hòa vừa sóng đôi cùng Thanh bước vào sâu bên trong cửa Đại đội Hành chánh Quận Vụ số 6.

Giơ tay bứt một nhánh hoa giấy đỏ bên bờ dậu, Thanh nhoen cười tươi:

— Bộ chỉ nhà binh các anh là được lĩnh lương sớm thôi à? Hôm nay mới 21 tây mà em cũng lĩnh lương được. Tài không?

Hòa không trả lời. Chàng đang nghĩ đến những ngày còn ở Hà Nội. Đạo ấy nhà chàng ở đường Phan Bội Châu, gần ga Hàng Cỏ. Gần đó, cũng cùng một khu, nhà ba chị em Thanh ở ngay trước Đẩu xảo đường Trần Hưng Đạo.

Ba chị em Thanh nổi tiếng là đẹp và trong đó Thanh—cô chị cả—rực rỡ và hơn hẳn như một đoá hoa mãn khai. Con trai Hà Nội, khu Ga Hàng Cỏ, khu Hàng Lọng, Cửa Nam, không ít thì nhiều, anh nào cũng mê một trong 3 chị em nàng.

Hai em gái của Hòa cũng là bạn cùng lớp với Thanh. Vì thế, đối với Hòa, Thanh coi chàng cũng như anh. Sau này, mẹ Thanh chơi hội với mẹ chàng, gia đình hai người thân nhau hơn và mẹ chàng đã chớm có ý hỏi Thanh cho chàng.

Truyện còn dở dang thì Hòa phải động viên và 1 tháng sau tình thế lộn xộn, cuộc di cư vào Nam xảy tới. Vào đây mỗi người một ngã thất tán. Hình như gia đình Thanh di cư vào Saigon rồi ra Nhatrang làm ăn với người họ xa đã có sẵn cơ sở ở ngoài đó.

Hòa, trong cuộc đời chiến binh, chàng đổi đi hết Vùng Chiến thuật này, đến Vùng chiến thuật khác. Những mối tình vun vạt trải qua... Đôi lúc bắt gặp một hình ảnh quen thuộc gợi nhớ dĩ vãng. Hòa chợt nhớ tới Thanh, nhưng thoát rồi quên đi. Có cái gì mà bền chặt mãi được với thời gian?

Bây giờ hai người bắt gặp lại nhau. Đứng vào lúc Hòa chuẩn bị thủ tục sang Mỹ du học. Và Thanh.. đã có chồng.

Hai người ngồi ở hàng ghế đợi bên ngoài. Thấy Hòa

lấy passport để kèm theo xấp giấy tờ, Thanh khẽ nhủ mà hỏi :

— Anh sắp xuất ngoại đấy à?

— Vâng, ngày mốt tôi đi. May mà trước khi xa quê hương lại gặp người xưa.

Tiếng « người xưa » thốt ra xong Hòa mới thấy là mình nói « bạo » quá. Hình như Thanh cũng nhận biết ẩn ý câu nói của chàng. Má nàng đỏ ửng, và Thanh bên lén cúi đầu cầm nhánh hoa giấy lắc đi lắc lại rồi nghiêng đầu sang một bên để mấy sợi tóc dài vương loà xoà trên má.

Một nỗi rung động nhẹ nhàng len đến tâm hồn Thanh và chàng bỗng thấy, quả thật chàng không thể nào quên được người con gái Hà Nội ngày xưa.

Hai người yên lặng một lúc lâu, Thanh hỏi về các bạn :

— Chắc chị Vân chị Thủy bây giờ mà gặp em không nhận được ra đâu. Em mới đổi vào đây được hơn nửa tháng. Định có dịp sẽ tìm lại thăm Bác và các chị.

— Thủy học Luật, năm nay thi Cao Học 1 và... đậu hay trượt thì cũng đi lấy chồng để làm bà... Thiếu tướng. Còn Vân đang học Dược, thi năm thứ 4 mà cứ trượt hoài! Có dịp nào mời Thanh lại chơi. Có đến chắc chúng nó mừng lắm.

Hòa lấy carte visite ghi địa chỉ đưa cho Thanh rồi kiêu từ để vào lĩnh tiền :

— Sáng nay tôi phải lo nhiều việc lắm. Mỗi lần du học là cứ chạy như chạy cờ vậy.

Nếu trước khi đi Mỹ mà không gặp lại lần nữa, tôi sẽ viết thư cho Thanh sau nhé.



Tới Columbus 3 tuần Hòa nhận được thư của em gái.



Thư của Thủy đến cùng một lúc với 2 lá thư của Diễm. Diễm là một nữ công chức ở Ty Bưu-điện Saigon và đã quen với Hòa từ 2 năm nay. Tuy chưa chính thức, nhưng gia đình Hòa đều ngầm hiểu, 10 phần thì 9 phần, cô công chức Saigon sẽ thành bà Đại Úy Hòa trong một thời gian ngắn nữa.

Hòa xé thư của Thủy đọc trước. Lướt qua từ đầu tới cuối lá thư, rồi Hòa đọc lại thông thả đoạn Thủy viết về Thanh :

« Chúa nhật rồi Thanh nó mới lại thăm bọn em. Nó bảo có gặp anh mấy bữa trước khi anh sang Mỹ. Lâu quá bọn này mới có dịp tâm sự. Thanh nó tội ghê đi anh ạ. Chồng Thanh mới chết trận khi Việt-Cộng vào đánh quận. Sau khi Luyện bị sát hại, Thanh xin đi làm cho khuây khỏa. Thanh bảo với

bọn em, nàng phải vào Saigon vì sống mãi ở Quảng-ngãi, với những kỷ niệm hãi hùng đó chỉ làm Thanh ghê sợ chán nản đến phát điên lên được. Bà Phó Quận Trương vẫn còn « đẹp ác »! Nó hỏi địa chỉ của anh, và bọn em đã tạm dẹp cô Diễm sang một bên để cho địa chỉ ngay. (Bạn học trò ngày xưa ngày xưa mà!) Ở bên đó có thêm lá thư nào anh càng khoái thêm nữa là khác.

Truyện của chúng em... chắc sau hè này, anh về là kịp mùa thu đến. Anh chả thường bảo: « Với người Hà-nội, mùa thu là mùa của tình yêu, là mùa của những đám cưới là gì? »

Hòa đọc đi đọc lại đoạn thư trên và trong giây phút đó, chàng thấy như không muốn đọc những lá thư của Diễm ra xem nữa.

Một tình cảm lằng lằng vừa ập tới, đem lại cho

chàng những bồi hồi xao xuyên lạ kỳ. Hòa bỗng nhớ lại tất cả những kỷ niệm ấu thời ở Hà-nội. Con đường Gambette thẳng tắp đây là mẹ lá sấu và vang inh những tiếng ve sầu mùa hạ. Những đêm trăng chơi chạy đuổi tới khuya ở khu bãi Đâu Xảo. Con đường Cổ-ngư lộng gió. Hồ Tây mặt nước gợn buồn với những cánh buồm trắng dật dờ.

Tất cả những hình ảnh ấy hiện lên rõ rệt trong óc Hòa. Rồi thấp thoáng đâu đây nụ cười của Thanh. Nụ cười hồn nhiên trẻ thơ. Với đôi mắt to đen, ướt lấp lánh. Hòa thấy lẫn lộn hình ảnh Hà-nội qua bóng dáng của

Thanh và chàng như chợt nhận ra, giữa Diễm với Thanh thì Hòa « gần gũi » với Thanh nhiều hơn. Bởi vì Thanh còn thêm là hình ảnh của Hà-nội.

Giác ngủ đến muộn vì Hòa cứ trần trọc mãi với những kỷ niệm cũ. Về Diễm, về Thanh. Về Hà-nội với những ngày những tháng trong thế giới thần tiên của thủ đô ngày xưa. Phòng bên cạnh chiếc phono của Tuấn đang chạy đĩa nhạc « Hương về Hà-nội » của Hoàng-Dương.

Hòa chập chờn và thiếp đi trong tiếng hát nũng nịu của Thái-Thanh.

● HAI CHỒNG

Hai cô gái đẹp « sóng mới » gặp nhau. Cô A hỏi cô B :

— Mày vẫn còn với thằng Hải sao? Liệu thằng Mèo già nó không ghen ư?

— Ghen gì. Nó đâu có làm giá thú mà ghen. Và lại không mượn khéo thằng Hải thì Mèo già và tao làm sao tự do « ăn nhậu » được.



còn
nhớ
không ?

* PHƯƠNG - ĐÀI

(Trao về các chị Tiến Sám để kỷ-niệm
những ngày cùng hoạt động trong ban Xã-hội)

Đêm nay buồn quá chị ơi !
Bóng trăng để lạnh phương trời cô liêu
Mắt xanh trót gửi một chiều
Đã đem thân thể mà liêu với nhau
Khung đêm mây nhả ngàn sao
Tâm tư từng cánh hoa đào rụng rơi
Nhớ xưa ai hẹn trọn đời...
Sao nay bàng bạc những lời không đầu !
Chị ơi nhận điểm cung sầu
Quê hương gầy héo rớt sâu buồn tênh
Đan tay lùa gió thổi lên
Trăng xuân gác núi chênh vênh sông hồ
Đêm nay mây dẹt hồn thơ
Rung rung tiềm thức mộng hồ suy tư

bác-sĩ
JEKYLL

TRONG

ĐỜI

THẬT

LÀ AI ?

HAI TÂM HỒN TRONG MỘT THỂ CHẤT :
ÔNG « THIÊN » — ÔNG « ÁC »

Sưu khảo : TẾ - XUYỀN

NĂM 1886, một văn sĩ người Anh, ông R.L. Stevenson, có viết một cuốn sách nhan đề là « Doctơ Jekyll và ông Hyde ». Cho đến ngày nay cuốn sách đó còn gây cho những độc giả một cảm giác rùng rợn ; nó phô bày một trạng thái kỳ quái của con người có hai tâm hồn trái nghịch hẳn nhau. Ban ngày Doctơ Jekyll là một bác sĩ đầy lòng nhân ái, giàu tin ngưỡng, chuyên tâm làm việc thiện cứu giúp kẻ cô cùng ; đêm đến cũng một con người ấy biến thành một kẻ hoang đàng, lân la những tửu điếm trà đình, tìm những thú vui nhục dục bên những gái giang hồ, và không từ những hành động hung bạo.

Vì sao doctơ Jekyll lại biến đổi ra gã hung đồ Hyde xấu xa cả từ diện mạo cho chí tâm-hồn ? Trong sách, văn sĩ Stevenson đưa vào những tìm tòi của khoa học mà viết rằng Bác-sĩ Jekyll có chế ra một thứ thuốc uống vào tức thì tâm tính biến đổi liền ; bản năng lương thiện sẽ cải hóa thành độc ác. Bác-sĩ Jekyll đã dùng thuốc đó thí-nghiệm ngay cho mình.

Nhưng do đâu văn sĩ R.L. Stevenson lại nảy ra ý tưởng viết cuốn « Doctơ Jekyll et M. Hy-

de » lạ lùng đó ? Cố nhiên không phải hoàn toàn do tưởng tượng. Vụ Pritchard ở Glasgow xảy ra năm 1865 đã cung cấp đề tài cho ông viết sách.

Bác-sĩ Pritchard nổi tiếng là người đạo đức và từ thiện trong tỉnh Glasgow. Ông thường săn sóc những gia đình nghèo, bệnh hoạn, không hề lấy tiền ; trái lại còn giúp thêm tiền bạc là khác.

Bỗng ngày kia người ta đã khám phá ra ông đã quyến rũ đứa trẻ gái và ngấm đầu độc mẹ vợ và vợ.

Pritchard, với những trạng-thái tinh-thần trái nghịch của ông, đã giúp cho nhà văn tài-liệu thực-tế đề viết cuốn « Docteur Jekyll et M. Hyde. »

Dưới đây, là chuyện thật của nhân vật Jekyll-Pritchard trong đời thực-tế.

Doctơ Jekyll trong đời thực tế

Tối hôm 4 tháng giêng năm 1865, các vị thân hào trong tỉnh Glasgow tập nập kéo nhau đi nghe bác-sĩ Pritchard diễn-thuyết. Trong đám thính-giả, người ta

BÁC SĨ JEKYLL

nhận thấy một số đông phụ nữ hàng mộ tiếng diễn giả.

Một cô gái một bà đứng tuổi ngồi cạnh :

— Bà đã nghe Bác-sĩ nói lần nào chưa ?

— Chưa Tôi vừa mới ở Luân đôn về, nhưng tôi có nghe nhiều người đồn về tài hùng biện của diễn-giả.

— Lời đồn ấy không sai. Bác sĩ nói nghe mê lắm. Bác sĩ là người học rộng, biết nhiều, lời nói lại có duyên nữa : nghe ông nói không biết chán. Rất tiếc hồi tháng chạp năm ngoái, bà không có mặt ở đây để nghe Bác-sĩ diễn thuyết về Ai-cập. Ông tả cảnh vật bên bờ sông Nil một cách diễm-ảo, cứ như ta nom thấy tận mắt vậy.

— Nghe nói ông ta đã du lịch nhiều nơi lắm, chẳng biết có thật không ?

— Thật đấy, trước khi cưới vợ và lập nghiệp tại đây, ông Pritchard làm việc ở Hải-quân Hoàng-gia, nên có dịp đi nhiều. Từ khi giải ngũ, ông đã chấm dứt cuộc đời giang hồ, chỉ muốn sống bên cạnh vợ con thôi.

— Quý hóa quá ! Ông Pritchard thật là người chồng đáng mến, và người cha đáng kính trọng gia đình. Chẳng bù với ở nhà-tôi làm đến chức Trung-úy Hải-quân mà vẫn còn ham cuộc đời bồng bềnh sông nước, hơn là cuộc đời phẳng lặng của gia đình.

Ở hàng ghế dưới, vài cái đầu chụm lại : các bà đang trao đổi với nhau những câu chuyện thì thầm.

Một bà có tuổi nói :

— Tôi xem bác sĩ Pritchard đây là vị lương-y giỏi nhất vùng này. Chẳng những ông ta giỏi về phương diện nghề nghiệp mà ông còn giàu lòng thương người nữa.

— Tôi thường nghe nói ông khám bệnh thì cho những bệnh nhân nghèo, chuyện đó có không ?

— Đúng như vậy, chẳng những ông không lấy tiền khám bệnh những người nghèo mà đôi khi ông còn phải xuất tiền túi ra mua những thứ thuốc do ông kê đơn, cho không những bệnh nhân thiếu thốn là khác. Ở đời này mấy người đã làm được như ông Pritchard. Cũng vì ông giàu lòng

vị tha, chị biết cứu bệnh mà không vụ lợi như thế, có nhiều kẻ đã lam dụng lòng nhân của ông, cứ nhắm mắt bỏ qua, cố tình quên món tiền công của thầy thuốc khám bệnh, cho nên dạo này ông Pritchard lâm cảnh thiếu hụt. Tiền thu vào không có, ông cứ ăn vào vốn nhà, có lẽ vợ nợ đến nơi.

— Tội nghiệp thì thôi !

Cách xa đó vài hàng ghế, hai thiếu nữ trẻ và đẹp nói nhỏ vào tai nhau :

— Thế nào, việc của chị xong chưa ?

— Cám ơn chị, xong rồi. Nếu không nghe lời chị khuyên, chẳng biết bây giờ em ra sao ?

Thiếu nữ vừa nói dứt câu, cặp má ửng hồng.

Bạn cô cười tiếp :

— Em đã bảo Bác-sĩ Pritchard mát tay lắm mà ! Có sao đâu ? Đau đớn một chút để khỏi ôm hạp ngàn thu chẳng hơn sao !

— Bác-sĩ Pritchard là một ân nhân của em, không bao giờ em quên ơn ông ta. Hình như ông ta

có vợ rồi. Nếu không em sẵn lòng... À mà chị có biết mặt vợ ông ta không ?

— 'Cô bạn chỉ một thiếu-phụ ngồi ở dãy ghế thứ nhất :

— Người ngồi hàng đầu, ghế thứ tư là vợ Bác-sĩ điển-giả đó.

— Ô ! Bà Pritchard cũng không đến nỗi xấu tệ, như em tưởng... Bà có mấy con với Bác-sĩ ?

— Cả thầy năm. Một đứa ở với bà ngoại ở Edimbourg, còn 4 đứa hiện ở với cha mẹ chúng tại đây.

— Trước khi đến lập nghiệp tại tỉnh nhỏ này, Bác-sĩ Pritchard làm việc ở đâu ?

— Ông ta mới đến ở tỉnh Glasgow này chừng 5 hay 6 năm nay. Trước ông phục-vụ Hải-quân Hoàng-gia ; sau khi giải ngũ, ông mở phòng khám bệnh ở nhiều nơi, trước khi đến đây. Ông có ở Yorkshire ít lâu.

Vài tiếng « sxyt » đưa ra, những câu chuyện xì xào im bật.

Ba nhân vật trịnh trọng bước lên bục. Người đi giữa cao chừng

1 thước 90, lưng hơi gù, trán cao, hói đến giữa đỉnh đầu, râu cằm rậm, đeo mắt kính gọng sắt. Đó là Bác-sĩ Pritchard.

Một người già nhút trong hai người đi theo Bác-sĩ cất lời giới-thiệu :

— Thưa quý bà, quý ông, tôi thiết-tưởng giới-thiệu Bác-sĩ Pritchard chỉ là thừa vì quý bà, quý ông đã từng tiếp đón nồng nhiệt Bác-sĩ trong những buổi diễn thuyết trước. Sau những cuộc nói chuyện về các chuyến du-lịch của ông ở Viễn-Đông và Ai-cập, tối nay ông sẽ nói về đảo Pitcairn..

Cuộc diễn-thuyết bắt đầu và cũng kết-liệu như những lần trước, trong sự hoan-nguyên nhiệt liệt của thính giả.

Hai ông bà Pritchard ra về trên một chiếc xe ngựa.

Về tới nhà, bước vào phòng ngoài, bà thấy con nhỏ ở Mary còn thức, bà nựng bên má nó :

— Ta đã bảo con khỏi phải chờ cửa ; sao không đi ngủ cho rồi ?

Con nhỏ mới 16 tuổi từ nông thôn lên thành-thị giúp việc vặt

cho gia-đình Bác-sĩ. Đã hai tháng rồi, nó còn nguyên vẻ chất phác, thật thà và nhút nhát ; tánh tình hiền hậu của nó rất được lòng chủ.

Bác-sĩ Pritchard hôn lên trán vợ :

— Minh đi ngủ, nghe ! Và chúc mình ngủ mê thấy nhiều chuyện vui lành. Tôi còn phải làm việc vì một tờ báo xin tôi một bài khoa-học, tôi cần viết cho xong đêm nay.

Bác-sĩ bước qua văn phòng của ông, không quên nhìn trộm lại con nhỏ Mary ; vợ ông không để ý nên không thấy.

Dược sang một đời khác

Ông đi đi, lại lại hồi lâu trong phòng, về mặt suy-tư, một mỗi. Một cuốn Thánh-Kinh để ngổ trên bàn và mỗi khi mắt ông nhìn vào cuốn sách ấy thì diện mạo ông đổi khác, như có ý sợ-hãi, bối rối.

Ông tránh phòng làm việc, mở cửa bước qua phòng thí-nghiệm. Phòng này có cửa đi ra phía sau

nhà. Bác-sĩ mở cửa này, ra phố ; gió thổi lạnh làm cho ông lấy lại được nét mặt bình thản. Ông kéo cổ áo lên cho bớt lạnh rồi yên lặng đi trong vắng vẻ.

Đi một quãng, ông ngừng trước một căn nhà tối tăm đường gren-wood.

Bên trong nghe tiếng gõ cửa ; cánh cửa mở ra để lộ một người đàn ông đáng điệu bình dân :

— Chào Bác-sĩ ! Ông đi đêm hoài. Thôi, mời Bác-sĩ cứ vào.

Bác sĩ theo người đàn ông vào nhà trong. Anh này là một người cho vay " cắt cổ lấy lời " hạng người trong giới " xanh, xít, dít, dui ». Anh mời Bác-sĩ ngồi xuống cái ghế cũ kỹ và nói phủ đầu :

— Ông lại vay nữa sao ? Tôi nói cho ông biết là ông nợ quá nhiều rồi.

Bác-sĩ cố thuyết phục chủ nợ, cho y thấy những viễn ảnh lạc quan của ông khiến ông có thể sòng phẳng được.

Lúc sau ông ra về, cố nhiên đã vay được một số tiền không nhiều thì ít. Ông rào bước trên đường, bỗng có tiếng gọi :

— Anh ! Em ở gầy đây, mời anh tới chơi, sưởi cho ấm áp.

Người gọi là một thiếu nữ còn trẻ nhưng hơi gầy ốm có vẻ túng thiếu nên phải dẫn thân vào nghề « kiếm tiền »...

Một giờ sau, bác-sĩ Pritchard mới về nhà, mở khóa cửa sau bước vào phòng thí nghiệm rồi lên văn phòng. Cặp mắt ông để ý nhìn vào cuốn Thánh-kinh trước nhất, ông vội vàng bước lại gần cuốn sách, quỳ xuống cầu nguyện :

— Lạy Chúa xin cứu cho linh hồn con.

Vài hôm sau, trong bữa ăn sáng, bà Pritchard nhìn chông tở về buồn:

— Tôi thấy mình hồi này suy kém đi nhiều. Mình làm việc quá độ. Sáng nào mình cũng đi ra ngoài ô, khám bệnh sẵn sóc cho đám người thất nghiệp.

— Người thất nghiệp cũng có quyền sống như mọi người. Bác-sĩ mỉm cười đáp lời vợ.

Rồi hai ông bà qua phòng khách uống cà phê.

Con nhỏ Mary bưng cái khay lên, có hai ly cà-phê nóng hổi. Nhôn tuyền của nó đung phải

cặp mắt Bác-sĩ, khiến nó run run. Lúc này bà Pritchard qua phòng bên có chút việc ; Bác-sĩ bèn nhìn con ở 16 tuổi và dơ tay nựng cằm nó, an ủi nó cho nó bớt run. Ông đứng lên đặt vào trán nó một cái hôn. Bỗng một tiếng « Ô ! » phát lên nơi cửa phòng, bà Pritchard vừa bước chân vào, cất tiếng nói :

— Trời Đất ơi ! Ông... lộn xộn với cả một đứa nhỏ ?

Bác-sĩ lúng túng, tự biện minh :

— Mình sao đa nghi quá ! Tôi thấy nó run sợ, làm cho cà-phê tràn ra khỏi ly nên tôi hôn vào trán nó như cha hôn con !

Lúc này, con nhỏ Mary chạy tới bên bà chủ, rửa rửa nước mắt :

— Con xin bà cho con thôi việc. Con xin bà hãy đuổi con ra khỏi nhà này, con không dám ở đây nữa.

Bà chủ không hiểu sao, cho là con nhỏ sợ bị quở mắng vì cái hôn của ông chủ ; bà không muốn làm to chuyện và tin ở lời chồng, bèn bảo với con Mary :

— Thôi, con vào nhà trong đi,

đừng thắc-mắc về cái hôn của ông vừa rồi. Ông coi con cũng như con cháu trong nhà.

— Mary ngập ngừng một lúc như muốn nói thêm gì song lại quay đi, trở vào nhà trong. Nó muốn nói với bà chủ nó rằng cái hôn trên trán nó không có gì đáng kể nếu so sánh với các việc mà Bác-sĩ đã làm một tuần qua : Bác-sĩ đã vào chỗ nó ngủ mà hăm dọa nó, bắt buộc nó phải để cho ông làm chuyện đồi-bại. Bây giờ nó muốn kể lại hết với bà chủ nó nhưng sao lưỡi nó như cứng lại, không nói ra lời.

Hy-sinh đời người vợ

Bác-sĩ Pritchard trở về văn-phòng, đọc Kinh Thánh. Lúc sau vợ ông đến bên ông ; bà dùng lời dịu hiền hỏi chồng :

— Tại sao mình nói dối tôi ? Tôi tha lỗi cho mình một lần nữa đó !

Bác-sĩ đề ngón tay lên miệng như tỏ ý bảo vợ nói nhỏ thôi. Rồi ông đáp bằng một câu vắng tất :

— Thánh Job đã nói « Sự thèm muốn là tội thông thường của

loại người ».

Bà Pritchard xúc động quá mạnh về câu thú tội ấy ; bà xây xàm mặt mày. Chồng bà dìu bà ngồi xuống cái ghế « phô-tôi » rồi vào phòng thí nghiệm rót cho bà một ly thuốc an-thần, cầm ly cho vợ uống một cách âu yếm. Vợ ông có dè dặt chông đã cho uống thuốc độc lần đầu tiên : một thứ độc được rất nhẹ, không đến nỗi chết liền.

Buổi tối, bà Pritchard ói mửa, đau bụng, co quắp cả chân tay. Bà kêu con Mary và bà quản-gia tới sẵn sóc bà trong khi bác-sĩ còn đi coi bệnh cho một thân chủ. Khi ông trở về, ông vội vàng lo lắng cho vợ và cho vợ uống một ly thuốc nước nữa.

— Mình vững bụng, chỉ mai là hết đau.

Ông dìu vợ nằm xuống giường. Bà Pritchard nửa mê nửa tỉnh, thiem thiep trên giường. Chồng bà đã cho bà uống thuốc độc lần thứ nhì, đây là chất antimoine. Uống chút đỉnh và uống nhiều lần mới chết được. Bác-sĩ Pritchard cho vợ uống cách 2 ngày 1 lần, để cho bệnh khi tăng khi

giảm, nếu có kêu bác-sĩ đến khám bệnh cũng không thể tìm ra nguyên nhân.

Bác-sĩ trở về phòng ông, rót ly rượu mạnh uống rồi trầm ngâm đi qua đi lại trên tấm thảm, để khỏi nghe tiếng giày, ngoại trừ tiếng quả lắc đồng hồ phát ra đều đều như tiếng đập của trái tim. Ông thoáng nhìn vào cuốn Thánh-Kinh : Thiên-Thần và Ma Quỷ đang làm xáo-trộn tâm trí ông.

Bác-sĩ Pritchard ra khỏi văn-phòng lạnh chân như một tội-nhân muốn chạy trốn. Ông vào phòng rửa mặt, chải đầu, xúc dầu thơm rồi xuống phòng ngủ của con Mary. Con nhỏ thấy động, mở bừng mắt, không biết mình mơ hay tỉnh, sau nó thấy rõ Bác-sĩ ngồi bên nó, nó bèn nói với giọng run run :

— Thưa ông, không nên làm thế nữa.

— Em đừng sợ ! Em cứ nằm yên.

Những sự khêu-gợi dưới nếp áo mỏng của con nhỏ kích thích sự hồi xuân của vị Bác-sĩ tuổi

đã năm mươi. Lúc sau, con Mary thò dài, nói nhỏ :

— Thật là khờ, nếu cứ phải sống trong tội lỗi mãi.

— Em chớ lo ! Qua cũng không muốn sống mãi thế này. Qua sẽ cưới em.

— Thế còn bà thì sao ?

Bác-sĩ Pritchard dề dàu lên má con Mary ; một giọt lệ của ông lăn trên gò má nó và nó nghe một câu nói nhỏ thốt ra :

— Vợ qua sắp chết.

Bệnh-tình của bà Pritchard thuyên-giảm ngày mai lại gia-tăng hôm sau. Cứ như vậy, bệnh giảm rồi lại tăng, kéo dài trong một tuần.

Bà Taylor, mẹ vợ của bác-sĩ phải từ Edimbourg đến sẵn sóc cho con gái. Cả hai người, chàng rề và mẹ vợ, suốt ngày lo cho bệnh nhơn. Thuốc cho bệnh-nhơn uống, do chính tay bác-sĩ Pritchard pha trộn.

Mụ quản-gia không dám gây một tiếng động dề cho Bà Chủ ngủ an giấc.

Con ở Mary vững bụng vì lời hứa của ông chủ ; nó nhẹ gót đi lên lầu rồi xuống nhà dưới, vừa lo

vừa mừng khi nghĩ đến việc nó sắp « một bước lên bà ».

Còn bác-sĩ Pritchard không đi đêm nữa, ông phải ở nhà vì mẹ vợ ông có thể bất thần kêu đến ông khi bệnh nhơn trở bệnh. Số tiền cuối cùng mà ông đi vay lời mấy hôm trước đã tan ra thuốc men quần áo, sửa bánh, mà ông mua đem cho lén dân nghèo đau yếu ở ngoại-ô.

Ngày 24 tháng Hai, bà nhạc của ông bỗng thấy khác trong người, rồi xáng bệnh luôn. Ông mời một đồng nghiệp là bác sĩ Paterson ở gần nhà đến cho thuốc. Nhưng bác-sĩ Paterson tới khám bệnh hồi lâu, thấy có sự khả nghi, cau mày nói với bạn :

— Có lẽ bà nhạc của anh uống lộn thuốc. Hình như bà già trúng độc. Thôi anh sẵn sóc lấy.

Bác-sĩ Paterson ra về. Ông là một y-sĩ già, có kinh-nghiệm. Nhưng vô phúc cho hai mẹ con người bệnh, ông không muốn có chuyện lời thôi.

Vừa tiễn bạn đồng-nghiệp ra cửa, bác-sĩ Pritchard trở vào phòng coi mạch của ông, đã thấy ông Brown ngồi chờ. Ông này bấy

lâu là thân chủ quen thuộc. Bác-sĩ Pritchard săn sóc, cho cả gia đình ông ta mỗi khi có người đau ốm. Ông Brown rút trong túi ra một tấm ảnh :

— Tôi đem đến trả ông cái này.

Bác-sĩ vừa thoáng nhìn, thấy chính là ảnh mình. Thân chủ của ông xé nát tấm ảnh liệng xuống đất :

— Tôi đã bắt gặp chân dung ông trong túi áo con gái tôi.

— Có sao đâu ? Tôi thường cho bệnh nhân hình tôi để họ nhìn vào mà thêm tin tưởng, cho mau lành bệnh.

— Nếu vậy thì có sao. Đàng này tôi đã tra hỏi con gái tôi, nó thú tội hết rồi, ông khỏi bào chữa. Tôi sẽ là người «quảng cáo mạnh» cho ông.

Nói đến đây, ông Brown đứng lên ra về, đóng cửa một cái thật mạnh với vẻ giận dữ.

Hôm sau, bà Taylor, mẹ vợ của bác-sĩ, đã thở hơi cuối cùng. Gia đình bà xin được phép đem thi hài về Edimbourg an táng. Bác-sĩ Pritchard đưa nhạc-mẫu đến nơi an nghỉ cuối cùng với hai hàng nước mắt không ngừng rơi

trên gò má. Sau khi an táng, gia đình mở chúc-thư ra xem, rồi cho bác-sĩ hay rằng mẹ vợ ông để lại cho ông 2 phần 3 sản-nghiệp của bà nếu vợ ông chết trước ông. Bác-sĩ Pritchard ngạc nhiên, về sự rộng-rãi của bà nhạc mà ông không ngờ được đến thế. Ông khóc nức nở.

Trở về tỉnh Glasgow, ông bỗng nhiên hoạt động não-nhiệt trong 2 tuần lễ, như đề quên đi sự gì đó. Ông tiêu tiền không đếm kể.

Ngày ông tiêu xài cho các gia đình nghèo, đêm ông tiêu xài ở các xóm làng chơi.

Thân chủ của ông mỗi ngày mỗi vắng ở phòng bệnh. Người quen biết gặp ông ngoài đường, tìm cách lánh mặt để khỏi phải chào hỏi.

Sự hành phạt đau đớn mà bà Pritchard phải chịu đã chấm dứt vào đêm 17 rạng ngày 18 tháng Ba. Bác-sĩ Pritchard sau khi nhìn vợ từ từ nhắm mắt, liền chạy vào văn phòng mở cuốn Thánh kinh ra đọc. Ông đưa cặp mắt lên trần, đứng yên như trồng cả mấy tiếng đồng hồ, cho đến khi hai chân muốn sụm, ông mới ngồi

xuống ghế, lấy cuốn Nhật ký ra viết :

«Ngày 18 tháng Ba năm 1865... Jane, vợ yêu quý của tôi, — em Minnie của anh. — chết vào 1 giờ sáng, nét mặt bình thân, trang nghiêm như một đấng thiên thần. Jane được 38 tuổi. Chúa đã kêu Jane về, xin Chúa hãy đón lấy Jane. Ái-tình vĩnh-cửu của tôi đối với Jane sẽ cầu nguyện cho Jane mãi mãi ! Lạy Chúa ! Xin cứu vãn linh hồn con... »

Hai cái chết bí mật bị đổ bể

Chỉ vài ngày sau khi an-táng bà Pritchard, tòa án nhận được bức thư nặc danh tố cáo Bác-sĩ đã giết vợ. Nhà chức trách mở cuộc điều-tra, cho luật-y quật mồ khám nghiệm tử-thi người bạc mạng, thấy có nhiều chất antimoine trong cơ-thể. Tử-thi bà Taylor, nhạc mẫu của Bác-sĩ, cũng bị đưa vào phòng khám-nghiệm nữa : bà cũng bị đầu độc như con gái bà.

Cảnh-sát cuộc điều-tra nếp sống của bác-sĩ Pritchard, nghe nhiều nhân-chứng, mới hay có một số nữ

thân-chủ của ông đã bị « lợi dụng ». Ông rất tốt với dân nghèo, tận tụy săn sóc người bệnh túng bấn không lấy tiền thù lao mà còn cho họ tiền mua thuốc men nữa. Đến đêm, ông lại thành một kẻ hoang-dàng, sống cuộc đời bê-bối.



Bị bắt đưa ra tòa xử, bác-sĩ Pritchard không hề bối rối, điềm nhiên trả lời đúng một câu : « Tôi vô tội ». Ông chối hết những việc mà tòa buộc cho ông. Ở con người ông vẫn còn tác-phong uy-nghi, trang trọng của một người đã bước lên bước thang cao nhất của khoa-học. Không ai dám nói rằng bàn tay ông đã lạnh lùng nhúng vào hai vụ đầu độc tàn-ác. Ấy là chưa kể 3 vụ khác ông bị tình nghi là thủ phạm song thiếu bằng chứng nên tòa án không khép tội ông : Vụ một người đầy tớ gái trẻ tuổi chết cháy trong một căn phòng của ông mà hàng bảo hiem suy-đoán là do ông gây lên để đòi tiền bồi thường,

— một vụ cô gái điếm bị bóp cổ chết và một vụ phá thai...

Tòa án mất 4 ngày hỏi cung mà không tìm ra động-lực đã thúc đẩy bị can giết vợ và mẹ vợ. Không phải vì bác-sĩ Pritchard muốn lấy con ở Mary làm vợ vì sau khi vợ chết, ông không cần giữ lời hứa với con nhỏ trong đêm ân ái trộm vụng. Việc đầu độc nhạc mẫu lại càng khó hiểu hơn nữa. Không phải vì tiền, không phải vì gia tài mà Bác-sĩ Pritchard gây lên tội ác, mẹ vợ ông rất rộng rãi với ông, không tiếc tiền bạc mỗi khi ông túng thiếu. Tòa án cũng không thể đề quyết bị can có chứng điên vì bị can vẫn đủ năng khiếu sáng suốt.

Đến ngày thứ năm, bí-mật vẫn hoàn toàn là bí mật ở con người Pritchard trong đó « ông Thiện », « ông Ác » đã luân phiên chi phối

ông : một cuộc đụng chạm giữa hai bản năng, giữa Thiên-Thần và Ác quỷ.

Khi tòa tuyên án tử hình, bị can vẫn thản nhiên, cúi đầu chào các vị thẩm phán như một người lịch-sự chào gia chủ khi rời phòng khách ra về.

Ngày 23 tháng 7, tử tội Pritchard bị xử giáo tại Glasgow sau khi đã dành mấy ngày cuối cùng để đọc kinh. Cả trăm ngàn người kéo đến xem vụ xử tử. Bác sĩ Pritchard coi như không có gì, như một chuyến ra đi, và nói với những người đưa ông ra nơi hành quyết :

«Thánh Kinh đã nói : con người sẽ chết vào giờ mà mình không biết trước được. Tôi là một người được ân-huệ vì tôi biết trước giờ chết của tôi.»



● **Nhút nhút bất niệm thiện chur ác giai tự khí.**

(Ý nói một ngày mà không nghĩ đến việc lành, thì mọi điều ác phải tự đến...)

TRANG-TỬ

Phần mộ tổ tiên

LÊ-VƯƠNG và

NGUYỄN-VƯƠNG nước ta

ở bên Tàu chăng ?

* Bà ÁI-LAN

Lỗi văn bút ký là một lối viết chuyện thực tế, có thật những điều xảy ra và quang-cảnh thực sự mà tác-giả đã trải qua, ghi nhận, chớ không phải chuyện tiêu thụ, do óc tưởng tượng.

Trong những các loại sách của nước Tàu từ đời trước lưu-truyền, thì lối văn bút ký rất là đặc sắc. Phần nhiều những tay danh sĩ ẩn dật hoặc hưu-quan ẩn sĩ qui-diễn, ghi chép lại những kiến-văn của thời-đại mình, quan hệ về chính-sự, về phong tục, về văn-hóa, tuy

theo sự nghe thấy của mình. Do đó, lối ký-sự có khi ghi lại vài hàng sự việc gì đó mà tác-giả nghe thấy, có giá-trị lịch-sử và nó cũng đánh dấu một giai - đoạn lịch sử, rất cần cho những nhà nghiên-cứu.

Trong quyển « Hồng-Lô quán bút-ký », tác giả là ai không ghi rõ, chỉ đề biệt hiệu là Sắc-Nông, nhưng xem kỹ thì biết rằng tác-giả ở cuối đời Mãn-Thanh, có đoạn nói về phần mộ tổ tiên của hai nhà vua Lê và Nguyễn nước ta hiện còn nằm tại nước Trung-hoa.

Tác giả « Hồng-Lô quán bút ký » viết :

— « Mấy trăm năm gần đây, những họ phát tích làm vua nước Nam, xét ra, tổ tiên đều ở Trung-quốc. Thấy trong sử sách hai đời Minh, Thanh, như họ Trần, họ Mạc, họ Lê, họ Nguyễn, tổ tiên đều là người ở vùng Việt-Quế (tức Quảng-đông, Quảng-tây).

Họ Trần quê quán ở châu, nay không thể khảo được, về họ Mạc thì tương truyền là người ở Đông-quán, tỉnh Quảng-đông; nhưng điều ấy, tôi chưa tìm xét được phân minh không dám nói quyết.

Đến như họ Lê thì thật là người ở Tân-hội. Phần mộ tổ tiên hiện nay vẫn còn ở khoảng giao-giới hai huyện Tân-hội và Lạc-sơn. Người ta vẫn gọi ngôi mộ ấy là *Lê vương phần*, lại có tên nữa là *Phụng hoàng tâm*, song tôi không hiểu vì sao có cái tên ấy ?

Tôi có người anh họ rất thích cảnh đẹp núi sông, lại tinh nghề địa-lý. Hai anh

em chúng tôi rủ nhau đi tìm đất lành để táng lại ngôi mộ tiên nhân; cho nên thường hay xông pha bốn bể, hết núi này qua núi khác. Có hôm nhân tiện đường lối, đến xem *Lê vương phần*.

Tôi không biết gì về thuật phong thủy, cho nên đứng trước một ngôi mộ đất, chỉ như ngảnh mặt vào tường, có hiểu thế nào là phát, là không, là tốt, là xấu. Không cứ trèo lên núi mà nhìn cảnh trí *Lê Vương phần* thì hình thế chừng chạc lạ lùng, nếu chẳng phải dui cả hai mắt, thiết tưởng ai trông cũng biết ngay là kiêu đất tốt đẹp.

Khu ấy tôi đếm có chín ngọn núi nằm ngang, ngôi mộ nằm vào ngọn núi thứ năm, nghĩa là chính giữa. Hình trạng năm ngọn núi trông thực xứng đối nhau.

Anh họ tôi nói : — Đây là bức màn *Cửu nảo Phủ Dung*. Quả núi táng mộ và mấy quả núi kèm hai bên tả hữu, kiêu đất như thế, nhà địa lý gọi là *Lộc truyền thể* đấy. Ngoài lại có bốn

quả núi khác bao bọc quanh trông xa ra cửa bể mặt nước mênh mông, chẳng khác gì một cái hồ gương bày ở trước mặt. Kiêu đất qui và đẹp là vì thế.

Có điều ngôi mộ này táng cụ tổ đời thứ mấy của *Lê vương* thì không được rõ. Chỉ biết rằng táng vào đời nhà Nguyễn, chính vị quốc sư của vua Nguyễn lúc bấy giờ chọn đất và diêm huyệt. Và lại, cụ tổ ấy là một vị công thần triều Nguyễn, cho nên khi mất, vua Nguyễn ban cho con cháu tiền bạc làm lễ tống táng. Những việc đó, trong tấm bia đá dựng trước ngôi mộ ghi chép rõ ràng.

Đến cuối đời Minh, một người cháu chắt ông cụ ấy phát tích làm vua nước Việt Nam, dựng lên triều Lê.

Vì thế, thổ dân ở gần ngôi mộ gọi là *Lê vương phần*. Từ hồi an táng đến đây cách nhau chừng 200 năm.

Theo như tác giả « Hồng-Lô-quán bút-ký » thì đây là ngôi mộ cụ tổ của vua Lê-Lợi, vua sáng nghiệp nhà Lê nước ta vậy. Tổ tiên Ngài

vốn là người ở Quảng-đông, làm quan to, ở triều nhà Nguyễn nước Tàu, về sau con cháu di-cư sang nước Nam ta, vỡ đất cấy ruộng ở vùng Lam-Sơn, lâu dần hóa ra người Việt-Nam. Đến đời Ngài, như thấy quân Minh cai trị tàn nhẫn, bèn nổi lên chống lại nhà Minh, cứu nước và dựng nên đế nghiệp.

Sau đây tác-giả kể chuyện đi xem *Nguyễn vương phần* mà các nhà địa lý đều khen là đẹp :

— « Năm ấy giữa mùa rét, tôi với người bạn là Trần-quân lần mò đi xem *Nguyễn vương phần*. Công phu trèo non lặn suối rất khổ, tý nữa ông bạn chết vì giá lạnh, nếu như không nhờ thổ-dân biết cách cứu-cấp.

Nguyễn vương phần ở giữa núi non trùng-trùng điệp điệp, từ ngoài đi vào hơn nửa ngày mới đến nơi. Chỗ này chính là phân giới hai tỉnh Quế, Việt ở phía tây Sầm-Khê.

Ngôi mộ để giữa một tòa núi cao chót vót, trên mặt là một đám bình nguyên róc chừng mười mẫu, cỏ mọc xanh rờn, xem quanh

như không có ai đến dọn dẹp tảo mộ đã lâu ngày ; nhưng chính mộ thì vẫn nguyên lành, sạch-sẽ, tựa như mới có bàn tay nào sửa sang vậy.

Thổ dân nói : — Họ Nguyễn trước kia sinh tu bên cạnh núi này, song từ ngày Nguyễn-vương lập nên đại-nghiệp ở nước Việt-Nam, thì cả họ hàng còn lại ở đây gồm chừng vài ba chục nhà, cùng đem hết gia quyến sang nước Nam. Vì thế, mấy chục năm nay không có xóm họ Nguyễn nữa. Và cũng vì thế, phần mộ cụ tổ bấy lâu bỏ hoang, không có người nào lo việc khói nhang tế lễ.

Lên cao dòm xem, hình thế thật là hùng vĩ. Nhà địa lý chuyên môn bảo là kiểu đất *Đảo-ky long-hỏa*, vì sơn mạch phía trước, trông như con rồng uốn khúc và châu mặt về mộ. Hơn mười quả núi trập-trùng đều có bình chữ *Kim*, càng xa lại càng cao lớn mà cùng châu về núi này tất cả. Nơi táng ngôi mộ, đã hóa làm đất bằng. Lại nhất là quả núi nằm sau ngôi mộ, thành hình như chữ *ban* viết theo lối cổ,

nét nào rõ nét ấy, thoáng nhìn thấy ngay.

« Chúng tôi ngắm nghĩa thỏa thích rồi đưa nhau vào nhà một thổ dân ở dưới chân núi để nghỉ ngơi. Trong nhà có ông cụ ngoài 80 tuổi, nói chuyện Nguyễn - vương - phần với chúng tôi :

— Núi này lạ lắm, các ông ạ! Từ hồi lão còn bé, sáng nào và lúc hoàng-hôn cũng trông thấy một luồng bạch khí từ trong ngôi mộ bay lên, cao hai ba chục trượng. Đến sau lớn tuổi, mỗi ngày ra đồng làm ruộng, sớm đi tối về, trông lên vẫn thấy như thế mãi. Cho đến đầu triều Quang-tự Tô-Nguyên-Xuân làm đề-đốc Quảng-tây, có hôm đi kiệu lên núi xem mộ, đào đất chôn xuống một vật gì không biết, từ đấy về sau không thấy đạo bạch khí bay lên như mọi khi nữa... »

Đó là chuyện Lê vương phần, Nguyễn vương phần mà ông Quán-chi đã đọc thấy trong quyển « Hồng Lô quán bút ký » của một tác giả người Trung-hoa ngày xưa còn lưu lại đã viết vào một sổ « Trung-Bắc chúa nhật » vào năm 1943. ●●

130 NĂM TRƯỚC VÀO ĐỜI VUA

MINH MANG

TỔNG - THỐNG

HOA KỶ

đã hai lần sai Sứ - thần
sang Việt - Nam

... Đó là thời kỳ Tổng - Thống Jackson (Hiệp Chúng Quốc—Huê-Kỳ), vào khoảng 1832, 1834 đã có gửi quốc thư sai sứ thần sang V.N. yêu cầu được giao thương. Nhưng, vua quan ta quyết lòng cự tuyệt vì cho rằng, ngoại quốc là những người manh tâm tra xâm chiếm đất người.

(Theo Đại Nam thực lục chính biên)

CÁCH đây hơn 130 năm, vào đời vua Minh-Mạng thứ XIII, tức là khoảng năm 1832—1834 — cũng đúng thời kỳ Ô. Jackson làm Tổng-Thống Hiệp-Chúng-Quốc (Huê-kỳ), nước Việt Nam đã hân hạnh hai lần tiếp rước sứ thần người Mỹ..

Lần thứ nhất, trên chiếc tàu Peacock chở vị võ-quan tên là Roberts cập bến Vũng Lân (Phú Yên), xin yết kiến triều đình dâng quốc thư yêu cầu giao hảo. Mục đích này, lúc bấy giờ người Mỹ vì muốn cạnh tranh với các cường quốc Âu-Châu, mở rộng thương-trường để trao đổi hàng hóa cùng các nhượng quyền miền Đông Nam Á. Do đó, chánh sứ Roberts đã được Tổng-Thống Jackson ủy-nhiệm toàn quyền ký-kết thỏa ước, hầu nối sợi dây thân hữu mở

đường qua lại buôn bán tự do với các nước v.v...

Một sự nghi ngờ

Vua Minh-Mạng hay tin này, mới cử 2 ông Nguyễn-tri-Phương và Lý Văn Phức đi thuyền vào Phú Yên mở cuộc tiếp tân Chánh-sứ Roberts. Đến nơi hai đảng gặp nhau (lẽ dĩ nhiên, nếu không có thông-ngôn thì chắc là các quan đại thần ta đối đáp bằng tiếng ngoại quốc, hoặc giả hỏi ấy, có người Mỹ biết nói tiếng Việt). Nhị vị đại-thần của triều đình vâng lệnh ý vua Minh-Mạng, đã cho người Mỹ biết đại loại về luật lệ: « Phàm những tàu bè nước ngoài, muốn cập bến thì chỉ được cập bến cửa Hàn (tức Tourane — Đà-Nẵng) và cấm không được lên bờ nhà buôn trên thành phố. »

Riêng về bức quốc thư của Tổng-Thống Jackson, được đem ra phiên-dịch, thì theo các quan đại thần bấy giờ cho rằng, trong đó toàn là những lời lẽ phạm thượng, thiếu vẻ tôn kính... nên không thể nhận để dâng lên đức vua. Hai vị đại-thần còn căn dặn Ô. Roberts thêm: « nếu kỳ sau Sứ đến hãy ghé cửa Hàn, chớ dừng cập bến Vũng Lân, vì có hợp lệ như vậy, triều đình mới chấp nhận ».

Cũng viên chánh sứ Roberts nhưng lần này tàu Peacock cập bến cửa Hàn (Đà Nẵng) đúng như lời dặn của hai quan đại thần triều đình ngày trước.



Việc ngăn cấm có tánh cách đề phòng, hạn chế bởi lẽ vua quan ta rất đề lòng nghi kỵ người ngoại quốc, nhất là các nước Tây phương manh tâm mượn cơ xâm nhập, hầu để bề thôn tính cũng nên. Và lại, vua Minh Mạng hồi này có một chánh sách gắt gao đối với đạo Thiên chúa! Vì lẽ đó, vua quan ta không lấy làm hài lòng đối với việc có mặt sứ thần người Mỹ, cho dầu biết hành động như thế là thiếu lịch sự! ?

Hội Kiến Lân Hai

Thế là viên chánh sứ Roberts thò neo cho tàu tách bến. Mãi đến bốn năm năm sau mới trở lại.

Được tin, vua Minh Mạng họp đình thần văn võ bàn bạc không kém quan trọng. Sau đó đức vua tiễn cử hai vị thượng quan khác là Lê-bá-Tú và Đào-trí-Phú vào vùng Sơn-Trà mở cuộc gặp gỡ đàm đạo. Việc hết sức bất ngờ là đúng lúc ông Roberts chánh sứ Hoa-Kỳ lâm trọng bệnh, nên đã nhờ viên thuyền-trưởng thay thế mình nói chuyện về vấn-đề giao-hảo bán buôn. Thấy vậy, hai vị đại thần triều đình không bằng lòng mới hẹn sáng hôm sau tái ngộ.

Tương sự hẹn hò chắc chắn, rạng nhụt 2 vị thượng quan xuống bến thì tàu của chánh-sứ Roberts mất dạng. Về triều, tự sự tâu lên

đức vua Minh-Mạng, 2 vị thượng quan còn nói rằng: « Người Mỹ không biết lễ nghĩa, chọt đến chọt đi ! » Dịp này, đã làm cái bìa cho những ông quan to của triều đình nhằm vào: « Ấn Độ, Mã-Lai sợ dĩ mất nước là vì chấp nhận việc giao thương giữa ngoại quốc. Ví như nước Tàu xưa, chỉ vì chịu hòa hảo với các xứ Tây-Vực nên bị họ xâm lấn hết đời này sang đời khác. »

Ngần ấy, đánh trúng vào thâm ý của đức vua, sẵn lòng ghét người

ngoại quốc, Minh-Mạng bắt cả, chấn chỉnh lại giềng mối ngoại giao mở đường văn minh tiến bộ...

Sự thật, thì vị chánh sứ Roberts thọ bệnh nặng khi chiếc tàu Peacock cập bến Áo môn thì ít ngày sau, ông từ-trần. Cho đến khi triều đình ta được báo tin buồn (!) đầu sao thì chuyện cũng đã rồi. Nhưng, cũng bắt đầu từ đó người Mỹ không còn đề ý tới nước Việt-Nam mà chỉ giao thiệp với các nước Tàu, Cao Ly và Nhật Bản...

HỖ TÍN

Nhân dịp lễ thành hôn của Cô Phan-thị-Mai, 230/2 Ấp Tây I trại Định Cư Phú Nhuận, với cậu Nguyễn-văn-Lê, Biên-Hòa, chúng tôi thành thật chúc tân Giat-nhân và lân-lang được loan phụng hòa minh, sắt cầm hảo hiệp.

Bà NGUYỄN-THỊ-QUÍT
LÊ-VĂN-BAI — MINH, HƯƠNG

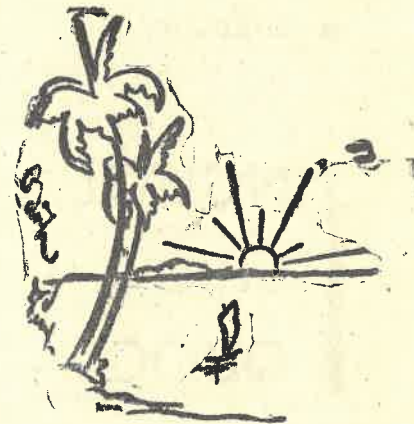


GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM THỜI AN-LỘC

thơ sồng

* TUYẾT-ĐÀO

(Qui-nhon)



Lúc anh còn nằm trong nôi.
Thì anh chỉ biết khóc.
Khóc cho đời mình, cho Nhân-loại.
Khi tiếng cười đến với anh.
Khuôn mặt không còn vết dấu tuổi thơ.
Anh đã quên tiếng khóc ban đầu.
Anh cười vì thấy đời là đẹp.
Anh lớn lên
Đau buồn dè nén.
Anh không khóc
Anh cũng không cười
Bây giờ anh là già cõi
Không còn tiếng khóc dề mà khóc
Không còn tiếng cười dề mà cười
Nhưng anh còn yêu đất nước,
Và còn yêu em.

NGƯỜI
CHIẾN
QUỐC.

TRIỆU
QUÁT

TRIỆU-QUÁT là con Triệu Xa, một danh Tướng của nước Triệu đã đánh thắng quân Tần và được phong chức Mã phục Quân, vị thứ cũng đồng hạng với Liêm Pha và Lạn tương Như.

Triệu Quát từ buổi ấu thơ đã học binh pháp, lục thao, tam lược và những sách gia truyền đều đọc hết. Quát thường ngồi bàn luận binh

pháp với cha, chỉ trời, rẽ đất, tưởng là trong thiên hạ không ai rành hơn. Triệu Xa chỉ ngồi lắng thính, không vấn nạn một lời gì hết. Bà mẹ mừng thầm nói rằng: « Có người còn tài giỏi thế này thiệt là tướng môn xuất chúng. »

Triệu Xa có ý không vui bèn nói: « Triệu Quát không thể nào làm tướng được. »

Vợ hỏi tại sao thì ông nói: « Vì nó có tánh tự-thị tài mình, thiên hạ không người hơn nó. Việc binh là việc nguy-hiểm, thất cơ thì chết dễ như chơi. Phải có lòng lo-sợ, bàn định mưu-kế với mọi người mà còn chưa khỏi lo. Sao mà thằng Quát nói dễ như vậy được. Một mai được binh - quyền cũng quen thói tự-thị, những lời nói phải không biết nghe thì làm việc sao được? » Bà bèn thuật mấy lời đó lại cho Triệu-Quát nghe thì Quát nói: « Vì cha tôi đã già nên sanh tánh nhát nhúa mới nói như vậy. »

Cách hai năm sau Triệu-Xa làm binh biết mình sẽ chết nên kêu Triệu-Quát tới bên mà nói: « Việc binh nguy hiểm, người xưa còn lấy làm lo. Như cha đây làm tướng đã nhiều năm, bây giờ mới khỏi sự khốn nhục, chết cũng yên tâm. Còn mày chưa đủ tư-cách làm tướng,

nhứt thiết không được lãnh chức phận ấy mà tự-phá gia-môn. »

Ông còn kêu phu-nhân lại mà trời rằng: « Ngày sau vua có đòi Triệu-Quát cho làm tướng thì nên thuật mấy lời tôi dặn lại mà từ đi kéo nó sẽ làm nhục nước, thua quân mà mang vạ. »

Nói rồi ông liền tắt hơi. Vua Triệu nhớ tới công lao của Triệu-Xa bèn cho Triệu-Quát nối chức cha là Mã-phục-Quân,

Vua Tần xua quân đánh nước Hàn. Vua Triệu sai Liêm-Pha cứu Hàn chống với quân Tần, Tướng Tần là Vương-Hạt đối-chiến với quân Triệu hơn 4 tháng liệu đánh không thắng đành nên phải gởi sớ về triều báo-cáo tình-hình quân-sự cho Tần-Vương. Theo kế của Tướng - Quốc Phạm-Thơ vua Tần cho người đem một ngàn nén vàng lo

lót với tá-hữu vua Triệu phao tin lên rằng Liêm-Pha đã già và lại nhất không thể đối phó được với quân Tần và quân Tần chỉ sợ có một người là Mã Phục Quân. Nay Mã phục Quân đã chết nhưng con Mã phục Quân là Triệu Quát lại có phần giỏi hơn cha.

Vua Triệu nghe được dư luận như thế bèn đòi Triệu Quát tới và hỏi có dám lãnh tướng ấn thay thế cho Liêm Pha mà chống cự với quân Tần không. Triệu Quát nói rằng tướng Tần chỉ có Võ-an-Quân Bạch Khởi là người giỏi nhưng Quát cũng đủ sức đối phó còn Vương Hạp cũng nhất như Liêm Pha, chàng không kể số gì. Vua Triệu đẹp ý liền phong cho Triệu Quát làm thượng tướng, khiến cầm mao tiết qua thay chức Liêm Pha, lại cấp thêm cho hai vạn quân và vàng lụa vô số. Triệu Quát lãnh mạng dượt

quân rồi đem xe chở vàng lụa về nhà bái yết mẹ. Bà mẹ nói : « Trước cha mày gần làm chung có di chúc răn mày chớ làm tướng sao hôm nay mày không từ đi ? » Triệu Quát nói : « Thưa mẹ, con cũng muốn từ, hiềm vì trong triều không có ai giỏi hơn con nữa. »

Bà mẹ mới dâng thư can vua chớ cho Triệu Quát làm tướng. Vua Triệu hỏi vì lẽ gì thì bà lão tâu rằng : « Trước phu quân tôi làm tướng, Đại Vương ban thưởng bao nhiêu đều đem phân phát cho quân lính hết. Ngày thọ mạng thì nằm nghỉ trong quân, không hỏi gì tới gia sự, cùng quân lính đồng cam cộng khổ, tới việc thì hỏi ý kiến mọi người chứ không dám tự quyết. Bây giờ con tôi là Triệu Quát mới lên làm tướng đã trở mặt về hướng Đông, quân sĩ không ai dám ngược lên mà ngó, đặng vàng lụa bao nhiêu đều đem về

nhà riêng. Cách thức làm tướng không phải như vậy. Xin Đại Vương lựa người khác còn thẳng Triệu Quát thì chớ nên dùng. »

Nhà vua không chấp nhận lời yêu cầu của bà lão và nhất định giữ Triệu Quát làm tướng. Mẹ Triệu Quát tâu thêm : « Đại Vương không nghe lời thiếp vì đâu có đánh thua đi nữa, xin chớ bắt nhà thiếp phải chịu tội liên can. » Vua Triệu chấp nhận lời xin và Triệu Quát kéo binh ra tiền tuyến.

Liêm Pha xem rõ phù tiết mạng vua lập tức giao binh quyền cho Triệu Quát, chỉ đem một trăm thân quân trở về Hàm-Đan. Triệu Quát liền đổi hết pháp lệnh của Liêm Pha và chuẩn bị tấn công quân Tần.

Bạch Khởi đã ở trong quân Tần nhưng ra lính phải giữ kín việc đó để cho Triệu

Quát yên trí rằng đối phương không có người đối thủ nên lại càng chủ quan khinh địch để sẽ rước lấy thất bại về sau.

Bạch Khởi cho ba ngàn quân ra khiêu - chiến. Triệu-Quát cho một vạn quân ra cự-dịch và quân Tần cả thua. Triệu-Quát thẳng đặng trận đó lấy làm đắc-chí vô-cùng và càng hiêu-hiệu tự-đắc. Chàng hạ chiến-thơ. Vương-Hạp phẩy vào thơ hẹn ngày mai quyết - chiến nhưng đồng thời cũng truyền lui quân 10 dặm. Triệu-Quát cho rằng quân Tần sợ nên lui càng tự-phụ nhiều hơn nữa, cho tướng-sĩ ăn uống no say để ngày mai sẽ bắt sống Vương-Hạp. Bạch-Khởi cất dật tướng-lãnh đem quân ra đàn trận, thay phiên nhau đánh với quân Triệu, nhưng nên thua chứ không nên ăn để dụ cho quân Triệu tiến lần đến chỗ có đại binh của

Tần. Đồng thời Bạch-Khởi còn cho một cánh quân đi tắt vòng ra sau quân Triệu để tuyệt đường lương hướng.

Quân Triệu càng tiến tới càng bị hãm vào vòng vây của quân Tần. Triệu Quát gặp một tướng Tần liền bị tướng đó gọi mà bảo rằng: « Triệu Quát mi đã mắc mưu Võ-an-Quân ta rồi, sao không xuống ngựa hàng đầu cho sớm. » Triệu Quát chưa tin nhưng cũng đã chột dạ. Nhưng thấy thế trận càng ngày càng thất lợi, thấy đối phương càng ngày càng siết chặt vòng vây, lại thấy quân Tần hô lớn nói Võ-an-Quân kêu tên Triệu Quát ra hàng thì hoảng sợ và đã mất hết tinh thần.

Triệu Quát bị vây 46 ngày, trong quân hết lương; quân lính đói quá giết nhau mà ăn thịt, không ai còn có thể ngăn cấm được.

Triệu Quát bèn lựa 5000 quân tinh nhuệ cho

mặc giáp sắt, cưỡi ngựa hay. Triệu Quát cầm giáo đi đầu có những viên dũng tướng theo sau bảo hộ. Gặp tướng Tần, Triệu Quát ráng sức đánh ba hiệp, song đánh không lại, muốn chạy trở lui, rồi bị ngựa què chon nên té ngựa mà chết.

Bạch-Khởi dựng cờ chiêu hàng, khiến người bêu đầu Triệu-Quát lên làm hiệu lệnh. Quân lính còn hai mươi vạn, nghe chủ soái bị giết đều xin hàng.

Bạch-Khởi chia hàng binh ra làm 10 Dinh, khiến 10 vị tướng quản-suất, cũng in như mười vạn quân Tần, đều đãi cho rượu thịt, phao tin hăng ngày mai Võ-an-quân sẽ lựa lọc quân Triệu, hễ người nào tinh nhuệ sẽ cấp khí-giới đem về Tần, còn người nào già yếu không kham đều cho trở về Triệu.

Đêm ấy Võ-an-Quân truyền mật lệnh với 10 vị tướng lãnh, hễ người nào thuộc về quân Tần thì phải lấy một tấm vải trắng bao trên đầu, còn để đầu trần tức là quân Triệu thì nên giết hết.

Lệnh đó được thi-hành triệt-để và nội trong một đêm quân Tần đã giết hết bốn vạn quân Triệu, máu chảy đầy sông Dương-cốc.

Võ-an-Quân cho thâu hết đầu lâu quân Triệu, chất đầy một đống gọi là núi đầu lâu, rồi khiến lập một cái đài ở đó để kỷ-niệm chiến-công của mình.

Đời sau vua Thái-Tôn nhà Đường đi tới đó bèn khiến Cao-Tăng Tam-Tạng thiết đàn bảy ngày bảy đêm để cầu siêu cho vong-hồn của số tử-sĩ chết oan vì sự ngông-cường của một tên tướng bất tài. Hang đó gọi là hang « Tỉnh-oan. »

Tính ra trận đánh ở Trường-Bình, quân Tần đã chém đầu địch cộng số là bốn mươi lăm vạn người. Và quân về hàng cũng đều bị giết hết, chỉ còn lại hai trăm bốn mươi người còn nhỏ nên không giết, đuổi về Hàm-Đan để tuyên-dương oai-võ của nước Tần.

Vua Triệu nghe tin thắng của Triệu Quát gởi về chưa kịp mừng thì liền có những tin thất trận dồn dập về tới. Ông cả sợ, các quan ai cũng thất kinh. Còn trong nước thì con khóc cha, cha khóc con, anh khóc em, em khóc anh, ông khóc cháu, vợ khóc chồng, lối chợ, dọc đường đi tới đâu cũng nghe tiếng sầu, giọng thảm. Chỉ có mẹ Triệu Quát là không khóc. Có kẻ thấy vậy hỏi rằng: « Ai ai cũng đều khóc. Sao bà không khóc? » Bà nói: « Từ ngày thắng con tôi ra làm tướng, tôi kể như nó đã chết rồi. »

Vua Triệu nhờ lời nói trước nên không bắt tội bà và lại còn thưởng thêm tiền bạc và lúa gạo.

Ta phải nhìn nhận rằng Triệu Quát quả là con nhà tướng, có thiên tư và được hun đúc trong hoàn cảnh của gia đình nên ngay từ hồi thơ-ấu đã lâu thông binh-pháp và có chí lớn muốn làm tướng như cha, căm muốn vạn hùng binh để lập-công trên chiến-địa.

Nhưng có chỗ khác là trước khi được làm Mã-Phục quân Triệu-Xa đã từ dưới đi lên, trải qua nhiều cấp bậc, đã được người chỉ-huy trước khi chỉ-huy lại người khác, đã đụng-chạm với thực-tế và đã được, thực-tế dạy khôn cho mình và làm sáng tỏ những điều gì mình đã học được ở sách.

Hơn nữa, ông đã học được ở bạn bè, ở những người trên trước và học với

cả những người dưới tay mình. Ông thấy rằng thông-minh của ông cần phải được sự thông minh của người khác đóng góp vào thì họa may mới tránh khỏi được những sai-lầm và khuyết điểm. Hơn nữa, chiến-tranh là một chuyện nguy-hiểm chẳng những có thể tổn thương tới tánh mạng và danh tiếng của mình mà còn làm tổn thương đến sanh mạng của bao nhiêu người đặt dưới quyền điều khiển của mình. Và lại nếu sơ thất chẳng những hao binh, tổn tướng mà lại còn nhục nước, hại dân.

Ông kỹ lưỡng nghiêm cẩn như vậy mà một khi thấy con ông coi chuyện giặc giã như một trò chơi và thảo luận về chiến lược, chiến thuật một cách quá u háo hứng, cho rằng mình đã có đầy đủ tư cách của một kẻ làm tướng, không cần học

ai, không cần hỏi ai và nhất định là mình sẽ thắng.

Như thế là chủ quan, và đã chủ quan thì thường khinh địch. Mà quân địch lại mưu lược hơn mình, tài giỏi hơn mình thì làm sao mà thắng được?

Bạch Khởi đã cho Triệu Quát những bài học đích đáng nhưng Triệu Quát đâu còn sống mà lãnh hội những bài học đó.

Triệu Quát chết là đáng ảm nhưng Triệu Quát đã làm chết hàng mấy chục vạn người để tạo nên hàng Tỉnh-oan còn lưu lại trong lịch-sử.

Mà chiến-tranh không phải chỉ được giải quyết ở chiến-trường. Sau những thất-bại nặng-nề đó còn biết bao nhiêu người khổ lay, cha khóc con, vợ khóc chồng, anh khóc em như đã nói ở trên. Ngoài ra nước Triệu đương hùng-cường bỗng suy yếu và phải chịu

những điều-kiện gắt gao của kẻ thắng trận là nước Tần.

Một ông Tướng chỉ thất bại ở chiến trường mà còn tai-hại như thế. Nếu ông lại kiêm cả chánh-sự trong nước mà ông cũng tự-phụ, cũng làm toàn, cũng huênh hoang tự-dắc như Triệu Quát thì cái tai-hại còn tới đâu.

Ta càng bất-bình vì tác phong và thái-độ của Triệu Quát ta càng phục ông cha và bà mẹ của chàng. Cha như thế, mẹ như thế mà lỡ có đứa con như thế thật là một điều bất hạnh. Mẹ chàng không khóc nhưng chính bà ta mới là người khổ-tâm hơn hết trong số những người đau khổ do Triệu Quát gây nên.

Bài học Triệu-Quát cũng cần cho người đời nay suy-nghiệm, nhất là những ông tướng cầm quân và những người làm chánh-trị.

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ GIỚI

□ TÍN-KHANH

Phi Châu. — Không có bệnh lao, không đời nào có nước Rhodésie

Vào thế kỷ XIX, một sinh viên Chủng viện tên Cecil Rhodes, 16 tuổi, mắc phải bệnh ho lao, được đưa về Nam-phi-châu để thay đổi khí hậu. Bốn năm sau, cậu Rhodes khỏi bệnh. Nhận thấy vùng này có nhiều kim cương, chàng ta bắt đầu khảo sát các mỏ kim cương tại Kimberley và Bloomfontain.

Công việc càng phát đạt. Rhodes mở rộng phạm vi khai thác và các đất đai lân cận rồi cuối cùng lập thành một quốc gia ở trung điểm Nam-phi. Vô cùng trù phú, rồi lấy tên mình đặt tên là Rhodésie. Rhodes qua đời năm 1902. Mộ ông ở Matoppo ở trung bộ nước Rhodésie.

Rhodésie, một quốc gia mà các cuộc khủng hoảng này lựa đang

làm rối óc các cường quốc, ra đời chỉ do một sự ngẫu nhiên.

● Trung Cộng. — Nhân đạo

Một phạm nhân chính trị nọ vừa được Trung cộng ân xá. Thiên hạ phỏng vấn lung tung về chế độ lao tù, anh ta lắc đầu :

— Không có gì đáng phàn nàn lắm.

Rồi anh nói tiếp :

— Bọn lính canh hôm nào cũng đưa bánh vào cho tôi... Chúng cắt ra từng dĩa rồi dút qua lỗ khóa cho tôi mỗi ngày vài bần.

* Đàn bà Pháp và sáp môi

Trong 100 đàn bà Pháp chỉ 58% đánh sáp môi thôi. Những tháng bán sáp môi đặc nhất là

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH

tháng năm, sáu, bảy và tám.

● LHQ : Xây cất nhà cho dân chúng

Theo thống kê của cơ quan Liên hiệp quốc, Ủy ban kinh tế phụ trách về châu Âu, thì trong năm 1964, Âu châu đã xây cất được 5.600.000 căn nhà cho dân chúng, trong đó kể cả Nga-Xô.

* Hoa Kỳ : Đến lượt phim có mùi thơm

Lại không biết chừng tin vịt nữa cũng nên !

Mới đây, người ta loan tin Hoa Kỳ sắp bán ra ngoại quốc loại phim chiếu bóng có mùi thơm. Thấy và nghe là chuyện tất nhiên rồi, bây giờ các cậu lại cho khán giả, vừa ngồi xem vừa nghe được mùi thơm tho từ rượy, đồ ăn, nước hoa, v.v.. Kề ra cũng thú.

Nhưng kể ra nếu có cũng là chuyện cũ. Ngày 20-10-1946, giới sản xuất điện ảnh đã bị báo động có ông Hans Laube nọ đã tìm ra được 500 mùi thơm khác nhau để đưa vào phim lúc quay phim, bất kỳ trong khung cảnh nào.

Cũng cần nhớ lại ngày 1-4-1965 vừa qua, Đài BBC cũng đã báo động từ ngày ấy, các cuộc phát thanh của đài đều có toà mùi thơm.

Con vịt cồ này, chắc ai nghe đài BBC cũng nhận thấy rồi—

* SAIGON : nhiều taxi hơn cả.

Ba-Lê có 13.500 tắc-xi, Nữ-ước 11.000 chiếc, Luân - đôn 7.500 chiếc. Đồ đồng ở Ba - lê, cứ 360 người dân xài một chiếc, ở Nữ-ước 667 người và Luân-đôn 1.350 người.

Ở Saigon ta đây coi bộ cũng không nhường ai, mà còn hơn nữa là khác, nếu tạm tính theo những con số như sau : Dân số 1 triệu rưỡi người, tắc-xi hiện lưu hành 6.000 chiếc thì đồ đồng 250 người dân dùng một tắc-xi. Ít ỏi như thế mà chờ hàng mấy giờ mới có chiếc tắc-xi. Mía mai vậy ôi !

● MỸ : Dễ có mấy tay

Bà Emma Fortescue ở Kentucky (Mỹ) có lẽ là người đàn bà lạ nhất thế giới.

Năm 21 tuổi, nhân một cuộc tình duyên trắc trở sao đó, bà « khép cửa phòng thu », nghĩa là đóng cửa buồng thật sự và ở mãi trong ấy cho đến ngày 24-11-1961, là ngày bà qua đời, hưởng thọ được 79 tuổi.

Trong thời gian ngót 60 năm ấy, bà không bước ra khỏi phòng, không tiếp ai, nói chuyện gì với ai cả, kể cả người nhà. Đồ ăn hàng ngày do người nhà đưa lên do một nắp hầm thông xuống nền nhà dưới.

Hèn chi người ta thường nói : Thất vọng vì tình muôn đời không phai.

★ 28 đứa con

Bà Elena Gray de Parday ở Colombie đứng đầu thế giới về đông con. Tổng số 28. đứa : Ba lần sinh ba, 6 lần sinh đôi. Hiện còn sống 27 cô cậu.

★ PHÁP : Máy phát minh mới

● Một ~~hình~~ trúc sư tại Cologne vừa dựng ra một dự án cư xá mới, hình tròn, 25 tầng, cao 100

thước có thể chia ra làm 250 căn nhà đầy đủ tiện nghi, và rộng rãi cho gia đình.

● Cuối năm 1965 vừa qua, một anh nọ người Pháp đưa đề nghị lên sở Bưu-điện dùng loại máy điện thoại do anh vừa sáng chế. Máy có tài đặc biệt là khi bạn gọi giây nói mà giây đang bị bận, máy sẽ cử hầu bạn vài bản nhạc trứ danh để tiêu khiển trong lúc chờ đợi đỡ buồn phiền.

Tại Hambourg, hải cảng lớn nhất của Đức, người ta có đặt máy hút bụi khắp các ngõ đường. Máy còn chỉ dẫn cho bạn biết mức độ bụi bặm hay bị ứ khí v.v... chỗ đoạn đường có đặt máy, để bạn tránh, nếu muốn.

★ ĐỨC : Chó đi nghỉ mát

Tại Đức hiện nay có những chuyến xe lửa đặc biệt chở chó đi nghỉ mát. Đoàn tàu có tea khách sạn, có chỗ nằm. Chó được quyền đi theo. Mỗi bữa ăn có 2 món.

★ MỸ : Máy làm già hóa trẻ

đã phát họa về nước Pháp vào năm 1985 như sau:

Một anh da đỏ đến trước một thang máy mà không hiểu là cái gì. Bỗng có bà cụ già bước vào... máy đưa bà lên. Anh da đỏ ngờ ngác chưa hiểu ra sao thì thang máy lại tụt xuống, một thiếu nữ xinh tươi bước ra...

Anh ta nghĩ thầm :

— Trời ơi, máy gì thần tình quá vậy ? Nếu ta biết thế này mà đem bà xã theo thì hay biết mấy !

● Thuốc An Thần có từ đời thượng cổ

Không phải mới đây, người ta mới tìm ra thuốc an thần. Thời thị sĩ Homère, các chiến sĩ đã biết sử dụng thuốc này.

Trong ca khúc thứ tư của bộ Odyssee, cô Hélène, ái nữ của Zeus, đã cho hai « anh hùng » Ménélas và Télémaque một số thuốc an thần.

● Nước Pháp trong 20 năm nữa

Ông J.Guillamat, cùng 10 nhân vật cao cấp trong kế hoạch Pháp



— Dân số Pháp lên đến 60 triệu (Hiện nay chưa đến 50 triệu). Số nông-dân sẽ sụt lại bằng phân nửa ngày nay nhưng sản xuất nông nghiệp sẽ tăng gấp đôi.

— 8 trong số 10 người sẽ sống ở đô thị. Riêng Ba-lê sẽ đông đến 12 triệu người.

— Số xe hơi tăng lên gấp ba 25% gia đình sẽ có 2 xe hơi trở lên.

— Sẽ có 50 ngàn nhà « giáo dục về văn hóa » (hiện nay mới 2 ngàn).

— Thuế và quyền góp cho lợi tức quốc gia tăng lên 50%.

— Làm việc ít lại, nghỉ ngơi nhiều hơn nhờ vận chuyển gia

PHỞ THÔNG VÒNG QUANH

thông rất nhanh chóng.

— Xã hội năm 1985 trọng trung cho phong phú toàn diện xã hội của trí thức, của khoa học, của sáng tạo.

— Con người bất kỳ ở giai tầng nào, cũng phải tham gia hoạt động xã hội.

* Lại chuyện « xem thơ Quỳnh » ở Mỹ.

Tại mấy hàng lang bệnh viện Syracuse (tiểu ban Nữ-ước)

một hôm họ có cả hàng trăm nhà nghiên cứu về mỹ thuật, đang khen lấy khen để những « tác phẩm mà họ cho là thuộc về loại trừu tượng »... Tiếng đồn ra như gió, như bão...

Nhưng thật ra thì đây chỉ là những khung có căn bìa hay vài đề thơ sơn dựng vào chân tường mỗi lần xi nước sơn vào bàn ghế của bệnh viện...

Thật không khác ở xứ ta, ngày xưa, rủ nhau đi xem « thơ Quỳnh »



(tiếp theo P.T. 169)

* NGUYỄN - VỸ

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lán-Ông CHỢ LỚN

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-hiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-áo

MAURICE Honel đi rồi, để lại cho dân chúng Hà-nội nhiều câu chuyện bàn tán khá lý thú về thời gian một tuần lễ ông ở thủ-đô Bắc-kỳ. Nhờ tiếp xúc rộng rãi hàng ngày trong các giới trí thức, sinh viên, lao động, và làng Văn làng Báo, Tuấn học hỏi được rất nhiều trong các biến cố đặc biệt này. Khó mà biết được những cảm nghĩ xác thực của anh em bên đảng Cộng-sản, vì thường họ rất dè dặt, khôn khéo không thành thật trong việc phát biểu ý kiến, nhưng Tuấn có thể

biết rõ dư luận tổng quát và khách quan của các phần tử khác trong quần chúng, nghĩa là của đại đa-số nhân-dân. Dư-luận chung nổi bật trên hết, là nếp sống trưởng giả của người đại diện đảng Cộng-sản Pháp. Theo tuyên truyền của các nhóm Cộng sản « An nam », quần chúng lao động, sinh viên, trí thức, đã có sẵn thành kiến rằng Cộng sản là tổ chức đấu tranh của khối vô sản, khối nghèo đói, nên khẩu hiệu chiến đấu của Cộng sản Quốc tế là : « *Prolétaires de tous les pays, unissez-vous !* » (Hỡi những

người vô sản của tất cả các xứ. chúng ta hãy kết hợp nhau lại!) Bài quốc-tế ca (L'Internationale) của toàn thể Cộng-Sản Thế-giới cũng bắt đầu bằng hai câu sôi-dộng :

*Debout les damnés de la terre !
Debout les forcés de la faim !*

(Hãy đứng dậy, hỡi những người cùng-cực lao-khổ trên quả đất,

Hãy đứng dậy, hỡi những kẻ bị đầy-đọa đói rách!) Cho nên trước khi Honel đến Hà-nội, trong giới lao-động có khuynh hướng Cộng-Sản ai cũng đoán chừng rằng « đồng - chí » Honel, Nghị - sĩ Quốc - Hội Pháp, sẽ có một nếp sống rất bình-dân, ăn ngủ ở các xóm lao-động, và sẽ có những hành-vi đề-cao « Lao-động thần-thánh » theo danh-từ của các báo Cộng-sản hay dùng. Người ta chờ đợi những hành-vi đó, và nhất là những bài diễn-thuyết hùng-hồn, những lời kêu gọi nầy lửa chống Chủ-nghĩa đế-quốc, chống thực-dân Pháp, chống bọn tư-bản, v.v... mà Chính-phủ Đông-dương sẽ không dám làm gì ông. Ông là một đảng-viên có uy-tín của

Cộng-sản Pháp, đại-diện chính-thức của Cần-lao Pháp-Việt, của Đệ-tam Quốc-tế, đến Hà-nội để công-khai đề-cao giới Lao-động, bảo-vệ dân nghèo, và đề-chủ vào mặt bọn thực-dân, (Pháp), bọn đế-quốc, (Pháp) tư-bản (Pháp), bọn phong-kiến An-nam, và bắt-buộc tội phản-động đó phải lo đầy-dủ « cơm, áo, tự-do » cho vô-sản An-nam, (*prolétaires Annamites*, theo danh-từ thông-dụng)

Cho nên cái tin Maurice Honel sắp đến Hà-nội đã gây lên một niềm hy vọng lớn lao trong các giới gọi là vô sản. Honel được coi như là một vị cứu tinh do Đảng Cộng Sản Pháp phái sang để giúp đỡ vô sản An-nam đấu tranh thắng lợi.

Một hôm Tuấn đang ngồi nói chuyện chơi trong Tòa soạn báo En Avant với Đặng-xuân-Khu và Trần-huy-Liệu, có một anh và một chị bước vào, khúm núm, nói với Trần-huy-Liệu :

— Thưa anh, đồng chí Hồ-nên sắp sang, chúng em sẽ tham gia đón rước như thế nào, xin anh cho biết trước để chúng em lo sắp đặt ạ.

Trần-huy-Liệu hỏi :

— Anh ở đoàn thể nào ?

— Thưa anh, em là Tổng thư ký « Hội Ái-hữu công nhân Bồi Bếp ». Còn đây là chị Tuyết, thủ quỹ đây ạ.

Trần-huy-Liệu bảo :

— Chúng tôi cũng chưa biết nhất định hôm nào ông ấy đến. Sự tổ chức đón rước như thế nào chúng tôi sẽ loan báo sau.

Sau khi hai người này ra về Đặng-xuân-Khu bảo Tuấn :

— Chắc Arnoux không cho phép đón rước long trọng đâu anh ạ. (1)

Quả nhiên, sau đó Honel đến lúc nào ít người được biết. Một buổi chiều Trần-Huy-Liệu ở Tòa soạn về, ghé qua nhà Tuấn, bảo :

— 9 giờ sáng mai, ông Maurice Honel sẽ đến thăm chúng tôi ở tòa báo. Anh muốn đến nói chuyện chơi thì đến. Tôi sẽ giới thiệu anh nếu anh muốn.

— Ừ, muốn chứ. Các anh cho tôi nói chuyện với ông ấy độ 10, 15 phút nhé. Chắc ông ấy đâu có thì-giờ tiếp chuyện lâu nhỉ ?

— Nhất kiến vi kiến, nói chuyện qua-loa đề làm quen, rồi hôm nào rảnh sẽ gặp lâu hơn. Chúng tôi định sẽ tổ-chức một cuộc gặp-gỡ đông đủ anh em làng Báo trong một tiệc trà đãi ông Honel. Chừng đó tha hồ nói chuyện.

Trần-Huy-Liệu quên cho Tuấn biết Honel đến Hà-nội lúc nào. Ông ở một khách-sạn sang nhất của người Pháp, hút thuốc thơm Craven A. Một người bạn của Tuấn làm Giáo-sư Tư-thực, có kể chuyện lại cho nhiều người nghe rằng được Maurice Honel tiếp tại khách-sạn, anh lấy ra gói thuốc Méliá (giá bán 6 xu) mời ông Nghị-sĩ Cộng Sản một điếu nhưng Honel đỏ mặt, cười gượng :

— Cảm ơn ông, tôi không chịu được mùi thuốc bôn xứ (tabac indigène).

Xong, Honel lấy gói thuốc thơm Craven A mời lại ông Giáo-sư. Đến phiên ông này từ-chối với một nụ cười hóm-hỉnh :

(1) Arnoux, tên của viên Chánh Mật thám Pháp ở Hà-nội lúc bấy giờ.

— Cảm ơn đồng-chí. Tôi không chịu được mùi thuốc đẽ-quốc.

Biết anh chàng An-nam-mít muốn chơi xỏ mìn, Maurice Honel trả lời :

— Ở Paris, thợ-thuyền An-nam-mít cũng hút Craven A.

Những mẩu chuyện như trên được kể ra cho người này người nọ nghe và làm đầu-đề bàn-tán trong các cuộc nhóm-họp của sinh-viên, lao-động, trí-thức, trong thời-gian Maurice Honel ở khách sạn và sau khi ông từ-giã Hà-nội về Sài-gòn.

Nhiều anh chị em thợ-thuyền tự-động đến khách sạn thăm Honel vào những giờ bất thường, như 7 giờ sáng, một giờ trưa, vì các giờ khác « đồng chí » không có ở nhà. Nhưng thường bị Honel từ chối không tiếp, các bạn lao-động tỏ ý bất mãn.

Một buổi sáng chủ-nhật, một nhóm 5 anh thợ máy « An-Nam » ở một hãng sửa xe hơi của Pháp, đến khách sạn chờ từ 7 giờ sáng. Gặp anh bởi khách sạn, một người bảo :

— Chúng tôi muốn xin yết kiến đồng chí Hô-nen.

Anh bởi đáp :

— Ông Honel còn ngủ, 7 giờ 30 ông ấy mới dậy.

Anh em chờ đến 8 giờ. Anh bởi cho biết ông đang thay quần áo, sắp sửa ra đi. Anh em yêu cầu cho vào đợi ở phòng khách. Trong đám anh em, có một người nói được tiếng Pháp thạo hơn, được chọn làm « thông ngôn » (2)

8 giờ 15, Maurice Honel từ trên lầu bước xuống, tỏ vẻ ngạc nhiên thấy nhiều người ở phòng khách đang chờ ông mà ông không được báo tin trước. Nhưng ông cũng nhã nhặn tiếp. Anh thông ngôn nói :

— Thưa đồng chí...

Anh nói bằng tiếng Pháp, nhưng hình như « đồng chí » Honel không hiểu, nên phái đoàn « An nam » chỉ thấy ông trở mặt ngó anh « thông ngôn », không đáp lại một lời nào cả. Sau cùng, Honel bảo :

— Tôi cảm ơn các bạn đến thăm. Nhưng tôi tiếc rằng tôi có « rendez-vous » 8 giờ 30.

Vừa lúc đó, có một anh ở tòa báo En Avant phái đến đề đưa

(2) Nay gọi là thông dịch viên

Honel đi đến nơi đã hẹn. Phái đoàn thợ máy xe hơi đành phải ra về, và đi thẳng đến tòa báo phân nản về sự đồng chí Honel tiếp anh em một cách lạnh nhạt. Mặc dầu nhân viên tòa báo giảng giải, anh em vẫn không thông cảm. Do đó và nhiều chuyện khác mà có dư-luận rằng đại-diện Đảng Cộng-sản Pháp và Mặt-trận Bình-dân ở Paris có thái-độ quan-liêu lắm, không có gì là « bình-dân » theo như người ta tưởng. Bài quốc-tế-ca « L'Internationale » không có bản dịch ra Việt-ngữ (theo lời Trần-huy-Liêu thì bản ấy khó dịch ra tiếng Việt đúng theo nốt nhạc của bản chính tiếng Pháp). Hôm tiệc trà thết đãi Honel chỉ có một số ít đảng-viên trí-thức hát tạm tạm được bài quốc-tế-ca với Honel mà thôi, còn đám đông đại-diện Lao-động các giới đều đứng làm thinh nghe. Có vài ba anh, trong đó có một người mắt lè, miệng to, biết chút ít tiếng Pháp, nhưng hát bậy-bạ mà lại giọng hát của anh ta ồ-ồ làm át cả các tiếng hát khác, thành-thử chẳng ai hiểu gì cả. Honel tỏ vẻ khó chịu và quạu-quọ, kiêu-căng lắm. Suốt buổi tiệc, không-khí gượng-gạo, giả-dối,



mặc dầu Đặng-Xuân-Khu và Võ-nguyên-Giáp luôn luôn cười nói để gây ra đôi chút niềm-nở thân-mật với đồng-chí Pháp. Vụ mất chiếc bóp của Honel hôm thăm đồng-bào bị nạn lụt ở Đáp-cầu càng thêm gây cho nghị-sĩ Cộng-sản Pháp một cảm-tưởng rất xấu xa về dân-tộc Việt-Nam. Mặc dầu Đặng-xuân-Khu quả quyết th^h phạm là một tên mật-thám, Honel vẫn nghi cho một tên móc túi (pick-pocket) trong đám dân-chúng, vì Honel được một số đông đảng-viên Cộng-sản luôn luôn đi kèmbên cạnh, để che-chở và giữ-gìn an-ninh cho ông, mật-thám không thể nào đến gần ông được. Vụ mất bóp của Honel gây ra một dư-luận xôn-xao vô cùng. Chúng qui Honel chỉ mất một số giấy bạc, và một ít giấy tờ quan trọng, còn Dân-tộc Việt-Nam thì bị mất cả danh-dự và uy-tín. Trong vụ này, « đồng-chí » nghị-sĩ Pháp không

muốn phân-biệt đảng-viên Cộng-Sản « An-Nam » và « người An-Nam », (les Annamites). Các ông ấy nghĩ như bọn thực-dân rằng « Chúng nó là dân ăn-cắp ».

Dĩ-nhiên, có liên sự phản-ứng trên vài tờ báo của các phe cách-mạng quốc-gia. Những báo

này thuật lại vụ Honel bị mất bổng cho rằng nếu không phải bọn mật-thám lấy thì là một « đồng-chí gác-dờ-co » của ông nghị Cộng-sản, chớ không thể là một người thường-dân được, vì thường dân đâu được đến gần vị đại-diện chính-thức của Đảng Cộng-sản Pháp.

(Còn nữa)



● ÔNG NHÀ GIÀU VÀ MỤC SƯ

Trong một nhà thờ ở Ai-nhĩ-Lan, vị Mục-sư đang quỳ gối. Khi đến trước một ông chủ trại bụng bự giàu có, mục sư đưa cái mâm ra như đối với tất cả những người khác hiện diện trong nhà thờ.

Ông chủ trại đặt vào mâm một đồng liu.

Ngay nhiên trước số tiền tặng rộng rãi như vậy, mục sư thối lời cảm tạ và nói thêm:

— Ông Pat, ông vừa đem được một linh hồn ra khỏi địa ngục.

— Thật vậy à! ông chủ trại nói. Vậy thì, đây, một đồng liu khác nữa để đem một linh hồn thứ hai ra khỏi địa ngục.

Ông đặt đồng liu thứ hai lên mâm và hỏi:

— Nhưng mục sư có chắc là hai linh hồn đó đã ra khỏi hẳn địa ngục rồi không?

— Chắc chắn như vậy, hoàn toàn chắc chắn.

— Như vậy để hai đồng liu ở mâm lại đây cũng chẳng ích gì nữa.

Vị mục sư trở mặt sừng sờ, ông chủ trại nhặt hai đồng liu ra khỏi mâm bỏ trở lại vào túi.

LỬA TÌNH

★ Trần-Tuấn-Kiệt

(tiếp theo FT 169)

MÀ rợn lên trong lòng Triệu, khiến cả tứ chi Triệu như cảm khoái và tấm lòng sâu thẳm của chàng như rung động lên với cái giọng huyền bí đó. Triệu cố đoán xem nàng kêu tiếng gì. Nhưng giấc mơ của người yêu quá huyền nhiệm. Đó là tiếng kêu của một cung nữ nào trong thâm cung đưa ra ngoài mà Triệu như một chàng trai đang dò lần lối vào thượng uyển.

Triệu định cúi xuống hôn lên đôi má hồng nà kia, nhưng, chàng ta im lặng nhìn ra ngoài. Có tiếng chân dẫm ngoài cửa, có vẻ khả nghi. Rời tiếng chân đi về hướng cuối dãy phố lâu. Triệu yên lòng nằm xuống ngủ một giấc dài mệt mỏi.

Đã quá trưa, bóng nắng và lớp bụi mỏng lùa vào khe cửa chói chan trên giường. Triệu

bực-bội ngồi lên. Chàng nghe còn phưởng phất làn hương nồng diễm của người yêu. Lúc mở mắt nhìn lại. Nga như một nàng tiên trong mộng, một giấc mộng thần kỳ nay đã biến đi đâu mất. Nhìn quanh, chàng bỗng giật mình. Nga đi thật. Nàng không để lại dấu vết gì cả. Đến một lá thư cũng không có. Một hy-vọng thoáng qua, chàng khẽ nhìn ra ngoài hy vọng dưới đường kia, có những gì lạ. Nhưng mọi sự vẫn yên ổn. Xe cộ ồn-ào, chàng vội mặc áo bước xuống lầu. Gặp một người dọn phòng, anh ta vẫn không biết gì về Nga. Không rõ nàng đi từ lúc nào.

Triệu thấy hơi ức trong lòng. Có lẽ Nga lại bỏ đi một cách bí mật lạ thường đó. Ất hẳn có điều gì đây. Nga không thể nào báo tin cho chàng biết. Hoặc những bước chân lạ hồi đêm

khuya. Có lẽ. Đó cũng là một lý-do khiến Triệu nghi ngờ. Chàng ngại bọn côn-dò trở lại bả Nga phải đi về vũ-trường.

Còn đang phân vân, bỗng nhiên bên ngoài có tiếng vọng vào, tiếng nói quen thuộc dường như Triệu đã nghe nhiều lần. Quả là tiếng của một người con gái.

Triệu ngạc nhiên vô cùng. Tiếng nói đó còn gọi lên Triệu một thứ tình thân mật, khiến chàng lo lắng. Chàng chưa kịp lẩn tránh thì một người đàn bà bước vào. Nàng nhìn Triệu, im lặng. Cặp mắt hơi lạnh-lùng. Đó là Dung, vợ chàng.

— Sao em biết anh ở đây mà vào ?

Dung cười :

— Em được tin.

Triệu hỏi :

— Tin gì, của ai đưa ?

— Của một người lạ mặt.

Triệu càng ngạc nhiên :

— Ai ?

Dung lắc đầu :

— Em không rõ. Nhưng họ tốt !

Triệu hơi giận, hỏi :

— Tốt thế nào ?

— Họ chỉ cho em nơi này. Anh ngạc nhiên lắm ư ?

Không thèm trả lời, Triệu chỉ gật đầu, rồi nói :

— Anh vừa về. Người báo tin cho em có lẽ là một cô gái.

Dung đùa :

— Anh nói sai.

Triệu quắc mắt :

— Nếu thế thì .., nguy lắm !

Dung nhìn chòng, cũng lạ lùng không kém :

— Một cô gái ư ?

Triệu gật đầu :

— Vâng, anh tưởng cô ta tìm anh chứ.

Dung đặt chiếc giỏ xách trên tay xuống :

— Anh nói nghe lạ quá, em không hiểu. Nay giờ nhiều sự việc xảy ra quá. Thôi về nhà rồi em kể lại cho anh biết.

Triệu cùng vợ lên xe. Triệu ngồi yên không được. Quay lại hỏi Dung :

— Em nói gì anh nghe lạ lùng ghê lắm. Hãy kể đi.

Dung nói :

— Kề mau làm gì ! Đề về nhà rồi anh rõ. Có một lá thư.

Chữ viết rất dối như là người mới biết viết.

— Chuyện đó không cần. Điều cần là làm sao em hay được anh ở đây. Và ai đó gọi đến cho em lá thư nọ. Có phải là người thân hay chăng ?

— Không !

— Chứ ai ? Triệu hỏi.

— Thì em đã bảo là của một người xa lạ.

Triệu tức quá :

— Đầu, đưa thư cho anh xem ?

Dung hỏi :

— Anh cần xem gấp lắm ư. Về gần tới nhà rồi mà !

Thoát cái xe đã đậu trước nhà. Triệu nhảy phốc xuống, chạy vào phòng định tìm lá thư kia. Dung vừa vào tới :

— Anh tìm gì ?

Triệu hỏi :

— Lá thư đâu ?

Dung trao lá thư trong tay nàng. Triệu giữ ra xem.

Ngày... tháng... năm...

Anh Triệu của em,

Dường như chúng ta chỉ có duyên với nhau trong một ngày, một tháng năm nào đó thôi. Lần trước cũng vậy. Ngày mà anh chưa có vợ. Đến nay anh đã có vợ con. Em không thể để anh bỏ gia đình được nữa. Đời em đã như vậy, đã kể như bỏ đi rồi, để mặc em. Rồi cuối cùng mọi sự đều êm thấm cả. Khi chúng ta nằm xuống... và yên ổn. Em vẫn là em của anh. Còn chị Dung, là vợ anh, xin anh săn sóc chị và con cái.

Em chỉ kịp viết mấy lời này. Khi anh đọc xong thư này em đã đi xa rồi. Đừng tìm kiếm thất công.

Mong anh được an vui với gia đình.

Ký tên : Nga

Khi Triệu đọc thư xong, chàng vừa bỏ lá thư xuống, tâm hồn bàng hoàng bỗng nghe tiếng Dung nấc lên bên cạnh. Triệu nghe như mình đang ở trong một cơn say sóng dữ dội. Chàng bước lại phía Dung vỗ về cố an ủi nàng, trong lúc đó chàng cũng cảm thấy mình như một kẻ điên loạn đang làm một việc khờ khạo.

Dung không nói gì, bỏ đi vào buồng. Nơi đó có đứa con của nàng đang ngủ yên trên võng.

Triệu vào hôn con. Nhìn nó một lát chàng lại quay sang Dung :

— Anh xin em thứ lỗi, sau này anh quá buồn nên xảy ra nhiều chuyện không đẹp, bây giờ chúng ta gần nhau sẽ tạo lập lại...

— Tạo lập gì ? Dung đau đớn hỏi :

— Chúng ta sẽ ở cạnh nhau, không còn ai cô đơn nữa.

— Khó lắm, em không giận anh đâu nhưng em đã chặn ngăn đăm. Triệu ngồi xuống bên cạnh

Dung : — xin em chớ buồn nữa, đời còn nhiều bi đát hơn, dù sao chúng ta cũng là vợ chồng, còn tình ái bên ngoài anh không chối cãi được sự lảng-nhãng của anh... bây giờ anh xin chấm dứt chuyện đó, em bằng lòng chứ.

Dung thấy khá vui nỗi sầu :
— em cũng xin anh lần này, em khổ quá ! Triệu : — Bây giờ hết khổ đề anh kề em nghe một chuyện khổ của người khác nhé, một chuyện thật *Bí Ẩn* và đau xót.

Trong lúc Dung đưa con, Triệu nằm xuống cạnh nàng và bắt đầu kể.

(Còn tiếp)

Hỷ Tín

Chúng tôi có nhận được hồng-thiệp của cô Phan-thị-Mai, thứ-nữ của Bà Quả-phụ Trần-thị-Ngất, 23012 ấp Tây I trại Định-Cư Phú-Nhuận, báo tin lễ thành-hôn cùng cậu Nguyễn-văn-Lê trưởng nam của ông bà Nguyễn-văn-Tình, Biên-Hòa.

Hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon, ngày 11-5-1966.

Xin thành thật chúc đôi tân-hôn được trăm năm hạnh-phúc.

Nguyễn-Vỹ



● Cửa Ô. Phan - Lật, H.S.Q./T.B. K.B.C. 4022 — Nhận-xét về một bài của Ông Hồ-hữu-Tường

... Tôi vừa đọc lại một tập *Bán nguyệt-san* số Xuân Bình-ngọc ra ngày 15-1-66. Trong đó ở trang đầu có đăng bài : « Tía tôi ăn Tết » của Hồ-hữu-Tường, nhà văn mà tôi đã từng nghe tiếng trong số các nhà văn Việt-nam hiện đại.

Tôi có vài ý-khiến thiên-cận nhận-xét bài văn này và kính mong Ông vui-lòng cho tôi cũng như các bạn đồng-ngũ được biết về sự nhận xét của Ông đối với bài này, và câu chuyện vợ chồng chàng Sam theo như ông Hồ-hữu-Tường thuật có thật hay không ?

Trong bài « Tía tôi ăn tết » tựa đề như vậy, nhưng sự thật trong đó ô. Hồ-hữu-Tường đã dành hầu hết nội-dung để nói về Phật-giáo. Câu chuyện theo tôi thì hoàn-toàn bịa-đặt, tuy ông đã dùng 1 nhân vật trung-gian là « Tía của ông » đã kể lại, và ông chỉ là người thuật chuyện. Nhưng cốt chuyện tôi thấy ông đã mượn lời văn đề châm biếm hoặc nói xấu Phật-giáo rất nhiều.

Ông phủ-nhận việc ăn chay như câu : « *Dựa cái chằm chao không đủ quyền-lực đưa đến trước Thích-ca* ». Hoặc chuyện vợ chồng chàng Sam ở chùa Tây-an lại hiểu lầm là Quan-Âm-Thị-Kính v.v...

Nhất là đoạn-kết ông Hồ-hữu-Tường đã viết : « *Vị Cao-tăng nào quá-quyết... rằng ai dám phát đại-nguyện miễn cho loài người tai-họa chiến-tranh, kẻ ấy xứng làm vị Phật cao hơn hết tất cả các vị Phật khác !* »

Tuy việc ăn chay theo ông nói cũng có phần đúng, vì có một số người ăn chay nhưng đầy đầy tính xấu.

Nhưng nếu ai chịu khó đọc hết bài văn thì sẽ thấy hoàn-toàn nói xấu Phật-giáo.

Riêng tôi, xem xong bài này, sự kính-phục đối với nhà văn Hồ-hữu-Tường tự-nhiên mất hẳn.

Kính thưa Ông Giám-đốc, Những điều nhận-xét của tôi trên đây chắc là vì nông-nổi mà trở nên sai-lầm chăng ?

Sự thật tôi thấy nó đúng chạm đến tôn giáo nhiều quá.

Một lần nữa, xin ông vui lòng cho chúng tôi được thỏa-mãn với các thắc-mắc nêu trên.

Kính,

PHAN LẬT HSQ/TB
KBC : 4022

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● Bạn Ngô-Từ-Linh, Kiên-Giang.

Thành thật cảm ơn thư bạn.

● Bạn Trần-Hữu-Ngư, Hàm-Tân

Thư bạn gửi hôm tháng trước, chúng tôi có nhận được. Xin gửi cho bài khác.

● Bạn Nguyễn-văn-Trúc, Đà-nẵng

— Sách Yoga có : *Yoga pour tous, Yoga pour lui, Yoga pour elle. ABC du Yoga*, v.v... bằng Pháp văn. Các tiểu sách lớn ở Sài-gòn đều có bán. Yoga tự học một mình hơi khó : phải chuyên-cần, và rất nhiều kiên nhẫn.

— 15-4 quý-mùi = 18-5-1943

● Ô. Nguyễn Quỳnh, Gia-Định

Việt-Tấn-Xã và Vô-tuyến-truyền-thanh là 2 cơ quan của Chính-phủ, thuộc quyền Bộ Thông-Tin và Tâm-lý-chiến. Về vấn đề lương và quân dịch, xin hỏi ngay tại các cơ-quan đương-sự.

● Cậu Mạc-vân-Hùng, học sinh Hội-an.

Đến bây giờ cậu còn binh-vực ông Diệm thì đã quá trẻ chẳng ?

Cậu phủ-nhận một vài tài-liệu lịch-sử về thời nhà Ngô, đó là quan-điểm riêng của cậu. Nhưng cậu muốn đăng bài ấy trên tạp-chí P.T. thì hơi khó vì không hợp với tôn-chỉ và lập-trường của Phò-Thông.

● Ô. Nguyễn-dình-Tur, Nguyễn-Hoàng, Nha-Trang

Ông viết thư về văn-phòng « Société des Etudes Indochinoises » ở Viện Bảo-tàng Quốc-gia, Sài-gòn, hoặc ông Jaya Panrang, Viện Khảo-cổ, Sài-gòn.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● Ô. Nguyễn-Quốc-Dúng, Đại-Đội 395 B- KBC. 4091

Bài thơ « Tự thán » :

Riêng mình tựa án, nghĩ rồi lo.
Tâm sự nào ai đáng chuyện trò.
Vương-vấn tình nhà dòng chỉ rỗi
Phất-phơ hồn nước dạ lơ lơ.
Công-ơn chín chữ lưng trời vội,
Duyên nợ ba-sinh đáy biển dờ.
Ngao-ngán nỗi tình thêm nỗi cảnh
Bề sâu bao thuở lấp bằng cho.

Tác-giả là một nữ giáo-viên (cô Trợ Dư) Quảng Ngãi, làm vào khoảng năm 1924—25. Không phải thơ kháng chiến, vì những năm ấy chưa có chiến tranh chống Pháp.

● Ô. Lê-Quang, U.S.A.

Hình như bà Ngô-dình-Nhu hiện giờ ở Rome. Rất tiếc chúng tôi không biết địa-chỉ.

● Cậu Trần-q-Thuyền, Trung học cấp II Quảng-Ngãi

Chức Chuẩn úy được đặt ra từ khi có trường Thủ Đức. Cấp hiệu Alpha không có ý nghĩa gì về văn hóa, và không phải để so sánh với Béta, gamma v.v...

● Ô. Trần-m-Hòa, giáo sư, Saigon

Trước khi khởi nghĩa, Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học ở toàn Bắc-kỳ chỉ có trên 1500 đảng viên, trong số đó có, trên 100 binh sĩ (Lính Khố-xanh và Khố-đỏ của Quân thuộc đệ Pháp) và một thiểu số sinh viên và học sinh, ở Trung kỳ và Nam kỳ số đảng viên quá ít, và không hoạt động được gì mấy.

Trong đám học sinh đáng khen nhất là Trịnh-văn-Yên, học lớp Đệ Tam niên trường « Trung học Bảo hộ » (Trường Bưởi), mới có 17 tuổi mà đã giỏi về môn Hóa học. Chính Yên đã tự chế ra « bom » đạn cho đảng để ném vào một vài công sở của Pháp ở Hà-nội, gây ra thiệt hại khá nhiều bị bắt và bị tù. Trịnh-văn-Yên vẫn tiếp tục chuyên

môn nghiên cứu Hóa-học và đã trở nên một Kỹ sư hóa học năm 1946, tiếp tục tham gia kháng chiến 1946-1954 ở ngành sản xuất đạn dược.

● **Bạn Phạm-thanh-Lịch, Đà-Lạt**

1-7- át dậu = 8-8-1945.

● **Ô. Nguyễn-văn-Sang. KBC. 4859**

« Người Chiến-quốc », và « Bí mật Thế-chiến thứ II » của Thiếu-Son, hiện chưa xuất bản thành sách.

★ **Bạn Nguyễn-văn-Núi, Huỳnh-thức-Kháng, Nha-Trang**

Chúng tôi có nhận được các bài của bạn đọc bốn phương gửi về. Còn đăng được hay không, chúng tôi rất tiếc không thể trả lời riêng được theo thông lệ chung của các báo.

Lý-do : 1) bài của bạn đọc gửi về nhiều lắm, chúng tôi không thể đặc biệt chú-ý riêng đến một bài nào. Nếu bài có giá-trị là chúng tôi đăng, không phân biệt của ai.

2) Chúng tôi không có thì-giờ trả lời riêng từng cá nhân.

Xin quý bạn thông cảm.

● **T.T. Lê-văn-Tâm KBC 3369**

12-12-1944 = 27-10 Giáp-Thân

16-3-1950 = 28 tháng Giêng - Canh-dần.

Gió bắc = gió Bắc. Gió nồm = gió Nam

Hai chữ *bắc* và *nồm* chỉ là biến-thể của *Bắc*, *Nam*. Cũng như chữ *Nôm*, là biến-thể khác của chữ *Nom*.

Chữ *Hán* = *độc-giả*, *quả-phụ*.

Tiếng Việt = bạn *đọc*, đàn bà *góa*.

Vì vậy, nói hoặc viết : « *đọc-giả* », « *góa phụ* » là sai.

★ **Ô. Đoàn-Quy, Đại-học Luật-khoa.**

Hội-nghị Bandoeng đầu tiên của các nước Á-Phi nhóm ngày 18-4-1955, có 29 quốc-gia độc-lập ở Á-Châu và Phi-Châu tham-gia.

do 5 nước đứng tên mời nhóm : Diến-Điện, Tích-Lan, Ấn-Độ, Indonesia và Pakistan.

24 nước được mời dự :

Á : Afganistan, Cambodge, Trung-Cộng, Iran, Irak, Nhật-bôn, Jordanie, Laos, Liban, Lybye, Népal, Phi-Luật-Tân, Arabie Séoudite, Syrie, Thái-Lan, Turquie, Bắc-Việt, Nam-Việt, Yémen.

Phi : Ai-Cập, Ethiopie, Côte de l'Or, Liberia, Soudan.

Tổng-cộng dân-số của 29 nước hội-viên = 1.400 triệu người.

★ **Cô Đinh-thị-Liêu, Lê-Lợi, Sài-gòn.**

Bộ truyện « Hai Thiêng-Liêng » của N.V. đã bán hết từ lâu, chưa tái bản.

Rất tiếc ở tòa soạn không còn quyền nào. Ảnh của tác-giả cũng không có.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hay hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Tin Vui

Hai người yêu nhau :

TRƯƠNG-ĐẮC-CHÍNH

và

CHỮ NGỌC TỬ-ANH

đã nên duyên vợ chồng.

Nhân dịp vui mừng bất tận này, anh chị xin chúc mừng hai em hạnh phúc êm ấm như một bài thơ hay nhất ; và con trai đầu lòng của hai em sẽ thông minh xinh và đẹp như TỬ ANH — ĐẮC CHÍNH.

Anh chị Minh-Đặng-Khánh
và Khuê-Khôi-Khoa

Đính Chính ở Phở-Thông 169

● Bài « Vui buồn trong lòng văn. lòng báo » trang. 104 câu :
Ai khiêu khích, hay nói xấu. Minh. mặc họ. Vì sự thật...

Xin sửa lại cho đúng :

« Ai khiêu khích, hay nói xấu mình, mặc họ Sự thật vẫn là sự thật. Minh nên tránh... »

● Bài « Thần thoại Hy Lạp La-Mã » trang 60, đầu đề :

« Những sự phiêu lưu của Antée cho đến... »

Xin đọc là « Những sự phiêu lưu của ENÉE cho đến lúc

Anchise chết ».

Đa tạ. — P.T.

KÊ THÙ VÀ NGƯỜI YÊU CHÚNG TÔI HÃY NHỚ :
tiếng nói

**TẠP CHÍ VẬN ĐỘNG
VĂN HỌC THẬT LỰC**

đã phát hành hàng tháng từ 4-1966.

chủ biên bởi :

ĐỖ QUÍ TOÀN — DƯƠNG NGHIÊM MẬU — NGUYỄN MẠNH
CÔN — NGUYỄN TRUNG — NGUYỄN SA — NGUYỄN THUY
LONG — NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG — TRẦN TUẤN KIẾT —
TRẦN DA TỬ — TRẦN ĐỨC UYÊN — NHÀ CA — NGUYỄN
HỮU ĐÔNG — VIÊN LINH — NGUYỄN KHẮC NHÂN

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ
dùng **Kim Xiển-Bơn** hiệu « con Ve » mau hết.

● **AI BỊ BỊNH HO :**

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống
thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn hiệu Con Ve Ve** trừ đàm
bỏ phôi dứt cơn ho.

Phát, hành : DI-SANH-ĐUỜNG, số 153 đường Lê-
văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

Cần Đến kinh kỳ, Bần hãn đã dượt, hay là đang
hành kinh mà đau bụng, uống :
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

**DẪN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHÔI**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ AU-DUỘC



K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

K.D. số 851 ngày 15-4-66

Giấy phép số 292 CDVITT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của Phò Thông

231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon